



UNODC

United Nations Office on Drugs and Crime



CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM

2012 - 2017



Mục lục

Mục lục	ii
Các chữ viết tắt	iii
TÓM TẮT	2
GIỚI THIỆU	3
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH	5
Phát triển và bối cảnh khu vực	5
Đánh giá rủi ro	6
<i>Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Buôn bán trái phép</i>	6
<i>Tham nhũng và rửa tiền</i>	10
<i>Phòng chống khủng bố</i>	11
<i>Tư pháp hình sự</i>	12
<i>Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS</i>	14
CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỐI TÁC HIỆN TẠI CỦA UNODC	17
Các hoạt động của UNODC	17
Các đối tác của UNODC	18
KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH 2012-2017	20
Mục tiêu, kết cấu và quy mô chương trình toàn diện	20
Thống nhất với Kế hoạch Chung	22
Tiểu chương trình 1: Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép	23
Tiểu chương trình 2: Tham nhũng và rửa tiền	29
Tiểu chương trình 3: Phòng chống khủng bố	33
Tiểu chương trình 4: Tư pháp hình sự	36
Tiểu chương trình 5: Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS	40
GIÁM SÁT VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	44
Điều phối và quản lý	44
Nguồn lực cần thiết và tài chính	45
Giám sát và báo cáo	46
Đánh giá	46
Quản lý rủi ro	47
Cam kết và bối cảnh pháp lý	48
PHỤ LỤC 1 - Tình trạng ký kết, phê chuẩn các Công ước & Nghị định thư của Liên hợp quốc về ma túy, tội phạm & khủng bố của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	50
PHỤ LỤC 2 - Kết quả chung và kết quả chi tiết Kế hoạch Chung	53
PHỤ LỤC 3 - Kết quả chương trình quốc gia và khuôn khổ giám sát	54
PHỤ LỤC 4 - Ngân sách thực hiện	64
PHỤ LỤC 5 - Sơ đồ tổ chức	65

Các chữ viết tắt

AIDS	Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải
AML/CFT	Chống rửa tiền/Chống tài trợ cho khủng bố
APPR	Báo cáo thường niên về tiến độ dự án
ARV	Thuốc kháng virus
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASIAN-WEN	Mạng lưới hành pháp về động vật hoang dã Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ATS	Các chất ma túy dạng Amphetamine
BCC	Tuyên truyền thay đổi hành vi
BLO	Văn phòng liên lạc qua biên giới
BZP	Benzylopipezine
CEDAW	Công ước Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
CFT	Chống tài trợ cho khủng bố
CHP	Trung tâm Tăng cường sức khỏe cộng đồng
CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
COHED	Trung tâm Phát triển giáo dục và sức khỏe
CP	Chương trình quốc gia
CT	Phòng chống khủng bố
CSAGA	Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới-Gia đình-Phụ nữ và Vị thành niên
CUP	Chương trình sử dụng bao cao su
DAO	Thống nhất hành động
DAPC	Trung tâm Phòng chống lạm dụng ma túy
DSEP	Cục Phòng chống tệ nạn xã hội
ENV	Trung tâm Giáo dục thiên nhiên Việt Nam
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc
FATF	Lực lượng đặc nhiệm tài chính
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FIU-AMLIC	Đơn vị thông tin nghiệp vụ tài chính – Trung tâm thông tin chống rửa tiền
FSW	Phụ nữ hành nghề mại dâm
GHB	Axit Gamma Hydroxybutyric
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GOV	Chính phủ Việt Nam
HIV	Virut suy giảm miễn dịch ở người
HQ	Trụ sở chính
ICRG	Nhóm rà soát hợp tác quốc tế
IDU	Những người tiêm chích ma túy
IEC	Thông tin, giáo dục, tuyên truyền
IFAD	Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
M&E	Giám sát & Đánh giá
MARD	Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
MDMA	Methylenedioxymethamphetamine
M/F	Nam/Nữ
MLA	Tương trợ tư pháp
MMT	Liệu pháp duy trì bằng methadone
MOCTS	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
MOD	Bộ Quốc phòng
MOET	Bộ Giáo dục và Đào tạo
MOH	Bộ Y tế

MOIC	Bộ Thông tin và Truyền thông
MOJ	Bộ Tư pháp
MOLISA	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
MOU	Bản ghi nhớ
MPS	Bộ Công an
MSM	Đồng tính nam
NA	Quốc hội
NCFAW	Ủy ban Quốc gia vì Sự tiến bộ của Phụ nữ
NGO	Tổ chức phi chính phủ
NSP	Chương trình bơm kim tiêm
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
OP	Kế hoạch chung
OPMP	Kế hoạch Quản lý Kế hoạch chung
PCG	Nhóm điều phối chương trình
PEPFAR	Kế hoạch Cứu trợ khẩn cấp của Tổng thống Hoa Kỳ về phòng, chống HIV/AIDS
PEP-UP	Dự phòng lây nhiễm sau phơi nhiễm & Các biện pháp phòng ngừa chung
PLHIV	Người sống chung với HIV
PMTCT	Phòng tránh lây nhiễm từ mẹ sang con
PSC	Chi phí hỗ trợ dự án
PSU	Đơn vị hỗ trợ chương trình
POP	Các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ
PVHT	Người dễ thành nạn nhân buôn người
REACH	Tổ chức Tia hy vọng tiếp nối và bắt diệt
RPF	Khung chương trình khu vực
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SEDP	Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội
SODC	Văn phòng thường trực Phòng chống Tội phạm và Ma túy
SPC	Tòa án nhân dân tối cao
SPP	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
STI	Bệnh lây nhiễm qua đường tình dục
TFMPP	Trifluoromethylpennyloperazine
TI	Tổ chức Minh bạch Quốc tế
TPR	Cuộc họp ba bên
TDT	Nhóm phát triển mục tiêu
UN	Liên hợp quốc
UNAIDS	Chương trình phối hợp của Liên hợp quốc về HIV/AIDS
UNCAC	Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng
UNCT	Nhóm các trường đại diện các văn phòng Liên hợp quốc
UNDAF	Khuôn khổ Hỗ trợ Phát triển của Liên hợp quốc
UNDP	Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc
UNFPA	Quỹ Dân số Liên hợp quốc
UN-HABITAT	Chương trình Định cư con người của Liên hợp quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc
UNIDO	Tổ chức Phát triển Công nghiệp của Liên hợp quốc
UNODC	Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc
UNTOC	Công ước của Liên hợp quốc về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia
UNV	Chương trình Tình nguyện Liên hợp quốc
UN WOMEN	Cơ quan của Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và nâng cao quyền năng phụ nữ
VAAC	Cục phòng chống HIV/AIDS
VLA	Liên đoàn luật sư Việt Nam

WCS	Hiệp hội Bảo tồn Động vật hoang dã
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
WU, YU	Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên

Trang chữ ký

Thời gian	07/2012 - 7/2017
Thời điểm bắt đầu	07/2012
Địa điểm	Việt Nam
Các tiểu chương trình chiến lược	<ol style="list-style-type: none">1. Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Buôn bán trái phép2. Tham nhũng và Rửa tiền3. Phòng chống khủng bố4. Tư pháp hình sự5. Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS
Tổng ngân sách	14.457.700 đô la Mỹ

Mô tả vắn tắt

Chương trình này nhằm giới thiệu tầm nhìn chiến lược của Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc trong việc hỗ trợ Chính phủ Việt Nam giải quyết những thách thức về tội phạm và ma túy trái phép. Chương trình kéo dài từ tháng 07/2012 đến tháng 7/2017 và được xây dựng thống nhất với các hoạt động hỗ trợ của UNODC cho Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015 và Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội 2011 – 2020. Chương trình cũng đồng nhất với Kế hoạch Chung giai đoạn 2012 – 2016 và đảm bảo sự tham gia của Văn phòng UNODC tại Việt Nam trong việc triển khai các lĩnh vực hợp tác chiến lược của Kế hoạch nằm trong nhiệm vụ toàn cầu của UNODC. Chương trình quốc gia phù hợp với Khuôn khổ chương trình của UNODC khu vực Đông Á và Thái Bình Dương. Chương trình đề cập đến tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép, tham nhũng và rửa tiền, phòng chống khủng bố, tư pháp hình sự và giảm cầu ma túy và HIV/AIDS. Tập trung vào hỗ trợ chiến lược với trọng tâm đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế. Kết hợp chính sách với thực tiễn, chương trình bổ sung tư vấn chính sách với hỗ trợ kỹ thuật toàn diện.

Chương trình được xây dựng có sự tham vấn với các cơ quan chính phủ, tổ chức tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng và các nhà tài trợ và sẽ phối hợp với các đơn vị này để triển khai.



Ông Cao Việt Sinh
Thư trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Đại diện Chính phủ
Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam



Bà Zhuldyz Akisheva
Giám đốc quốc gia
Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm
của Liên hợp quốc

TÓM TẮT

1. Nhiệm vụ của Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc (UNODC) là góp phần đạt được an ninh và công bằng cho mọi người bằng cách giữ thế giới an toàn hơn trước ma túy, tội phạm, tham nhũng và khủng bố. Chương trình quốc gia giai đoạn 2012 – 2017 hiện thực hóa tầm nhìn này thành cơ sở hành động tại Việt Nam và đưa ra định hướng chiến lược cho Văn phòng quốc gia của UNODC trong hoạt động tương lai. Chương trình được xây dựng thống nhất với các ưu tiên trong những văn bản chính sách mới ban hành của Chính phủ, cụ thể là Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội giai đoạn 2011 – 2015 và Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2011 – 2020. Chương trình cũng hướng tới việc thống nhất các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của UNODC với Kế Hoạch Chung giai đoạn 2012 – 2016, từ đó đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả toàn diện của hoạt động của Liên hợp quốc tại Việt Nam.

2. Trong hơn hai thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và giảm đáng kể tỷ lệ nghèo, từ 37,4% năm 1998 còn 14,5% năm 2008. Việt Nam đã đạt được hầu hết các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Các tổ chức trong nước đã phát triển hơn, và có bằng chứng cho thấy sự tham gia nhiều hơn của Quốc hội và truyền thông vào việc giám sát và kiểm tra Chính phủ. Việt Nam cũng tham gia tích cực hơn trong việc hỗ trợ các chương trình nghị sự khu vực và toàn cầu, bao gồm việc trở thành thành viên của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và Chủ tịch của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á trong thời gian gần đây.

3. Tuy nhiên, cũng giống như các quốc gia có thu nhập trung bình khác với mức tăng trưởng nhanh, Việt Nam cũng đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng. Sự chuyển mình này nêu bật nhu cầu tăng cường các quy định pháp luật và đảm bảo phân chia công bằng các nguồn lực và cơ hội tiếp cận các dịch vụ, đặc biệt cho những người thiệt thòi và dễ bị tổn thương nhất. Trong một xã hội có dân số trẻ, đầy triển vọng nhưng ở một chừng mực nào đó, còn tồn tại bất bình đẳng, tội phạm có tổ chức ngày càng phát triển là một môi trường màu mỡ cho hàng loạt hoạt động phi pháp bao gồm vận chuyển trái phép, buôn lậu và làm hàng giả.

Cuộc chiến chống tham nhũng và rửa tiền còn bị hạn chế bởi cơ chế đang được hoàn thiện nhưng vẫn chưa đầy đủ, và bởi năng lực thực thi hạn chế. Hệ thống tư pháp hình sự chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt trong việc bảo vệ quyền lợi của đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em là những người mà quyền lợi hoặc những yêu cầu đặc biệt của họ chưa được quan tâm đúng mức. Trong những năm vừa qua, khi việc sản xuất ma túy trái phép đã được cơ bản xoá bỏ, thì tình trạng sử dụng ma túy, hầu hết là heroin và hoạt động tiêu thụ các chất ma túy dạng amphetamine ngày càng tăng, đặt ra nhiều thách thức cho phát triển kinh tế và xã hội. Hoạt động điều trị cai nghiện cần được cải thiện, cung cấp dịch vụ dựa trên cơ sở khoa học và nhân phẩm của người bệnh. HIV/AIDS tập trung vào một vài nhóm dễ bị ảnh hưởng, cụ thể là người sử dụng ma túy, phạm nhân và người hành nghề mại dâm. Trong khi dữ liệu về nguy cơ và dễ lây nhiễm HIV trong các phạm nhân còn chưa có sẵn, một tỷ lệ đáng kể phạm nhân bị kết án vì phạm tội liên quan đến ma túy, tỷ lệ HIV trong phạm nhân có khả năng cao hơn so với dân số nói chung.

4. Thống nhất với các nhiệm vụ của UNODC, chương trình quốc gia này giải quyết các thách thức thông qua năm tiểu chương trình liên kết: (i) tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán người trái phép, (ii) phòng chống tham nhũng và rửa tiền, (iii) phòng chống khủng bố, (iv) tư pháp hình sự, và (v) giảm cầu ma túy và HIV/AIDS. Trong mỗi tiểu chương trình lại xác định các kết quả và mục tiêu cụ thể dựa trên nghiên cứu và đánh giá nguy cơ. Sự tập trung ngày càng nhiều vào tư vấn chính sách là thống nhất với Kế Hoạch Chung và sẽ đẩy mạnh các khuôn khổ chính sách và các quy định. Cụ thể, chương trình sẽ ủng hộ và hỗ trợ việc phê chuẩn các Công ước quốc tế và Nghị định thư mà UNODC đóng vai trò giám sát trên toàn cầu và sẽ hỗ trợ quá trình thông qua các điều luật có liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Các cấu phần chương trình riêng biệt sẽ hỗ trợ tập huấn và giới thiệu các thông lệ và tài liệu cần thiết cho quá trình triển khai thành công các tiêu chuẩn quốc tế cập nhật nhất trong kiểm soát ma túy và tư pháp hình sự. UNODC có nhiệm vụ: (i) thúc đẩy hành động hiệu quả đối với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, buôn bán trái phép và buôn lậu ma túy bằng cách hỗ trợ các hoạt động lập pháp và thực hiện các Công ước của Liên hợp quốc; (ii) phòng ngừa và đấu

tranh chống tham nhũng theo tinh thần Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng; (iii) thúc đẩy và tăng cường một thể chế tư pháp hình sự chức năng chống khủng bố có hiệu quả và được thực hiện bởi các quốc gia theo quy định của pháp luật; (iv) tăng cường hiệu lực của luật pháp thông qua phòng ngừa tội phạm và thúc đẩy một hệ thống tư pháp hình sự có hiệu quả, công bằng, nhân văn và có trách nhiệm theo tiêu chuẩn và nguyên tắc của Liên hợp quốc trong phòng ngừa tội phạm và tư pháp hình sự và các công cụ quốc tế liên quan khác; (v) giảm sử dụng ma túy và HIV/AIDS (như liên quan đến tiêm chích ma túy, môi trường trại giam và buôn bán người; chiến dịch phòng ngừa hiệu quả, điều trị, chăm sóc, phục hồi và tái hoà nhập xã hội cho người sử dụng ma túy; xây dựng và thực hiện các chiến lược và chương trình giảm cầu ma túy hiệu quả, toàn diện và lồng ghép dựa trên bằng chứng khoa học; thúc đẩy và tăng cường hợp tác quốc tế dựa trên nguyên tắc chia sẻ trách nhiệm trong phát triển thay thế bền vững, bao gồm, nếu có thể, phát triển thay thế phòng ngừa; (vi) tăng cường kiến thức về các xu thế theo từng lĩnh vực và liên ngành để xây dựng chính sách hiệu quả, hành động và đánh giá tác động, dựa trên hiểu biết tường tận về các vấn đề ma túy, tội phạm và khủng bố; và (vii) hỗ trợ các hoạt động và chính sách về các vấn đề liên quan đến kiểm soát ma túy, phòng ngừa tội phạm và tư pháp hình sự.

5. Do Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh về kinh tế và xã hội, điều này sẽ thường xuyên đặt ra yêu cầu hỗ trợ của Liên hợp quốc. UNODC sẽ tiếp tục linh hoạt và sẵn sàng hỗ trợ trước các nhu cầu nảy sinh, thông qua việc thường xuyên xem xét cùng các đối tác chính phủ nêu trong mỗi tiểu chương trình. Tiếp tục đối thoại với các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các cơ quan trong Liên hợp quốc, cộng đồng các nhà tài trợ và các tổ chức quốc tế khác sẽ giúp đảm bảo việc tiếp nối các hoạt động liên quan của UNODC. Do hầu hết các lĩnh vực can thiệp đòi hỏi hợp tác và đối tác xuyên biên giới, chương trình sẽ giúp Việt Nam phối hợp lực lượng với các quốc gia láng giềng và các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á. Cũng với tinh thần này, Chính phủ sẽ được hỗ trợ để tuân thủ các quy định quốc tế theo các cơ chế phòng chống tội phạm và kiểm soát ma túy quốc tế và trong việc thể hiện vai trò tích cực hơn nữa trên các diễn đàn quốc tế.

6. Một phần quan trọng của chương trình quốc gia sẽ là công tác đánh giá và giám sát. Ngân sách riêng sẽ được phân bổ cho việc đánh giá giữa và cuối kỳ của chương trình và tiểu chương trình.

7. Công tác của UNODC tại Việt Nam hiện tại nhận được tài trợ đến cuối năm 2013. Tuy nhiên, những mong đợi ngày càng nhiều từ phía Việt Nam và những đánh giá của UNODC chỉ ra nhu cầu, và lợi ích từ việc mở rộng các hoạt động vượt ra khỏi khuôn khổ hiện tại tới sau năm 2013. Để có thể thực hiện được điều này, cần có thêm ngân sách từ các đối tác phát triển cũng như từ hệ thống Kế hoạch Chung. Chương trình quốc gia này có ngân sách đóng góp dự tính của UNODC là 14.457.700 đô la Mỹ cho giai đoạn 2012 – 2017. Chính phủ Việt Nam sẽ đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật cho Chương trình quốc gia này.

GIỚI THIỆU

8. Nhiệm vụ của UNODC là góp sức vì an ninh và công bằng cho mọi người bằng cách đảm bảo cho thế giới an toàn hơn trước ma túy, tội phạm, tham nhũng và khủng bố. Chương trình quốc gia hiện thực hóa tầm nhìn này thành cơ sở hành động tại Việt Nam.

9. Văn phòng UNODC tại Việt Nam được thành lập năm 1993. Từ đó đến nay, văn phòng đã lớn mạnh nhiều cả về nguồn lực và khối lượng công việc. Hiện tại văn phòng triển khai nhiều dự án với tổng ngân sách khoảng 10 triệu đô la Mỹ, trung bình hoạt động mỗi năm là 2,5 triệu đô la Mỹ. Các hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp về mảng tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, kiểm soát biên giới, buôn bán trái phép, phòng chống rửa tiền, bạo lực gia đình, cũng như phòng chống sử dụng ma túy, điều trị cai nghiện ma túy và phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS. Thông tin chi tiết về hồ sơ các hoạt động của UNODC nằm trong đoạn 81 đến 87 dưới đây.

10. Văn phòng tại Việt Nam báo cáo lên Trung tâm Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương của UNODC đặt tại Bangkok, Thái Lan. Văn phòng còn hoạt động dưới sự chỉ đạo của trụ sở chính của

UNODC tại Viên, Áo. Bên cạnh đó, Văn phòng còn là đối tác trong hoạt động hợp tác và quản lý của Kế hoạch Chung, như đã thống nhất trong Bản ghi nhớ giữa các cơ quan của Liên hợp quốc.

11. Chương trình này kéo dài từ tháng 7/2012 đến tháng 7/2017 được UNODC xây dựng với sự tham vấn chặt chẽ của Chính phủ Việt Nam, các tổ chức tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng và các đối tác phát triển dựa trên cơ sở là Kế hoạch Chung giai đoạn 2012 - 2016 là khuôn khổ hỗ trợ tổng thể cho tất cả các cơ quan Liên hợp quốc tham gia. Nhằm xây dựng Chương trình quốc gia, UNODC đã xem xét kỹ lưỡng kinh nghiệm và bài học thu được, cũng như những tài liệu trong đánh giá dự án, đánh giá nguy cơ, nghiên cứu và kết quả công tác. UNODC trao đổi thường xuyên với các cơ quan quốc gia và được hưởng lợi từ việc tham gia vào quá trình tư vấn liên ngành quốc gia trong năm 2011 nhằm xây dựng Chiến lược quốc gia phòng chống ma túy, Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống ma túy và phòng chống tội phạm và Chương trình hành động phòng chống tội phạm mua bán người ở Việt Nam. Quá trình tư vấn đã giúp tăng cường tinh thần làm chủ của quốc gia đối với Chương trình vì các lĩnh vực hỗ trợ đều hoàn toàn theo những ưu tiên quốc gia. UNODC sẽ tiếp tục tư vấn chặt chẽ với Chính phủ Việt Nam trong quá trình tiếp tục xây dựng và thực hiện Chương trình quốc gia.

Chương trình nhằm:

- Xác định các thách thức chính tại Việt Nam trong phòng chống tội phạm và tư pháp hình sự, lạm dụng ma túy và phòng ngừa HIV/AIDS, chăm sóc điều trị nghiện ma túy và hỗ trợ;
- Lập kế hoạch và thiết kế các hoạt động của UNODC giải quyết những thách thức đó và phù hợp với Chiến lược quốc gia phòng chống ma túy và các chương trình mục tiêu, các kế hoạch và nhu cầu phát triển của Chính phủ, Tuyên bố chung Hà Nội về Hiệu quả viện trợ, Kế hoạch Chung 2012-2016 và khuôn khổ chiến lược khu vực và toàn cầu của UNODC;
- Quy định về công tác triển khai, bao gồm cơ chế quản lý, tài chính, giám sát và đánh giá và các điều khoản pháp luật; và
- Đưa ra khuôn khổ rõ ràng để các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc, các cơ quan hữu quan và các đối tác tài trợ có thể tham khảo khi cân nhắc việc hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động của UNODC tại Việt Nam.

12. Tài liệu hiện tại gồm ba phần chính. Đầu tiên là phần tổng quan về tình hình phổ biến tại Việt Nam trong các lĩnh vực chuyên môn của UNODC. Phần hai trình bày chương trình hoạt động của Văn phòng trong giai đoạn 2012-2017. Phần ba cung cấp chi tiết triển khai và giám sát chương trình. Thông tin bổ sung trong phần phụ lục bao gồm hiện trạng phê chuẩn của Việt Nam với các công ước và nghị định thư của Liên hợp quốc về phòng chống ma túy và tội phạm và ngân sách dự kiến cho chương trình mới.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH

Phát triển và bối cảnh khu vực

13. Trong thập kỷ vừa qua, tình hình kinh tế Việt Nam đã có nhiều bước tiến đáng chú ý. Việt Nam thành công trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ở mức 7,25%; năm 2010 thu nhập bình quân đầu người đạt 1.200 đô la Mỹ - tăng từ mức dưới 400 đô la Mỹ năm 2000. Trong năm 2011, kinh tế vững mạnh giúp Việt Nam, chỉ trong hai thập kỷ từ một quốc gia nghèo, kém phát triển trở thành quốc gia có thu nhập trung bình và cải thiện điều kiện sống cho hàng triệu người dân.

14. Nhìn chung, Việt Nam đạt được hầu hết các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Khi tiến vào thập kỷ này, Việt Nam có tham vọng trở thành một quốc gia công nghiệp hiện đại, với mục tiêu tăng trưởng GDP trên đầu người đạt 70% vào năm 2015, tăng lên 2.100 đô la Mỹ một người. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ dự định tiến hành cải cách và hiện đại hóa quản lý, vượt qua những khác biệt và bất bình đẳng giới, phòng chống tham nhũng và tội phạm và tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng. Đã có những dấu hiệu cho thấy sự cam kết và tham gia ngày càng nhiều của Quốc hội và truyền thông trong việc giám sát các hoạt động của Chính phủ. Tuy nhiên, để tất cả những nỗ lực này là hỗ trợ liên tục, hiệu quả cần phải nâng cao hiểu biết, năng lực và kỹ năng của tất cả các cơ quan đối tác quốc gia liên quan.

15. Ba văn kiện chính sách chiến lược được Chính phủ Việt Nam thông qua gần đây có các nội dung liên quan cho mục đích của chương trình này. Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội (SEDP) giai đoạn 2011 - 2015 đặt ra các mục tiêu phát triển cho năm năm tiếp theo. Hoạt động của tất cả các đối tác phát triển phải thống nhất với các ưu tiên trong Kế hoạch nếu nhằm hỗ trợ hiệu quả những nỗ lực phát triển do Chính phủ chỉ đạo. Kế hoạch bao gồm phòng chống tội phạm và ma túy và những ưu tiên quan trọng trong phòng ngừa và kiểm soát các vấn đề xã hội. Kế hoạch cũng vạch ra chương trình cải cách hành chính để phòng chống tham nhũng và hối lộ, được xem là những trở ngại nghiêm trọng cho phát triển bền vững. Về cải cách tư pháp, Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội định rõ những hành động để đẩy mạnh việc triển khai chiến lược cải cách tư pháp, nhằm xây dựng hệ thống tư pháp minh bạch, và tăng cường năng lực cho cán bộ tư pháp. Chiến lược an sinh xã hội 2011-2020 xây dựng các mục tiêu sẽ đạt vào năm 2020 về giảm nghèo, bảo hiểm y tế và xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, việc làm, dạy nghề, công tác xã hội và bảo trợ xã hội. Chiến lược quốc gia về phòng chống ma túy đến năm 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống ma túy giai đoạn 2012-2015 đặt ra những ưu tiên cho nỗ lực quốc gia nhằm giải quyết vấn đề về ma túy và tội phạm liên quan đến ma túy. Cuối cùng, Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Phòng chống Tội phạm 2012-2015 đề xuất các mục tiêu bao gồm tăng cường thông tin, giáo dục và tuyên truyền; phòng chống và ngăn chặn tội phạm có tổ chức, các hành vi phạm tội nghiêm trọng và tội phạm liên quan đến người nước ngoài, về lạm dụng trẻ em và tội phạm vị thành niên, và tội phạm công nghệ cao; thành lập Trung tâm Thông tin Tội phạm Quốc gia; tăng cường quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia và thành lập Cục chuyên trách về phát hiện và điều tra tội phạm kinh tế và các vụ việc hình sự; nâng cao năng lực của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về môi trường. Các kế hoạch này và nội dung cụ thể hơn cùng các điều khoản quy phạm được trích dẫn phù hợp trong chương đánh giá rủi ro của tài liệu này.

16. Việt Nam tích cực tham gia vào các tổ chức khu vực và toàn cầu, bao gồm việc trở thành thành viên của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và Chủ tịch của Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong thời gian gần đây. Trong vài năm vừa qua, các cơ quan của Việt Nam đã tăng cường hợp tác với các cơ quan đối tác của các quốc gia ASEAN nhằm đóng góp cho sự thịnh vượng của khu vực, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và duy trì an ninh quốc gia và trật tự xã hội. Chính phủ đã hợp tác với các đối tác ASEAN về kiểm soát ma túy thông qua ASOD (Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về Ma túy) và ACCORD (Hợp tác ASEAN - Trung Quốc phòng chống các chất ma túy nguy hiểm) nhằm theo đuổi mục tiêu ASEAN Không ma túy. Năm 2007, trong phiên họp lần thứ 28 của ASOD, Việt Nam đã đề xuất xây dựng Kế hoạch Hành động để kiểm tra và giám sát hợp tác. Trong bối cảnh đó, Kế hoạch Hành động ASEAN về Chống sản xuất, buôn bán và sử dụng trái phép các chất ma túy cho giai đoạn 2009 - 2015 được thông qua ngày 1/7/2009 tại Hà Nội, thiết lập nền tảng cho các

hoạt động hợp tác giữa các quốc gia ASEAN. Ngoài ra, Việt Nam là một thành viên của Bản Ghi nhớ năm 1993 về Hợp tác Kiểm soát ma túy trong khu vực tiểu vùng sông Mê Kông. Năm 2011, Hội nghị Chuyên viên cao cấp và Hội nghị cấp Bộ trưởng các nước MOU tổ chức tại Lào đã phê chuẩn Kế hoạch Hành động Tiểu vùng về Hợp tác Phòng chống Ma túy giai đoạn 2011-2013.

17. Nhằm phòng chống và ngăn chặn tội phạm thương mại và kinh tế, Việt Nam đã thực hiện các hoạt động song phương và đa phương với các quốc gia ASEAN thông qua các trao đổi song phương và diễn đàn khu vực. Hợp tác về phòng chống khủng bố tập trung vào trao đổi thông tin; phối hợp điều tra các đối tượng; xây dựng các khuôn khổ pháp luật chung để chống khủng bố; tham gia các hiệp ước quốc tế và Hiệp định ASEAN về Chống khủng bố; bảo vệ hiệu quả an ninh biên giới; và hỗ trợ phòng chống vận chuyển và buôn lậu vũ khí trái phép. Hợp tác quốc tế về hỗ trợ pháp lý liên quan đến các vấn đề hình sự giữa Việt Nam và các đối tác ASEAN tập trung vào thu thập bằng chứng, lấy lời khai của nạn nhân và nhân chứng, chuyển vật chứng và các tài liệu khác, và lần theo dấu vết tài sản từ các hoạt động tội phạm và cơ sở phạm pháp. Thông qua Interpol/ASEANAPOL, lực lượng cảnh sát Việt Nam đang hợp tác với các lực lượng cảnh sát khu vực về hỗ trợ tư pháp hình sự cũng như dẫn độ tội phạm.

Đánh giá nguy cơ

Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Buôn bán trái phép

Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

18. Thay đổi kinh tế và xã hội nhanh chóng tại Đông Á và Thái Bình Dương nói chung, và ở Việt Nam nói riêng, đã tạo ra những cơ hội cho tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Đô thị hóa đã đem lại mảnh đất màu mỡ cho sự cách biệt. Việc phân chia cơ hội không đều cũng khuyến khích hoạt động di cư qua biên giới không chính thức. Tăng trưởng kinh tế cũng tạo ra nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên, một số được khai thác trái phép, và về lao động, một số có thể bị buôn lậu. Khi thu nhập thực nhận tăng lên, nhu cầu về ma túy và thương mại tình dục cũng tăng, thường có liên hệ với buôn người.

19. Trong môi trường phát triển nhanh, các nhóm tội phạm có tổ chức truyền thống của Việt Nam cũng như các nhóm khác như Hội tam hoàng của Trung quốc, chỉ đóng vai trò hạn chế trong những hoạt động phạm pháp xuyên quốc gia quan trọng nhất. Nghiên cứu cho thấy các thành viên nhóm tội phạm tham gia vào các hoạt động này để thu lợi cá nhân hơn là mở rộng nhóm. Ví dụ, các nhóm hợp tác buôn lậu heroin và buôn người, được mô tả là “các nhóm cơ hội” được thành lập từ các nhóm tội phạm không chính thức, cơ hội và tồn tại trong thời gian ngắn, thường dựa trên các mối quan hệ gia đình, xã hội hoặc quan hệ kinh doanh.

20. Việt Nam đã phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, nhưng chưa có điều khoản cụ thể về tội phạm có tổ chức trong Luật Hình sự. Tuy nhiên, Chính phủ đã ký các thỏa thuận song phương như thỏa thuận với Đức vào tháng 8/2006 về hợp tác chống tội phạm có tổ chức và thỏa thuận với Thổ Nhĩ Kỳ vào tháng 8/2008 về hợp tác chống khủng bố quốc tế, tội phạm có tổ chức, buôn lậu ma túy và các loại hình tội phạm khác. Năm 2011, Việt Nam đã ký các thỏa thuận song phương chống buôn người với Cam-pu-chia, Lào và Trung Quốc.

21. Văn phòng UNODC khu vực tại Bangkok hiện đang xây dựng Đánh giá rủi ro về Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia cho khu vực Đông Á và Thái Bình Dương. Đánh giá sẽ được chia làm bốn phần chính: ma túy, con người, môi trường và hàng hóa. Một số phát hiện liên quan đến Việt Nam được dự đoán trong các đoạn sau.

Buôn lậu ma túy

22. Theo báo cáo thường niên của Bộ Công an, năm 2011, lực lượng chuyên trách chống ma túy đã phát hiện 18.623 vụ liên quan đến 26.687 đối tượng (tăng 2.500 vụ và 3.190 đối tượng so với cùng kỳ năm trước), thu giữ 309,16 kg và 36 bánh heroin, 76,2 kg thuốc phiện, gần 7 tấn cần sa tươi và 500 kg cần sa, 121,38 kg và 365.988 viên ma túy tổng hợp, cùng các tài sản và bằng chứng khác.

23. Với nỗ lực triệt xóa trồng cây thuốc phiện, ước tính 95% lượng ma túy trái phép vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam, dù cho mục đích quá cảnh hoặc tiêu thụ trong nước, được buôn lậu vào từ các quốc

gia láng giềng. Buôn lậu ma túy trong nước và xuyên biên giới được thực hiện với các thủ đoạn ngày càng phức tạp và có tổ chức hơn. Những đối tượng buôn lậu lợi dụng đường biên giới trên bộ và trên biển dài và dễ xâm nhập. Heroin, thuốc phiện và các chất kích thích dạng amphetamine (ATS) được buôn lậu vào Việt Nam qua biên giới tây bắc, bắc miền trung và phía nam. Heroin và cần sa được vận chuyển từ Việt Nam sang Trung Quốc. Trong nước, các điểm nóng về ma túy chủ yếu tại các thành phố.

24. Việt Nam cũng đang dần đối mặt với mối đe dọa về tiền hoá chất sử dụng bị thất thoát và việc sản xuất ma túy trái phép trong nước, do vị trí cạnh khu vực sản xuất ma túy tổng hợp chủ yếu của thế giới, đặc biệt là Trung Quốc.

25. Chính phủ Việt Nam đang tăng cường các biện pháp phòng chống và ngăn chặn các hoạt động buôn lậu ma túy. Các cơ quan hành pháp về ma túy đã triển khai các biện pháp nghiêm ngặt để phát hiện, điều tra và truy tố các tổ chức buôn lậu ma túy bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không. Chính phủ ký thỏa thuận hợp tác song phương về kiểm soát ma túy với Campuchia, Trung Quốc, Hungari, Lào, Myanma, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan. Trong khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương, Việt Nam cũng thiết lập hệ thống văn phòng liên lạc qua biên giới với Campuchia, Trung Quốc và Lào. Ngoài ra, các Bộ liên quan phối hợp thực hiện các hoạt động kiểm soát tiền chất. Vì vậy, Bộ Y tế kiểm soát việc nhập khẩu và xuất khẩu các hóa chất tiền chất sử dụng cho mục đích y tế và Bộ Công thương chịu trách nhiệm về xuất, nhập khẩu các hóa chất tiền chất sử dụng cho mục đích công nghiệp, trong khi việc kiểm soát các tiền chất sử dụng cho các mục đích đấu tranh, phòng chống tội phạm thuộc trách nhiệm của Bộ Công an. Tuy nhiên, những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam chưa đủ hiệu quả về mặt kỹ thuật và tài chính để xử lý những thách thức mới nổi và các phương thức thủ đoạn ngày càng tinh vi của các đối tượng buôn lậu ma túy.

Buôn bán người

26. Việt Nam chủ yếu là nước nguồn - và ở mức độ thấp hơn cũng được coi là điểm đến - của hoạt động buôn bán nam giới, phụ nữ và trẻ em cho mại dâm cưỡng bức và bóc lột sức lao động. Việc buôn bán được thực hiện cả trong nước và quốc tế. Buôn bán trong nước, đặc biệt là phụ nữ và các bé gái, chủ yếu từ các vùng nông thôn nghèo lên khu vực thành thị. Về các tuyến buôn người qua biên giới quốc tế từ Việt Nam, có bốn con đường chính đã được xác định: tới Trung Quốc vì mục đích hôn nhân cưỡng bức, lao động cưỡng bức, mại dâm và bé trai để làm con nuôi, tới Campuchia là một phần của kinh doanh tình dục và ăn xin, tới Lào và Thái Lan làm mại dâm, và đến các quốc gia ngoài khu vực tiểu vùng Mekong vì mục đích kết hôn cưỡng bức, mại dâm và lao động cưỡng bức. Điểm đến bao gồm Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia, và các quốc gia ở Tây Âu và Trung Đông. Nước nguồn chủ yếu buôn người vào Việt Nam là Campuchia, cụ thể cho mục đích ăn xin tại thành phố Hồ Chí Minh cũng như các khu vực thành thị.

27. Theo Văn phòng Thường trực phòng chống tội phạm và ma túy, trong giai đoạn từ 2005-2011, có tổng số 2.600 trường hợp buôn bán liên quan đến 4.450 đối tượng và với hơn 5.700 nạn nhân là người Việt Nam. So với sáu năm trước, số vụ buôn bán đã tăng gấp đôi và số lượng nạn nhân tăng lên gấp ba lần.

28. Hành vi buôn người đã được hình sự hóa tại Việt Nam, một phần, theo điều 119 và 120 của Bộ Luật hình sự. Vào tháng 3/2011, Quốc hội đã thông qua Luật Phòng chống Mua bán người. Luật có hiệu lực từ tháng 1/2012, hướng tới phòng ngừa, phát hiện và trừng phạt hành vi vi phạm Luật phòng chống mua bán người; tiếp nhận, phát hiện, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; hợp tác quốc tế; và các trách nhiệm tương ứng của Chính phủ, các Bộ và chính quyền địa phương trong công tác phòng chống buôn người. Bộ Luật hình sự đã mở rộng định nghĩa về các tội danh liên quan đến buôn bán trái phép để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

29. Tháng 8/2011, Thủ tướng cũng phê chuẩn Chương trình Hành động Phòng chống Tội phạm mua bán người (2011-2015), với các vấn đề ưu tiên sau: nhận thức cộng đồng; nâng cao tính hiệu quả trong phòng chống buôn người; tăng cường tiếp nhận, phát hiện, bảo vệ và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân; xây dựng và hoàn thiện luật và giới thiệu cơ chế giám sát phòng chống buôn người; và

đẩy mạnh hợp tác quốc tế. Công tác triển khai do Ban Chỉ đạo Quốc gia giám sát bao gồm đại diện của tất cả các cơ quan Chính phủ phụ trách xử lý các vấn đề phòng chống buôn bán trái phép.

30. Trách nhiệm về các vấn đề chống buôn người được phân chia giữa các cơ quan bộ ngành chính phủ, bao gồm Bộ Quốc phòng (Bộ đội biên phòng), Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Hội Phụ nữ Việt Nam là đối tác với các tổ chức phi chính phủ điều hành các nhà lánh nạn cho nạn nhân nữ của buôn bán người để bóc lột tình dục và cung cấp hỗ trợ và trợ giúp việc trở về của các nạn nhân buôn người. Ngoài ra, cơ quan cảnh sát của Việt Nam có một đơn vị chuyên trách về phòng chống buôn người.

Đưa người di cư trái phép

31. Quy mô của hoạt động đưa người di cư trái phép từ, trong và qua Việt Nam chưa được xác định, mặc dù hiện tại UNODC đang thực hiện nghiên cứu của một dự án vùng “Đưa người di cư trái phép: Việc thành lập và Hoạt động của một Đơn vị Điều phối và Phân tích cho khu vực Đông Á và Thái Bình Dương”. Các thông tin hiện có chủ yếu liên quan đến các tuyến đường và hoạt động đưa người di cư tại khu vực Tây Âu. Các tuyến đường thường bao gồm Nga, có thể tới đây bằng đường bộ qua Trung Quốc hoặc bằng máy bay, sau đó bằng đường bộ (tàu hỏa và xe tải) qua Đông Âu. Các hoạt động liên quan đến việc đưa người qua biên giới bí mật hoặc xin thị thực làm việc hoặc du lịch vào Nga hoặc Đông Âu tại các đại sứ quán tại Việt Nam, như Cộng hòa Séc và Hungari.

32. Việt Nam chưa ký Nghị định thư về Chống Đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và hoạt động này chưa được hình sự hóa toàn bộ theo luật pháp Việt Nam. Nói chung, Chính phủ xem hoạt động đưa người di cư trái phép là vấn đề tội phạm có tổ chức và ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, tuy nhiên chính sách quốc gia định hướng hành động của chính phủ nhằm giải quyết hành vi phạm tội này còn chưa đầy đủ. Trách nhiệm chung được chia sẻ giữa Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm) và Bộ Quốc phòng (Bộ đội biên phòng), giám sát bảo đảm quyền con người của người di cư bị buôn bán được chia sẻ giữa Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp. Không có các đội chuyên trách chống loại hình tội phạm này.

Buôn lậu gỗ và động vật hoang dã

33. Một số hiện tượng vận chuyển phi pháp tê tê, ngà voi châu Phi, hổ và sừng tê giác qua Việt Nam cũng như đến Việt Nam cho thấy có nguy cơ Việt Nam là điểm trung chuyển và điểm đến của các động vật hoang dã nói trên. Đã phát hiện một số trang trại kinh doanh hổ, chúng được nuôi tại các trang trại này trái với luật pháp. Tuy nhiên, Việt Nam không còn là nguồn chính cung cấp trái phép động vật hoang dã. Việt Nam có thể là một khách hàng quan trọng và là đường trung chuyển chủ yếu cung cấp hàng cho Trung Quốc.

34. Ngành công nghiệp khai thác gỗ đang phát triển mạnh. Từ 2009 đến 2010, thị trường đồ gỗ nội thất của Việt Nam tăng gần 25%. Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu đồ gỗ hàng đầu thế giới, đạt khoảng 3 tỷ đô la Mỹ, tương đương với 2,4% thị phần thế giới. Trong năm 2010, giá trị xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam đạt 2,1 tỷ đô la Mỹ. Việt Nam có chính sách cấm khai thác gỗ lậu vì mục đích thương mại. Hiện tượng khai thác lậu gỗ có thể đe dọa đến một số khu rừng nguyên sinh cuối cùng ở khu vực sông Mê-kong. (UNODC, 2012, Tư pháp hình sự đối phó với buôn lậu gỗ ở Đông Nam Á). Nguyên liệu gỗ được nhập khẩu theo cả đường biển và đường bộ.

35. Việt Nam đã ký Công ước về Buôn bán quốc tế Các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) vào tháng 4/1994. Việt Nam cũng là thành viên của Mạng lưới thực thi pháp luật về các loài hoang dã của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN-WEN). ASEAN-WEN là hệ thống hành pháp về động vật hoang dã lớn nhất thế giới có liên quan đến các cơ quan cảnh sát, hải quan và môi trường của tất cả 10 quốc gia ASEAN – Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Việt Nam và Thái Lan. Kinh doanh trái phép gỗ và động vật hoang dã được đề cập trong Bộ Luật hình sự năm 1999 của Việt Nam, Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003, Pháp lệnh về Điều tra hình sự năm 2004, Bộ Luật dân sự năm 2005, Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004, Luật

bảo vệ môi trường năm 2005 và Luật Công an nhân dân năm 2005 và Luật xử lý các vi phạm hành chính năm 2012.

36. Tháng 1/2010, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Ban chỉ đạo liên ngành thực thi pháp luật về kiểm soát buôn bán động thực vật hoang dã, các thành viên bao gồm cán bộ cấp cao từ Tổng cục Hải quan, Cảnh sát, Bộ đội biên phòng, Cục Bảo tồn đa dạng sinh học (thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường) và Cục Quản lý thị trường (thuộc Bộ Công thương). Thứ trưởng đứng đầu Ủy ban. Trách nhiệm chính của Ủy ban là giám sát việc triển khai luật thực thi về động vật hoang dã và CITES, để tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thực thi phòng chống tội phạm về động vật hoang dã, tư vấn sửa đổi luật và chính sách, bảo vệ động vật hoang dã và tăng cường hợp tác quốc tế chống tội phạm về động vật hoang dã.

Buôn lậu các chất làm suy giảm tầng ozone, chất thải nguy hiểm, thuốc và hàng giả

37. Một nghiên cứu tại chỗ về phân tích hoạt động vận chuyển các chất làm suy giảm tầng ozone xuyên biên giới của UNEP cho thấy những khác biệt dữ liệu đáng kể giữa khối lượng xuất khẩu theo báo cáo của Ấn Độ và Trung Quốc vào Việt Nam và lượng tiêu thụ của Việt Nam báo cáo cho Ủy ban Ozone quốc tế. (UNEP, Buôn lậu các chất làm suy giảm tầng ozone: Khu vực Châu Á và Thái Bình Dương). Dữ liệu thương mại hiện có cũng khẳng định những thông tin này. Một lý do của sự chênh lệch có thể là một số được tái xuất trái phép sang các quốc gia khác, bao gồm Nhật Bản và các quốc gia lân cận như Lào và Campuchia, sau đó được buôn lậu vào Thái Lan.

38. Dù năm 2001 đã có lệnh cấm nhập khẩu thiết bị điện tử và thiết bị điện cũ, bao gồm thiết bị gia dụng và máy tính, cùng việc thắt chặt luật năm 2006, một khối lượng lớn thiết bị điện và điện tử cũ vẫn được nhập vào Trung Quốc từ Việt Nam. Việc nhập khẩu ban đầu được tiến hành ở cảng quốc tế Hải Phòng từ Nhật Bản và Hoa Kỳ, hoặc qua biên giới đường bộ từ Campuchia. Một số thiết bị cũ, thường là các phụ kiện thay thế, cũng được bày bán ở Việt Nam. Việt Nam cũng nhận được các chuyến hàng lậu chở bằng mạch in từ Campuchia, và được tái chế ở Việt Nam hoặc tái xuất (cũng trái phép, nhưng được cho phép không chính thức) tới Trung Quốc để tái chế, cùng với một số hàng xuất xứ từ Việt Nam.

39. Việt Nam tham gia Công ước Viên về Bảo vệ tầng Ozone và Nghị định thư Montreal về Các chất gây suy giảm tầng Ozone năm 1994. Năm 2004, Việt Nam đã phê chuẩn văn kiện sửa đổi của Nghị định thư Montreal, yêu cầu thành lập và triển khai hệ thống cấp phép xuất, nhập khẩu các chất có kiểm soát mới, cũ, tái chế. Về chất thải nguy hiểm, Việt Nam đã thông qua Công ước Basel về Kiểm soát vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu hủy chúng năm 1995. Bản sửa đổi Công ước chưa được chính thức thông qua nhưng Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 cấm việc nhập khẩu hoặc trung chuyển các chất thải nguy hiểm bất chấp nguồn gốc hoặc điểm đến, nhưng Nhà nước cho phép nhập khẩu một số mặt hàng vật liệu phế liệu để sử dụng (hoặc phục hồi) làm vật liệu sản xuất cấp hai. Về xuất khẩu các chất thải nguy hiểm và các chất thải khác để tiêu hủy, Việt Nam tuân theo Công ước Basel về Kiểm soát vận chuyển qua biên giới và các phế thải nguy hiểm và việc tiêu hủy chúng, tuy nhiên, quá trình nội luật hóa và thực thi Công ước cần phải được tăng cường.

40. Đánh giá hiểm họa của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2010 của UNODC coi hàng giả là một hình thức gian lận, trong đó “sản phẩm được bán, dưới hình thức không phải bản chất thật của sản phẩm”. Chưa có số liệu đáng tin cậy về quy mô của buôn bán hàng giả. Ước tính hiện tại từ 5 đến 10% tổng khối lượng thương mại thế giới, và tới 30% trong một số ngành công nghiệp. Một dấu hiệu cho thấy sự phổ biến trong sản xuất hàng giả tại Việt Nam là trong năm qua một số nhãn hàng nổi tiếng thế giới đã nêu việc các nhà sản xuất Việt Nam làm giả hàng hóa và nhái thương hiệu cùng thiết kế công nghiệp của họ vốn được bảo vệ theo luật pháp Việt Nam.

41. Thuốc giả bao gồm tất cả các vụ mà người tiêu dùng bị lừa gạt với thuốc dán sai nhãn. Định nghĩa này bao gồm cả trường hợp đóng gói và dán nhãn mà thuốc đã hết hạn, sai hãng và/hoặc dán nhãn sai. Làm giả là hoạt động ít rủi ro, lợi nhuận cao. Chi phí sản xuất và phân phối thấp, trong khi nhu cầu cho nhiều loại hàng giả lại cao. Do không cần giữ danh tiếng với người tiêu dùng, các nhà sản xuất hàng giả thường cắt giảm chi phí và tối đa lợi nhuận bằng cách bóc lột sức lao động của công nhân, gây ô nhiễm môi trường và trốn thuế. Việt Nam đối mặt với vấn đề lớn về lưu thông thuốc giả.

42. Cho đến nay, tại Việt Nam, UNODC có một số hoạt động tối thiểu liên quan đến các loại hình tội phạm nêu trong đoạn 35 đến 41 ở trên. Tuy nhiên, là một phần trong những nỗ lực của sáng kiến Thống Nhất Hành Động, UNODC đang lên kế hoạch hỗ trợ Chính phủ tăng cường cơ sở pháp lý để xử lý tội phạm môi trường, huấn luyện các cán bộ hành pháp trực tiếp đấu tranh trong công tác ngăn chặn, điều tra các hoạt động phạm pháp liên quan và đẩy mạnh hợp tác xuyên biên giới.

Tham nhũng và rửa tiền

Tham nhũng

43. Chính phủ Việt Nam đã áp dụng một loạt chính sách và các công cụ pháp lý có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các nỗ lực phòng chống tham nhũng. Cụ thể là Luật Phòng chống tham nhũng được thông qua năm 2005 và có hiệu lực vào tháng 7/2006 (sửa đổi bổ sung năm 2007 và 2012). Năm 2009, Chiến lược Quốc gia về Phòng chống Tham nhũng đến năm 2020 đã được xây dựng và ban hành. Hơn nữa, việc Việt Nam phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng (UNCAC) vào ngày 30/6/2009 và Công ước chính thức có hiệu lực tại Việt Nam ngày 18/9/2009 mang lại lực đẩy mới cho những nỗ lực phòng chống tham nhũng với việc thông qua Kế hoạch Triển khai của UNCAC giai đoạn 2010 – 2020. Kế hoạch này góp phần thúc đẩy việc thực hiện Chiến lược Quốc gia về Phòng chống tham nhũng đến năm 2020. Các hoạt động phòng chống tham nhũng do UNODC đề xuất sẽ tính đến những nhu cầu và ưu tiên nêu trong những tài liệu này.

44. Chính phủ nhận thấy rằng tham nhũng hiện đang là một thách thức lớn đối với Việt Nam và đòi hỏi có sự cải thiện trong việc cung cấp các dịch vụ công ở tất cả các cấp. Theo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2011 gần đây do các cơ quan quốc gia và UNDP thực hiện, công chúng đòi hỏi trách nhiệm hơn nữa từ chính quyền địa phương, kiểm soát tham nhũng tốt hơn ở ngành công cộng, chất lượng cao hơn trong dịch vụ hành chính và công cộng. Khảo sát xác định được khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn. Thực thi luật pháp vẫn là một thách thức lớn do thiếu kiến thức và kỹ năng trong ngành tư pháp hình sự để giải quyết có hiệu quả những trường hợp tham nhũng.

45. Thực hiện Cơ chế Đánh giá thực thi UNCAC (2011 – 2012), Việt Nam vừa hoàn tất đánh giá thực thi chương III về hình sự hóa và thực thi pháp luật, và chương IV về hợp tác quốc tế của UNCAC. Báo cáo đánh giá quốc gia cuối cùng, hoàn thành năm 2012, xác định các kết quả, thách thức của việc thực thi Công ước, đồng thời xác định hỗ trợ kỹ thuật nhằm đẩy mạnh việc triển khai Công ước. Trong khi hoàn thành đánh giá quốc gia, và dựa trên tư vấn với các cơ quan quốc gia, UNODC đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về huấn luyện cán bộ thực thi pháp luật, kiểm sát viên và thẩm phán về điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng và phòng chống rửa tiền. Sự tham gia của UNODC trong tương lai với Chính phủ Việt Nam trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng thông qua Chương trình quốc gia này sẽ linh hoạt để tính đến kết quả của quá trình đánh giá. Từ năm 2015 – 2020, Cơ chế Đánh giá Thực thi sẽ xem xét tiếp việc thực hiện của Việt Nam đối với chương II về phòng ngừa và chương V về tịch thu tài sản.

Rửa tiền

46. Việt Nam là quốc gia dễ bị lợi dụng để thực hiện hoạt động rửa tiền, do tốc độ tăng trưởng kinh tế, đầu tư nước ngoài, thiếu sự kiểm soát quy định đáng tin cậy và chặt chẽ và thực tế là Việt Nam có nền kinh tế tiêu thụ tiền mặt lớn. Trong khi không có số liệu chính xác về các vụ rửa tiền được xác định, có một số dấu hiệu không chính thức cho thấy một khối lượng tiền mặt lớn thường xuyên được chuyển ra và vào Việt Nam, phần lớn trong số đó là lợi nhuận từ tội phạm như buôn lậu ma túy, buôn người, tội phạm môi trường, gian lận và tham nhũng. Một phần đáng kể trong khoản tiền này được đầu tư vào đất đai và tài sản.

47. Năm 2005, Nghị định số 74 về Phòng chống Rửa tiền đã được ký và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm về chính sách Chống rửa tiền (AML) và thực hiện Nghị định này. Ủy ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống rửa tiền do Phó Thủ tướng đứng đầu, được thành lập năm 2009. Kế hoạch hành động quốc gia về rửa tiền giai đoạn 2010-2011 cũng được thông qua và có hiệu lực.

48. Dù đã có những sáng kiến này, rào cản chính đối với công tác điều tra và truy tố hành vi rửa tiền là thiếu các Thông tư cấp bộ phù hợp hoặc hướng dẫn triển khai cho tòa án và cảnh sát về việc điều tra và truy tố hành vi này như thế nào. Đầu năm 2011, UNODC đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật thông qua việc soạn thảo các hướng dẫn và khi triển khai những hướng dẫn này, rào cản đó sẽ bị loại bỏ. Việt Nam đã từng bước khắc phục các thiếu sót trong năng lực chống rửa tiền/chống tài trợ khủng bố của mình bao gồm việc sửa đổi quy định về hành vi rửa tiền, Điều 251 của Bộ Luật hình sự. Tuy nhiên những thay đổi này lại chưa hoàn toàn phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

49. Năm 2008, Việt Nam lần đầu được quốc tế đánh giá về năng lực chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố, và đa phần chưa đạt được các tiêu chuẩn quốc tế. Các lĩnh vực quan tâm chính liên quan đến những yếu kém trong Luật chống rửa tiền và Luật chống tài trợ cho khủng bố, Đơn vị thông tin tài chính còn hoạt động chưa hiệu quả, công tác kiểm soát biên giới còn lỏng lẻo, và năng lực hoạt động tra và truy tố hành vi rửa tiền còn hạn chế.

50. Cùng với việc thực hiện Luật chống tài trợ cho khủng bố phù hợp, những thay đổi về luật pháp vẫn là vấn đề ưu tiên. Năm 2010, Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF) đưa Việt Nam vào cơ chế của Nhóm Đánh giá Hợp tác Quốc tế (ICRG), được xây dựng để khuyến khích các quốc gia đẩy nhanh quy trình thực hiện các thay đổi. Một phần của quá trình đó, Việt Nam gần đây được liệt kê là một trong số một vài quốc gia trên thế giới mà FATF xét thấy vẫn còn tồn tại những nhược điểm lớn dù đã có một vài bước tiến. Như vậy, FATF khuyến khích tất cả các quốc gia áp dụng tăng cường nhận biết khách hàng khi thực hiện giao dịch tài chính liên quan đến Việt Nam. Là một phần trong quy trình của ICRG, Việt Nam đã chấp thuận kế hoạch hành động, nếu tuân thủ, sẽ điều chỉnh những nhược điểm chính vào cuối năm 2012, và hi vọng Việt Nam sẽ ra khỏi quy trình ICRG, không bị FATF tiếp tục liệt kê vào danh sách và áp dụng thêm các biện pháp phòng chống.

Phòng chống khủng bố

51. Khủng bố đặt ra những thách thức căn bản cho cộng đồng quốc tế và đe dọa gây nguy hại đến các giá trị cốt lõi của Liên hợp quốc – quy định pháp luật, tôn trọng nhân quyền, lòng khoan dung giữa con người và các quốc gia và giải pháp hòa bình cho các xung đột. Hơn nữa, nó phá hoại các hoạt động kinh tế và phát triển nói chung. Vì vậy khủng bố đặt ra những thách thức nghiêm trọng với các quốc gia và cộng đồng các quốc gia trên toàn cầu. Kinh nghiệm cho thấy không một quốc gia nào không bị ảnh hưởng bởi khủng bố và trong thế giới toàn cầu hóa, không một quốc gia nào có thể một mình giải quyết hiệu quả vấn đề này. Các đối tượng khủng bố khôn khéo lợi dụng các quốc gia với năng lực chống khủng bố yếu kém. Do đó, thậm chí những quốc gia đó không trực tiếp đối mặt với mối đe dọa của khủng bố cũng cần được chuẩn bị đầy đủ để chống khủng bố. Hành động của quốc gia và hợp tác quốc tế là các yếu tố chủ chốt giải quyết hiệu quả hoạt động khủng bố.

52. Năm 2006, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua chiến lược chống khủng bố toàn cầu, trong đó đưa ra kế hoạch hành động cho cộng đồng quốc tế dựa trên bốn trụ cột: i) các biện pháp xử lý các điều kiện dẫn đến sự mở rộng của hoạt động khủng bố, ii) các biện pháp phòng ngừa và chống khủng bố, iii) các biện pháp xây dựng năng lực quốc gia để phòng ngừa và chống khủng bố và nâng cao vai trò của hệ thống Liên hợp quốc trong vấn đề này, và iv) các biện pháp đảm bảo tôn trọng nhân quyền cho tất cả mọi người và quy định pháp luật là nền tảng cơ bản để chống khủng bố. Hội đồng Bảo an, trong một loạt giải pháp trước và sau, các hành động tuyên bố, các biện pháp và hoạt động của khủng bố đối lập với các mục đích và quy tắc của Liên hợp quốc, đã nhấn mạnh nhu cầu tăng cường phối hợp các nỗ lực trong nước và quốc tế, và kêu gọi các nỗ lực chung trong phòng chống tài trợ, lên kế hoạch và xử lý hành vi khủng bố.

53. Việt Nam là quốc gia thành viên của Công ước ASEAN về Chống khủng bố. Như đề cập trong phụ lục I, Việt Nam đã phê chuẩn 8 trong số 16 điều khoản của Hiệp ước. Việt Nam cũng từng bước thực hiện các nghị quyết chống khủng bố được Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc phê chuẩn, bao gồm Nghị quyết 1267 (1999) và Nghị quyết 1373 (2001). Việt Nam đã đệ trình nhiều báo cáo lên Hội đồng Bảo an và tích cực hợp tác với các Ủy ban của Hội đồng Bảo an trong việc triển khai các nghị quyết này.

Bộ Luật hình sự được sửa đổi năm 2009 với các điều khoản hình sự hóa một số hành vi khủng bố. Luật Tương trợ tư pháp (MLA) được ban hành năm 2007 và có hiệu lực vào ngày 1/7/2008. Luật này gồm một số điều khoản về dẫn độ. Việt Nam đang thúc đẩy các bước xây dựng luật cụ thể để triển khai Công ước về Chống tài trợ cho khủng bố và Các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc 1267 and 1373. Điều 230b bổ sung Bộ Luật hình sự có hiệu lực từ ngày 1/1/ 2010 để hình sự hóa hoạt động hỗ trợ tài chính cho khủng bố.

54. Trong vài năm vừa qua, Việt Nam và UNODC đã phối hợp trên nhiều phương diện thuộc hoạt động tư pháp hình sự chống khủng bố, từ việc thúc đẩy phê chuẩn và thực hiện luật. Một hội thảo vào tháng 3/2010 đã xác định các lĩnh vực hợp tác tiềm năng giữa UNODC và Việt Nam nhằm tăng cường khuôn khổ pháp luật quốc gia và năng lực triển khai về chống khủng bố. Hoạt động bao gồm soạn thảo luật và đào tạo chuyên môn cho các cán bộ tư pháp hình sự. Các bước đã được thực hiện nhằm soạn thảo luật quốc gia toàn diện về chống khủng bố. UNODC đã tham vấn chặt chẽ với Phòng Luật pháp và Điều ước quốc tế, Vụ Pháp chế, Bộ Công an trong việc xây dựng ý tưởng cho hợp tác kỹ thuật về hỗ trợ việc soạn thảo luật.

Tư pháp hình sự

55. Tăng cường sự liêm chính, giải quyết vấn đề miễn tố và phát triển hệ thống tư pháp chuyên nghiệp là những nhân tố quan trọng trong việc đảm bảo thượng tôn pháp luật ở đất nước mà đã phát triển lên mức thu nhập trung trình trong một khoảng thời gian nhanh kỷ lục. Trong quá trình phát triển kinh tế nhanh chóng, điều quan trọng là trong phòng chống tội phạm và cải cách tư pháp hình sự, cần đảm bảo quyền con người của các nhóm có thể bị phân biệt đối xử hoặc thiệt thòi được quan tâm. Trong khi UNODC sẽ tiếp tục hỗ trợ Chính phủ trong lĩnh vực này, đánh giá gần đây tập trung vào bảo vệ quyền của các nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương nhất, đặc biệt tập trung vào phụ nữ và trẻ em.

Phụ nữ trong hệ thống tư pháp

56. Một trong những thách thức chủ yếu đối với bình đẳng giới và các quyền của phụ nữ là hệ thống tư pháp cần giải quyết hiệu quả và nhạy cảm đối với các vấn đề bạo hành với phụ nữ, đặc biệt là bạo lực trong gia đình. Tuy nhiên, công bằng cho phụ nữ cũng bao gồm việc đối xử phù hợp đối với phụ nữ là người phạm tội và sự bình đẳng giữa nam và nữ giới làm việc trong ngành tư pháp hình sự. Việt Nam có Kế hoạch Hành động vì Sự phát triển của Phụ nữ. Các vấn đề bình đẳng giới được lồng ghép vào Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng và Giảm nghèo và Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội. Năm 2006, Luật về Bình đẳng giới đã được thông qua.

Phụ nữ là nạn nhân của bạo lực

57. Giống như hầu hết mọi xã hội, bạo lực gia đình là vấn đề phức tạp tại Việt Nam. Nó bắt nguồn từ những quan niệm và truyền thống lâu đời về gia đình và vai trò về giới dựa trên những giá trị hàng ngàn năm tạo nên mối quan hệ quyền lực trong xã hội cũng như gia đình. Quan niệm rằng người chồng có quyền dùng bất kỳ hình thức nào để giáo dục hoặc kỷ luật vợ là lý do thường được đưa ra nhằm biện minh cho hành vi bạo lực. Nghiên cứu trên thế giới cho thấy nạn nhân của bạo lực gia đình hầu hết là phụ nữ. Vì vậy có thể coi đây là hình thức “bạo lực giới” và cần được xử lý.

58. Khảo sát tỷ lệ năm 2010 do Tổng cục thống kê Việt Nam cùng Tổ chức Y tế thế giới thực hiện cho thấy cứ ba phụ nữ đã kết hôn hoặc ly hôn thì có một người từng bị bạo hành về thể xác hoặc tinh dục do người chồng gây ra. Khi tính thêm bạo lực tinh thần, hơn một nửa số phụ nữ cho biết họ đã trải qua ít nhất một trong ba loại hình bạo lực (thể xác, tinh dục, và tinh thần) (Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ, GSO, WHO, 2010).

59. Con số báo cáo của cảnh sát về bạo lực gia đình còn thấp. Nhiều nạn nhân không tin rằng bạo lực gia đình là sai trái; họ không muốn làm mất mặt gia đình và/hoặc tin rằng báo với chính quyền không thay đổi được gì. Các cơ quan hành pháp và tư pháp có hiểu biết hạn chế về khái niệm bạo lực gia đình và tính chất hình sự của hành vi. Nghiên cứu mới đây của UNODC cho thấy nhiều nạn nhân nghĩ rằng nhằm giải quyết vấn đề này, các biện pháp do cảnh sát thực hiện đối với kẻ bạo hành cần phải nghiêm

khắc hơn (UNODC, Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm, Bộ Công An, 2011, Phòng chống bạo lực gia đình). Cách thức phổ biến là hòa giải để giải quyết các vụ bạo lực gia đình hiếm khi thành công vì bạo lực trong gia đình vẫn tiếp diễn (77% tất cả các trường hợp hòa giải). Ngoài ra, chỉ một số ít vụ được các cán bộ trợ giúp pháp lý xem xét và hầu hết những đối tượng thực hiện bạo hành không bao giờ phải đối mặt với án phạt. (UNODC, Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm, Bộ Công An, 2011, Phòng chống bạo lực gia đình).

60. Cần có sự chú ý đặc biệt tới vấn đề bạo lực tình dục với phụ nữ. Theo khảo sát tỷ lệ về bạo lực gia đình với phụ nữ, 10% phụ nữ cho biết đã từng bị lạm dụng tình dục ít nhất một lần, 4% trong số những phụ nữ này cho biết bị lạm dụng tình dục trong vòng 12 tháng vừa qua. Phụ nữ ít khi báo cáo về việc bị lạm dụng với chính quyền vì xấu hổ và vì không có cán bộ chuyên môn được đào tạo để tiếp nhận nạn nhân của bạo lực tình dục. (Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ. GSO, WHO, 2010).

61. Việc phòng chống bạo lực gia đình hiệu quả đòi hỏi sự phối hợp và tiếp cận đa chiều bao gồm khuyến khích văn hóa không cam chịu bị bạo hành dưới bất kỳ hình thức nào cho phụ nữ. Việt Nam là thành viên ký kết các Công ước nhân quyền đảm bảo công bằng giữa nam và nữ giới, như Công ước Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước về Các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, Công ước về Các quyền Dân sự và Chính trị, và các công ước ILO về bình đẳng và không phân biệt đối xử.

62. Luật về Bình đẳng giới và Phòng chống Bạo lực Gia đình lần lượt được thông qua năm 2006 và 2007, và các Nghị định và Thông tư liên quan được ban hành. Dù khuôn khổ pháp lý để xử lý và ngăn chặn bạo lực gia đình trong nước đã có, nhưng vẫn chưa được thực hiện hiệu quả và không đảm bảo việc nạn nhân được bảo vệ và nhận được các dịch vụ tư pháp hình sự một cách đầy đủ.

Phụ nữ là người phạm tội

63. Phụ nữ là phạm nhân và người phạm pháp có những yêu cầu đặc biệt, cả khi chịu án tù, bị tạm giam và không giam giữ. Cơ sở của nhiều trại giam hiện tại được thiết kế chủ yếu cho phạm nhân nam và dịch vụ chăm sóc sức khỏe đặc thù theo giới và cơ sở vật chất đảm bảo vệ sinh còn hạn chế. Hiện tại, hầu như không có thông tin về tình hình của phụ nữ là người phạm pháp tại Việt Nam, ví dụ các biện pháp thay thế cho nữ phạm pháp, các quy tắc cụ thể về đối xử với phạm nhân nữ trong trại giam và các chương trình phục hồi cho nữ.

Trẻ em trong hệ thống tư pháp

64. Cách các hệ thống tư pháp quốc gia đối xử với trẻ em là một phần cần thiết trong các thành tựu của việc thượng tôn pháp luật và các mục tiêu liên quan. Đảm bảo rằng trẻ em được đề cập trong cải cách tư pháp rộng hơn và được tiếp cận các hệ thống tư pháp công bằng, minh bạch và cân trọng trong công tác xử lý với trẻ em, thông qua đó có thể thực thi và bảo vệ các quyền của trẻ, để có được những hệ thống tư pháp hoàn thiện hơn và đảm bảo các tiêu chuẩn về nhân quyền và cam kết của Liên hợp quốc. Một điều quan trọng là đảm bảo để mỗi trẻ em khi liên quan đến vấn đề pháp luật, dù là người phạm pháp, nhân chứng hay nạn nhân, đều nhận được sự bảo vệ đầy đủ của pháp luật, chính sách, các thể chế và thông lệ, và rằng các nhu cầu và quyền lợi của trẻ được tôn trọng thống nhất với các quy tắc, tiêu chuẩn và quy phạm quốc tế.

65. Chính phủ Việt Nam đã tiến những bước quan trọng để thực hiện các quyền của trẻ em có liên quan đến pháp luật, ví dụ việc thông qua Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em năm 2004. Dù đã có những tiến bộ gần đây trong lĩnh vực này, Việt Nam chưa có được một hệ thống hiệu quả để bảo vệ quyền trẻ em có liên quan đến pháp luật.

Trẻ em vi phạm pháp luật

66. Cụ thể trong trường hợp trẻ em vi phạm pháp luật, có hai hệ thống khác nhau ở Việt Nam giải quyết trường hợp này: hệ thống hành chính, trong trường hợp vi phạm ít nghiêm trọng và xử lý theo Pháp lệnh Xử lý các vi phạm hành chính, 2002; và hệ thống hình sự, xử lý các trường hợp vi phạm luật pháp nghiêm trọng theo Bộ Luật hình sự. Theo luật Việt Nam, trẻ em vi phạm pháp luật bao gồm trẻ từ

12 – 18 tuổi bị nghi hoặc bị cáo buộc vi phạm pháp luật, có thể bị xem xét xử lý hành chính hoặc hình sự.

67. Những thách thức cụ thể liên quan đến trẻ em vi phạm pháp luật như sau: thiếu thông tin hệ thống và tin cậy về tình hình trẻ em vi phạm pháp luật; thiếu điều khoản luật riêng cho đối tượng vị thành niên và hệ thống chuyên biệt cho tòa án vị thành niên; năng lực hạn chế của các cán bộ tư pháp hình sự chủ chốt để giải quyết phù hợp cho trẻ em vi phạm pháp luật; cơ chế xử lý chuyên hướng và các chương trình tư pháp phục hồi cần được quan tâm hơn trong cơ chế giải quyết mâu thuẫn trong hệ thống hiện hành tại Việt Nam và tước tự do cần được sử dụng làm biện pháp giải quyết cuối cùng và trong khoảng thời gian ngắn nhất có thể; các cơ sở nơi trẻ bị tước tự do cần được nâng cao điều kiện và dịch vụ; thiếu các dịch vụ phục hồi và tái hòa nhập phù hợp, cũng như cán bộ chuyên môn (như cán bộ xã hội) trong lĩnh vực này; và nguồn lực tài chính và nhân lực hạn chế để đảm bảo trẻ em bị cáo buộc vi phạm pháp luật được tư vấn pháp lý hoặc hỗ trợ phù hợp. Do các đối tác tài trợ song phương và các tổ chức quốc tế như UNICEF, sự hỗ trợ của UNODC sẽ tập trung vào các lĩnh vực đòi hỏi thêm hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS

68. Sử dụng thuốc phiện nổi lên là vấn đề xã hội chủ yếu ở Việt Nam trong những năm 90. Hiện tại, loại ma túy phổ biến nhất là heroin và cách thức sử dụng chủ yếu là tiêm chích (85%), sau đó là hút. Trong khi người hút thuốc phiện hầu hết là người già ở các vùng cao, heroin được sử dụng phổ biến nhất trong thanh niên. Từ năm 2003, các chất kích thích dạng amphetamine (ATS) được sử dụng ngày càng phổ biến ở các thành phố chính và khu vực thành thị. Tình trạng sử dụng cần sa cũng tăng lên. Bên cạnh sử dụng các loại ma túy truyền thống, các loại ma túy mới nổi bao gồm ketamine, methamphetamine dạng tinh thể, chất gây ảo giác LSD, axit Gamma Hydroxybutyric (GHB), benzylopipezine (BZP) và Trifluoromethylpennylopipezine (TFMPP). Chỉ một số trong các chất này nằm trong danh mục kiểm soát của Chính phủ.

69. Đến cuối năm 2011, có 158.141 người sử dụng ma túy có hồ sơ kiểm soát trên toàn quốc, tăng 8.514 người so với năm 2010. Người sử dụng heroin chiếm 83% và nhóm sử dụng từ 30-45 tuổi chiếm 54% trong tổng số người sử dụng ma túy. Theo báo cáo thường niên của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, có 60.000 người sử dụng ma túy đang cai nghiện dưới các hình thức, chiếm 60% tổng số người có hồ sơ kiểm soát, trong đó, 8.266 người đang cai nghiện tại cộng đồng và hơn 6.000 tham gia chương trình MMT. Theo báo cáo tình hình ma túy năm 2011 của Bộ Công an, số người sử dụng ma túy thực tế cao hơn so với số người có hồ sơ kiểm soát. Phần lớn các trường hợp có hồ sơ là nam giới (95%), trong khi tỷ lệ nữ sử dụng ma túy tăng từ 2% năm 2001 lên 5% năm 2010.

70. Sử dụng ma túy qua đường tiêm chích (IDU) lan rộng và liên quan nhiều đến sử dụng heroin. 85% số lượng đối tượng sử dụng ma túy trên toàn quốc là đối tượng tiêm chích, và tiêm chích ma túy chiếm một nửa số người lây nhiễm HIV. Hiện tại, các trường hợp nhiễm HIV xuất hiện ở tất cả 63 tỉnh, thành của Việt Nam. Theo Cục phòng chống AIDS, đến tháng 12/2011, có 240.055 người sống chung với HIV/AIDS trong nước. Đại dịch HIV vẫn trong giai đoạn tập trung, với tỷ lệ báo cáo cao nhất trong nhóm tiêm chích ma túy nam (18.4%), phụ nữ hành nghề mại dâm (3.2%) và đồng tính nam (MSM) (16.7%).

71. Ước tính tỷ lệ HIV dương tính trong những người tiêm chích ma túy giảm từ 28,6% năm 2008 xuống 13,4% năm 2011, tỷ lệ lây nhiễm rất cao ở một số địa phương (VD Điện Biên: 45,7%, Thành phố Hồ Chí Minh: 39,3%, Thái Nguyên: 25,8%, Quảng Ninh: 24,8% và Cần Thơ: 20,0%). Theo VAAC, trong quý đầu tiên năm 2011, 38,6% trường hợp có kết quả xét nghiệm HIV dương tính là người tiêm chích ma túy. Dữ liệu cho thấy bằng chứng lây nhiễm HIV nhanh trong nhóm thanh niên mới tiêm chích ma túy. Theo nghiên cứu dữ liệu sinh học và hành vi, nhóm người hành nghề mại dâm tiêm chích ma túy có nguy cơ nhiễm HIV cao hơn 3,5 đến 31 lần so với những người hành nghề nhưng không tiêm chích. Đối chiếu giữa các trường hợp HIV dương tính và hành vi của người tiêm chích ma túy cũng được thực hiện với nhóm đồng tính nam tại Việt Nam.

Thông tin, phòng ngừa và điều trị cai nghiện ma túy

72. Các Bộ, Ngành và cơ quan chính quyền địa phương tại Việt Nam triển khai liên tiếp và thường xuyên các hoạt động tuyên truyền giáo dục phòng chống ma túy, cụ thể trong các chiến dịch đặc biệt về phòng chống ma túy với hàng trăm cuộc diễu hành, tọa đàm và triển lãm ảnh. Các cơ quan truyền thông phối hợp với các cơ quan kiểm soát ma túy để phản ánh kịp thời và đầy đủ mọi mặt của hoạt động kiểm soát ma túy. Báo, đài dành nhiều thời lượng thông báo tin tức, các thực tiễn hiệu quả của hoạt động kiểm soát ma túy; về điều tra, truy tố và xét xử các đối tượng phạm tội liên quan đến ma túy. Trong sáu tháng đầu năm 2011, 06 phim tài liệu, 135 tin bài, 18 video, 186 buổi giao lưu biểu diễn nghệ thuật, 1.334 áp phích, 7.860 tờ rơi về luật và các hoạt động kiểm soát ma túy đã được thực hiện. Hiện tại dự án “Hỗ trợ xây dựng các chiến lược và biện pháp hiệu quả trong phòng ngừa ATS ở khu vực Đông Á: Một dự án thí điểm tại Việt Nam – VNM/J93” đang thực hiện chương trình tuyên truyền để ngăn chặn việc bắt đầu sử dụng ATS và truyền tải thông điệp về các tác hại liên quan đến sử dụng ATS cũng như thông tin giảm hại.

73. Theo báo cáo năm 2011 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, có 123 trung tâm điều trị cai nghiện và phục hồi trên cả nước có thể tiếp nhận 65,000 người sử dụng ma túy. Trong đó, 80 trung tâm nằm dưới sự quản lý của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội. Ở hầu hết các trung tâm này, dịch vụ cung cấp cần tăng cường để đáp ứng tiêu chuẩn về chăm sóc y tế và điều trị cai nghiện dựa vào bằng chứng do WHO và UNODC khuyến nghị. Ngoài ra, ‘trung tâm cai nghiện dựa vào cộng đồng’ cung cấp dịch vụ cốt lõi. Theo báo cáo này, tổng số 60.000 người đang được cai nghiện trong năm 2011, trong đó 8.266 cai nghiện tại cộng đồng và khoảng 6.000 người tham gia chương trình methadone. Chính phủ đã cam kết tăng khả năng tiếp cận đối với cai nghiện dựa vào bằng chứng, trong cộng đồng, như chương trình điều trị duy trì methadone quốc gia và chăm sóc và hỗ trợ dựa vào cộng đồng.

74. Hiện tại, công tác phòng ngừa, điều trị HIV và cai nghiện trong trại giam và các cơ sở giam giữ tại Việt Nam đang ở giai đoạn bắt đầu. Bộ Công an cung cấp một số dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản và đã thực hiện chiến dịch thông tin về phòng ngừa ở quy mô nhỏ; nhưng biện pháp xử lý hiệu quả đối với nạn dịch HIV trong các cơ sở này mới ở giai đoạn đầu, và các công cụ, kiến thức và cam kết cần thiết để triển khai các biện pháp này đang được xây dựng. Không có dữ liệu cơ sở công khai để định lượng tình hình quốc gia liên quan đến HIV trong các cơ sở và những người bị giam giữ,

Chương trình duy trì bằng Methadone

75. Vào tháng 5/2008, với hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ Chính phủ Hoa Kỳ, điều trị cai nghiện thuốc phiện bằng duy trì với methadone được thí điểm tại thành phố Hải Phòng và Hồ Chí Minh. Sau một năm thí điểm, chương trình methadone được mở rộng tới Hà Nội từ tháng 12/2009. Đến tháng 12/2010, 41 cơ sở methadone được mở tại 9 tỉnh có khả năng tiếp nhận điều trị 7.600 bệnh nhân. Vào tháng 6/2011, cơ sở điều trị methadone xã hội hóa đầu tiên được mở tại Hải Phòng, là một phần trong chiến dịch quốc gia đang thực hiện nhằm cung cấp cai nghiện ma túy dựa vào bằng chứng mà phần nào đó đóng góp phòng ngừa HIV/AIDS trong những người lệ thuộc vào thuốc phiện.

76. Theo kế hoạch của Chính phủ, vào cuối năm 2012, có 61 cơ sở điều trị methadone được mở tại 13 tỉnh và thành phố với mục tiêu 15.600 người được điều trị. Mục tiêu dài hạn là tới năm 2015, 245 cơ sở điều trị methadone sẽ hoạt động ở 30 tỉnh và thành phố và điều trị cho 80.000 đối tượng sử dụng ma túy.

77. Các kết quả ban đầu của công tác điều trị duy trì thí điểm bằng methadone của Chính phủ đã cho thấy tác động tích cực đối với đời sống của người sử dụng thuốc phiện và gia đình họ. Cho đến nay, hầu hết chi phí hoạt động của cơ sở điều trị methadone phụ thuộc vào hỗ trợ của nhà tài trợ, đây là thách thức trong duy trì tính bền vững của hoạt động. Do nguồn tài trợ cho các chương trình HIV sẽ giảm từ năm 2012 trở đi, Chính phủ đang tìm các cách mới để có nguồn tài chính cho các hoạt động phòng ngừa quan trọng như điều trị methadone. Mô hình cơ sở mở đánh dấu một bước quan trọng để đảm bảo tính bền vững của công tác điều trị methadone tại Việt Nam, đặc biệt để hưởng ứng quyết định của Chính phủ nhằm mở rộng quy mô chương trình methadone tại Việt Nam để đạt đến mục tiêu đầy tham vọng là đến 80.000 người được điều trị methadone vào năm 2015.

78. Môi trường pháp lý và chính sách của Việt Nam hỗ trợ việc mở rộng các can thiệp phòng ngừa HIV toàn diện nhằm giảm lây nhiễm HIV liên quan đến các hành vi nguy cơ. Trong đó bao gồm Chương trình Bơm kim tiêm sạch (NSP), Chương trình Bao cao su (CUP) và liệu pháp thay thế ma túy gốc thuốc phiện, đặc biệt là liệu pháp duy trì bằng Methadone (MMT). Năm 2011, 63 tỉnh thành phố thực hiện các hoạt động tiếp cận cộng đồng, 60 tỉnh thành thực hiện Chương trình Bơm kim tiêm sạch và 63 tỉnh thành phân phát bao cao su miễn phí. Số lượng bơm/kim tiêm phân phát tăng từ 2 triệu năm 2006 lên 30 triệu năm 2011.

CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỐI TÁC HIỆN TẠI CỦA UNODC

Các hoạt động của UNODC

79. Lợi thế so sánh của UNODC là nhằm thúc đẩy các sáng kiến chiến lược trong khu vực, hỗ trợ hợp tác và đối thoại qua biên giới, cung cấp tiếp cận thông tin và dữ liệu về các vấn đề và xu hướng khu vực/toàn cầu, đảm bảo tiếp cận nhiều lĩnh vực chuyên môn và hỗ trợ triển khai các Công ước của Liên hợp quốc về ma túy và tội phạm và các tiêu chuẩn, quy tắc của Liên hợp quốc về tư pháp hình sự và phòng chống tội phạm. UNODC cũng góp phần tăng cường các thể chế trong khu vực và quyết tâm chính trị của các quốc gia đối tác chống tội phạm có tổ chức/buôn bán trái phép và thực hiện các cơ chế giải quyết hiệu quả trong khu vực. Việt Nam ngày càng thiết lập vị trí của mình trong khu vực và trên toàn cầu, UNODC có đủ khả năng hỗ trợ Chính phủ đảm bảo tính hiệu quả của việc tăng cường hội nhập quốc tế của Việt Nam và các đối tác của mình.

80. Hiện tại chương trình của UNODC tại Việt Nam bao trùm hỗ trợ kỹ thuật đa ngành hướng tới hỗ trợ chính sách, luật pháp và tuyên truyền, ngăn ngừa buôn bán trái phép, phòng chống và giảm lạm dụng ma túy, xử lý vấn đề HIV/AIDS, bạo lực gia đình, rửa tiền và các lĩnh vực khác phù hợp với những ưu tiên của quốc gia và nhiệm vụ của UNODC. Việt Nam cũng hưởng lợi từ một số dự án khu vực của UNODC, tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập tốt hơn vào các mạng lưới hợp tác khu vực.

81. Trong các lĩnh vực về tội phạm có tổ chức, buôn bán và vận chuyển trái phép, UNODC hỗ trợ tăng cường các nỗ lực của quốc gia về an ninh biên giới ở khu vực tiểu vùng sông Mêkông, với một số trường hợp bắt giữ và thu giữ quan trọng có sự đóng góp của các văn phòng liên lạc qua biên giới. Tính sẵn có của dữ liệu so sánh quốc gia về các chất kích thích dạng amphetamine và các hậu quả liên quan được cải thiện thông qua một khảo sát bao gồm thu thập và phân tích thông tin cũng như thúc đẩy hợp tác và thông tin liên ngành. Ngoài ra, năng lực của các cán bộ hành pháp trực tiếp chiến đấu được nâng cao thông qua tập huấn, đặc biệt là tập huấn trên máy tính bao gồm 22 khóa cho 250 cán bộ.

82. Thông qua chương trình phòng chống rửa tiền, UNODC đã giúp nâng cao năng lực của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế thuộc Bộ Công an để phát hiện, điều tra và truy tố hành vi phạm tội kinh tế thông qua các khóa huấn luyện về kỹ năng điều tra, rửa tiền và điều tra tài chính. Dữ liệu năm 2010 cho thấy số lượng vụ việc xử lý và giá trị tài sản đóng băng hoặc tịch thu tăng lên đáng kể. Do chưa có dự án phòng chống tham nhũng, UNODC cũng cung cấp các khóa tập huấn về rửa tiền và điều tra tài chính cho Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng thuộc Bộ Công an ở Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, và hỗ trợ tập trung vào nâng cao nhận thức, ví dụ nhân Ngày Quốc tế chống Tham nhũng 9/12. Là cơ quan giám sát của UNCAC, UNODC cũng cung cấp tư vấn chính sách, khi cần, cho Thanh tra Chính phủ để thực hiện tự đánh giá việc triển khai Công ước.

83. UNODC hỗ trợ Chính phủ xây dựng các chiến lược và tài liệu chính sách mới xử lý các vấn đề ma túy, tội phạm và buôn bán người trái phép, như các Chương trình Quốc gia và Chương trình Mục tiêu về kiểm soát ma túy và phòng chống tội phạm và Chương trình hành động phòng chống tội phạm mua bán người. Các tài liệu này đã đặt ra những ưu tiên cho hành động quốc gia về phòng chống ma túy và tội phạm, bao gồm tăng cường các biện pháp hành pháp, hợp tác qua biên giới, xử lý những loại tội phạm mới nổi lên như tội phạm môi trường và công nghệ cao, tăng cường cai nghiện dựa vào cộng đồng như là biện pháp thay thế cho dịch vụ cai nghiện bắt buộc, và các hoạt động khác. Trong lĩnh vực tư pháp hình sự, UNODC hỗ trợ xây dựng tài liệu tập huấn và các khóa tập huấn, cũng như chuẩn bị tài liệu quy định để triển khai hiệu quả Luật Phòng chống bạo lực gia đình. Hợp tác giải quyết vấn đề khủng bố đã được đề xuất là một phần trong chương trình mới của khu vực về chống khủng bố.

84. UNODC tập trung giải quyết vấn đề lạm dụng ma túy có ảnh hưởng đến cuộc sống của các cá nhân, gia đình và cộng đồng thông qua phòng ngừa sử dụng, phòng ngừa những hậu quả liên quan, điều trị và chăm sóc. Do đó, UNODC đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Chính phủ trong việc xây dựng các chương trình phòng chống ma túy toàn diện và các dịch vụ điều trị cai nghiện và phục hồi, cũng như ủng hộ mở rộng các dịch vụ điều trị cai nghiện tự nguyện, dựa trên bằng chứng tại cộng đồng. Theo kết quả đánh giá độc lập gần đây của các dự án trong lĩnh vực giảm cầu ma túy của UNODC, các

can thiệp là có hiệu quả và cần được mở rộng về quy mô (<http://www.unodc.org/unodc/en/evaluation/independent-project-evaluation-2012.html>).

85. UNODC đã giúp tăng cường năng lực quốc gia thông qua các hoạt động xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và nỗ lực tuyên truyền giảm lây nhiễm HIV/AIDS trong những người tiêm chích ma túy, bao gồm cả trại giam. Nhóm phụ trách về HIV/AIDS với hỗ trợ kỹ thuật từ Chương trình HIV/AIDS toàn cầu của UNODC cung cấp tư vấn và hỗ trợ về chính sách cho Chính phủ trong việc xây dựng các chiến lược và các tài liệu chính sách và chương trình can thiệp về phòng chống HIV tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.

Các đối tác của UNODC

86. Trong quá trình xác định các vấn đề ưu tiên và triển khai các gói hỗ trợ kỹ thuật, UNODC hợp tác chặt chẽ với Chính phủ, các cơ quan của Liên hợp quốc trong khuôn khổ sáng kiến Thống Nhất Hành Động, các quốc gia tài trợ và các đối tác quốc tế cũng như các tổ chức phi chính phủ.

87. UNODC đã thiết lập mối quan hệ bền vững với các cơ quan và quan chức Chính phủ. Các đối tác Chính phủ chính gồm:

- Bộ Công an (MPS)/Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về các lĩnh vực hành pháp phòng chống ma túy, chống buôn người và đưa người di cư trái phép, phòng chống rửa tiền, bạo lực gia đình;
- Bộ Công an (MPS)/Tổng cục Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp và Tổng cục Kỹ thuật và Hậu cần về lĩnh vực phòng chống HIV và giảm các hậu quả về sức khỏe và xã hội liên quan đến sử dụng ma túy, bao gồm liệu pháp duy trì bằng methadone (cùng Bộ Y tế), và tuyên truyền về các biện pháp điều trị, chăm sóc và yêu cầu hỗ trợ theo đề xuất của Liên hợp quốc cho phạm nhân và cán bộ trại giam, và vai trò của hành pháp và các lực lượng an ninh khác trong hỗ trợ các hành động của quốc gia đối với vấn đề HIV;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (MOLISA)/Cục Phòng chống tệ nạn xã hội (DSEP) về điều trị cai nghiện và phục hồi, phòng chống HIV, thiết kế chương trình của MOLISA, hoạt động và lên kế hoạch ngân sách để đưa vào đề xuất thành công cho Quỹ toàn cầu; và hỗ trợ kỹ thuật và chính sách giải quyết các vấn đề về lệ thuộc ma túy, và điều trị bằng methadone;
- Bộ Tư pháp (MOJ) về tuyên truyền để Việt Nam tham gia các hiệp ước quốc tế/các Công ước Liên hợp quốc, cải cách luật pháp và tư pháp, và hỗ trợ pháp lý cho các nạn nhân của bạo lực gia đình;
- Bộ Y tế về điều trị ma túy, phòng ngừa hậu quả về sức khỏe và xã hội liên quan đến sử dụng ma túy, kiểm soát tiền chất và ma túy hợp pháp. Phòng chống HIV và các hậu quả về sức khỏe và xã hội liên quan đến sử dụng ma túy, bao gồm tuyên truyền mở rộng các dịch vụ điều trị, chăm sóc và hỗ trợ HIV dựa vào cộng đồng và dịch vụ methadone cho phạm nhân sử dụng ma túy và các đối tượng trong các “cơ sở khép kín” khác;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (MOCST) và Bộ Thông tin Truyền thông (MOIC) về các hoạt động tuyên truyền phòng chống ma túy bao gồm các chiến dịch nâng cao nhận thức, tập huấn về truyền thông;
- Bộ Quốc phòng (MOD)/Bộ đội biên phòng và Cảnh sát Biên phòng chống buôn lậu ma túy và buôn người, đưa người di cư trái phép và tài nguyên thiên nhiên (gỗ và động vật hoang dã);
- Ủy ban dân tộc về giảm cầu ma túy, phòng chống ma túy và HIV trong cộng đồng dân tộc thiểu số;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Lâm nghiệp về thực thi pháp luật bảo vệ rừng;

- Bộ Ngoại giao về các vấn đề chống khủng bố;
- Thanh tra Chính phủ về phòng chống tham nhũng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (SPP) và Tòa án nhân dân tối cao (SPC) về cải cách tư pháp hình sự và truy tố các vụ hình sự; và
- Hội Phụ nữ về phòng chống ma túy và tập huấn cho phụ huynh cũng như phòng chống bạo lực gia đình (ví dụ, sử dụng tài liệu tập huấn của UNODC để hướng dẫn chính quyền địa phương giải quyết các vụ việc bạo lực gia đình ở các tỉnh địa bàn dự án, tham gia soạn thảo các quy trình, tập huấn về vấn đề giới).

88. Công tác điều phối với các cơ quan khác của Liên hợp quốc được xúc tiến trong khuôn khổ Kế hoạch Chung. Ngoài ra, chuyên tải ý tưởng về Tổ Công tác của Liên hợp quốc chống tội phạm có tổ chức và buôn bán trái phép thành hành động thực tiễn. Trong nhiều ví dụ đáng kể về chương trình chung trong lĩnh vực Tư pháp hình sự, có Chương trình chung của Liên hợp quốc về Bình đẳng giới, trong đó UNODC tham gia với 13 cơ quan khác của Liên hợp quốc, và Dự án liên ngành của Liên hợp quốc chống buôn người, thành lập tháng 6/2000 hỗ trợ các giải pháp hiệu quả xử lý hoạt động buôn người ở khu vực tiểu vùng sông Mêkông. Các đối tác đa phương khác bao gồm Liên minh châu Âu, Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á và Quỹ tiền tệ quốc tế.

89. UNODC duy trì liên lạc thường xuyên với các nhà tài trợ và đại diện các quốc gia tại Hà Nội. Nhóm Mini Dublin đóng vai trò quan trọng hỗ trợ các hoạt động của UNODC. Nhóm tập hợp các quốc gia cung cấp hỗ trợ kiểm soát ma túy. Theo luân phiên hàng năm, nhóm Mini-Dublin do Úc và Nhật Bản làm chủ tọa họp để thảo luận về tiến bộ của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề lạm dụng và buôn lậu ma túy và các thách thức mới nổi, để điều phối các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và đưa ra các đề xuất để Chính phủ xem xét. Có một số nhóm điều phối tài trợ khác, như nhóm HIV/AIDS, Đối thoại phòng chống tham nhũng, Nhóm công tác phối hợp về phòng chống buôn người. Là một thành viên của cơ chế hợp tác này, UNODC sẽ tiếp tục điều phối triển khai chương trình quốc gia với các đối tác song phương và đa phương.

KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH 2012-2017

Mục tiêu tổng thể, kết cấu và quy mô chương trình

90. Do Việt Nam hiện tại là quốc gia có thu nhập trung bình, các mong đợi và yêu cầu đối với hỗ trợ của Liên hợp quốc cũng đang thay đổi. UNODC sẽ cân bằng công việc của mình giữa chức năng triển khai dự án và các can thiệp về chính sách, ngành và chương trình. Cuối cùng, UNODC sẽ tập trung hơn vào tư vấn pháp luật và chuyên môn, cũng như chức năng cố vấn. Cách tiếp cận này thống nhất với Kế hoạch Chung và sẽ hướng tới bổ sung cho các khuôn khổ chính sách, quy định và năng lực ở tất cả các cấp – quốc gia, khu vực và địa phương.

91. Trong tất cả công việc của UNODC, sẽ ưu tiên cho thúc đẩy quyền con người, bao gồm quyền công bằng, bình đẳng và sức khỏe. UNODC tiếp tục phấn đấu đạt các mục tiêu chung của Liên hợp quốc, nâng cao an ninh nhân loại và đạt các tiêu chuẩn toàn diện. Thống nhất với Kế hoạch Chung, UNODC sẽ bổ sung thêm giá trị bằng việc đảm bảo rằng các hoạt động hướng tới người nghèo, thiệt thòi và dễ bị tổn thương. Trong từng tiểu chương trình, Chương trình quốc gia hướng tới việc kết nối, hỗ trợ đối thoại và trao đổi ở cấp song phương, khu vực và quốc tế, cũng như thúc đẩy tuân thủ các công ước quốc tế, tiêu chuẩn và thông lệ hiệu quả. Hơn nữa, cần nhấn mạnh rằng dù các tiểu chương trình được trình bày riêng biệt, chúng đều có liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Sự phụ thuộc lẫn nhau này cho thấy tính chất đa chiều của thách thức và nhu cầu cần có một giải pháp toàn diện.

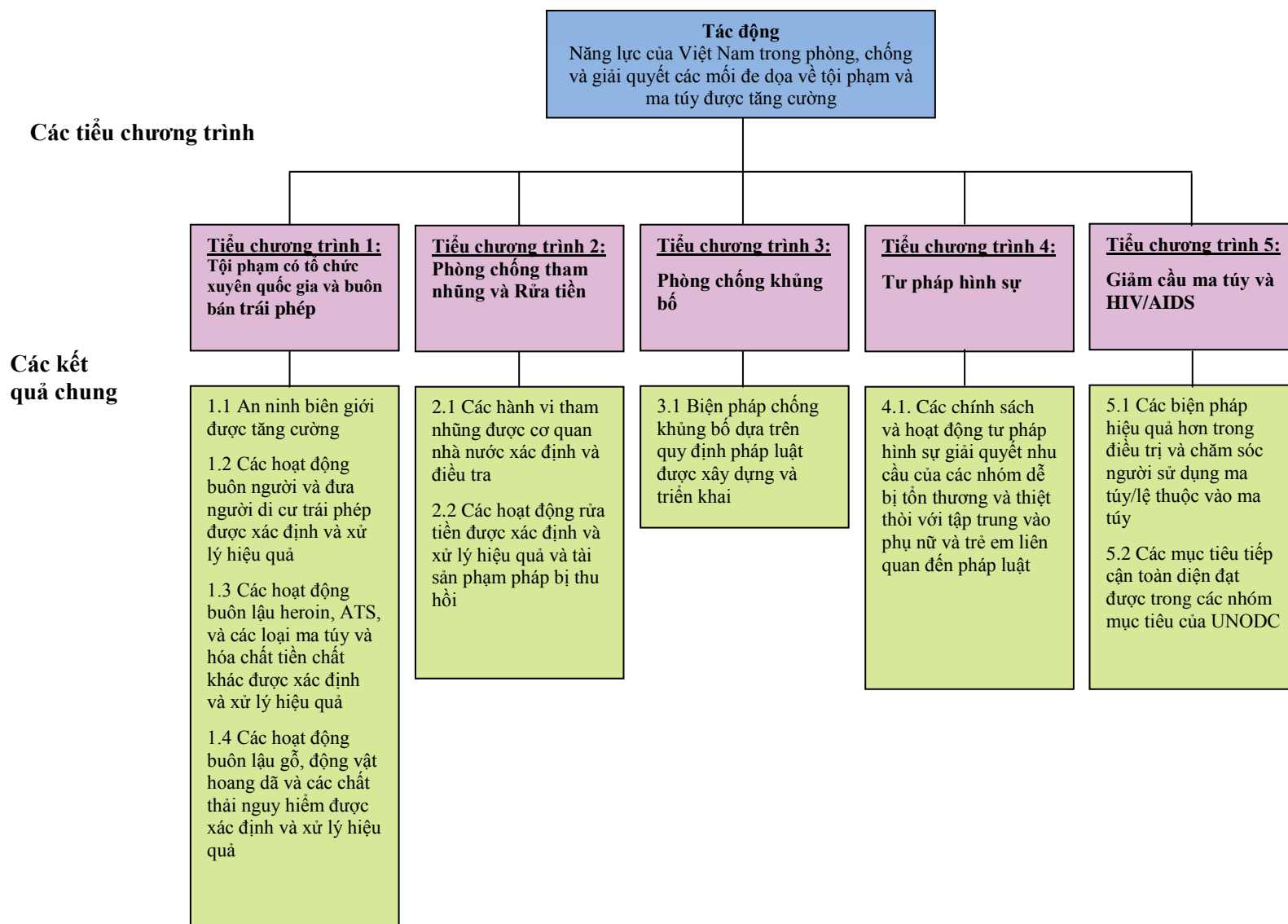
92. Chương trình đề ra tầm nhìn linh hoạt, dễ thích ứng cho hành động. UNODC sẽ duy trì sự linh hoạt và đáp ứng các nhu cầu đang nổi lên, bao gồm thông qua việc thường xuyên xem xét hoạt động phối hợp với các đối tác trong nước về tiến độ thực hiện. Việc chuẩn bị cho những đề xuất hợp phần tiểu chương trình chi tiết hơn và kế hoạch hoạt động, khi cần thiết, sẽ được thực hiện thông qua tham vấn chặt chẽ với các đối tác quốc gia. Ngoài ra, quy mô thực tế của công việc mà UNODC có thể hỗ trợ trong giai đoạn hơn năm năm sẽ phụ thuộc vào các nguồn tài chính có được. Vì vậy, Chương trình đưa ra khung các hoạt động và kết quả mong muốn, không phải là kế hoạch làm việc đã được tài trợ.

93. Chương trình quốc gia cho giai đoạn 2012-17, thống nhất với giai đoạn chương trình cho Kế hoạch Chung. Các hoạt động tổng kết và đánh giá kết thúc chương trình sẽ được thực hiện vào nửa đầu của năm 2017 để rút ra các bài học và thực hiện hành động cho việc xây dựng chương trình trong tương lai. Kết cấu tổng quát được lấy từ Khuôn khổ chiến lược toàn cầu của UNODC và bao gồm năm tiểu chương trình: Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép, Phòng chống tham nhũng và rửa tiền, Phòng chống khủng bố, Tư pháp hình sự và Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS. Mỗi tiểu chương trình có một biểu đồ mục tiêu thể hiện các tác động, kết quả chung và kết quả cụ thể mong đợi đạt được qua quá trình triển khai. Các chỉ số thành công đề xuất được đưa ra cho mỗi kết quả chung và kết quả cụ thể trong Ma trận kết quả và giám sát trong Phụ lục 3.

94. Kết cấu Chương trình quốc gia cũng thống nhất với Khuôn khổ chương trình khu vực của UNODC Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương. Tuy kết cấu của các tiểu chương trình hơi khác biệt nhưng các kết quả chung và kết quả cụ thể đều thống nhất và dễ “liên kết”, vì vậy cho phép phối hợp giám sát và báo cáo. Văn phòng Khu vực tham gia trực tiếp vào việc xây dựng chương trình quốc gia và thông qua kết cấu và nội dung của Chương trình.

95. Các kết quả cụ thể tập trung vào kết quả trung hạn mà UNODC sẽ trực tiếp đóng góp. Các can thiệp dự kiến sẽ hỗ trợ việc triển khai mỗi kết quả cụ thể, dựa trên danh mục các dự án hiện tại và theo kế hoạch. Tác động và các kết quả chung phản ánh kết quả phát triển dài hạn mà việc triển khai là trách nhiệm chính của Chính phủ Việt Nam, và vì vậy thống nhất với các ưu tiên đặt ra trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội của Chính phủ cho giai đoạn 2011-15, cũng như Kế hoạch chung. Biểu đồ 1 cung cấp tổng quan về kết cấu và quy mô Chương trình quốc gia.

Biểu đồ 1 – Kết cấu và quy mô của Chương trình quốc gia



Thống nhất với Kế hoạch Chung

96. Kế hoạch Chung 2012-2016 thể hiện cam kết của các tổ chức của Liên hợp quốc tại Việt Nam để triển khai như một cơ quan thống nhất với sự hỗ trợ của Chính phủ và cộng đồng các nhà tài trợ. Kế hoạch đưa ra khuôn khổ chương trình toàn diện cho hoạt động của Liên hợp quốc tại quốc gia, và được hỗ trợ bởi cơ cấu điều phối chương trình cho việc triển khai thực hiện. Từng bước của quá trình xây dựng Kế hoạch Chung có sự tham gia tích cực của các cơ quan Chính phủ chủ chốt, các nhà tài trợ và các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể. Kế hoạch dựa trên phân tích thiết thực, bao gồm Phân tích liên quốc gia độc lập do Liên hợp quốc ủy thác và Nhóm các nhà tài trợ cùng quan điểm tại Việt Nam. Kế hoạch xác định các biện pháp can thiệp chính mà Liên hợp quốc sẽ thực hiện trong năm năm tiếp theo, thống nhất với các ưu tiên quốc gia trong Chiến lược Phát triển Kinh tế-Xã hội 2011-2020 và Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội 2011-2015.

97. Cụ thể, Liên hợp quốc sẽ chú ý tới tiếp cận có mục tiêu và định hướng chính sách để giảm sự bất bình đẳng và sự chênh lệch bao gồm cả chênh lệch về giàu nghèo, tiếp cận với cơ hội và dịch vụ, và giữa các vùng và các nhóm kinh tế - xã hội khác nhau, tập trung vào những người thiệt thòi và dễ bị tổn thương nhất và do đó họ có nguy cơ bị tụt lại phía sau khi đất nước phát triển. Liên hợp quốc sẽ kết hợp cách tiếp cận dựa trên quyền vào tất cả các chương trình, sẽ tích cực thúc đẩy bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và lên chương trình phù hợp với văn hóa trong tất cả các hoạt động của mình, và sẽ đảm bảo việc tiếp cận chéo với các thách thức phát triển chính.

98. UNODC xem việc tham gia vào Kế hoạch Chung tại Việt Nam là một cơ hội chiến lược nhằm tăng cường các nguyên tắc tăng cường hiệu quả viện trợ (tinh thần làm chủ, sự phù hợp, hài hòa và trách nhiệm giải trình chung cho các kết quả phát triển) và cũng nhấn mạnh các cam kết hiện tại với các giá trị cơ bản của Liên hợp quốc về quyền con người, sự công bằng, y tế và cơ hội bình đẳng. UNODC là thành viên tích cực xây dựng Kế hoạch Chung và điều này đem đến cơ hội đặc biệt cho Văn phòng trong việc phối hợp hiệu quả hơn với các cơ quan khác của Liên hợp quốc, Chính phủ Việt Nam và các tổ chức tài trợ quốc tế nhằm giúp giải quyết các thách thức về ma túy và tội phạm của quốc gia.

99. Do việc xây dựng chương trình quốc gia này của UNODC được thực hiện đồng thời với Kế hoạch Chung, hai văn kiện thống nhất chặt chẽ, giữa chương trình hỗ trợ đề xuất của UNODC và các kết quả chung và kết quả cụ thể của Kế hoạch Chung có mối liên kết rõ ràng. Cụ thể, công việc của UNODC sẽ hỗ trợ trực tiếp vào kết quả của Các lĩnh vực trọng tâm và kết quả chung trong Kế hoạch Chung:

Lĩnh vực trọng tâm 1: Tăng trưởng bền vững, công bằng và dành cho tất cả mọi người

Kết quả 1.3: Bảo vệ môi trường, phòng ngừa và kiểm soát buôn bán trái phép động vật hoang dã

Lĩnh vực trọng tâm 2: Tiếp cận an sinh xã hội và các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

Kết quả 2.1: Bảo trợ xã hội bao gồm bảo vệ trẻ em

Kết quả 2.2: Bảo vệ sức khỏe, đảm bảo sự tiếp cận công bằng cho các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất

Kết quả 2.4: Phòng chống bạo lực giới

Lĩnh vực trọng tâm 3: Quản trị và sự tham gia

Kết quả 3.2: Quản trị, quy định pháp luật, tiếp cận với tư pháp, tư pháp hình sự trong đấu tranh chống buôn bán trái phép

Kết quả 3.3: Phòng chống tham nhũng và rửa tiền

Tiểu chương trình 1: Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép

Tổng quan

100. Tiểu chương trình này nhằm hỗ trợ Chính phủ trong tăng cường năng lực luật pháp, hành pháp và kỹ thuật nhằm phòng ngừa và ngăn chặn buôn bán người, đưa người di cư trái phép và buôn bán trái phép ma túy, tài nguyên thiên nhiên và các chất thải độc hại, các tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và trong việc xây dựng biện pháp tiếp cận lồng ghép nhằm đấu tranh chống lại buôn bán trái phép và tội phạm có tổ chức. Các cơ quan lập pháp, tư pháp và hành pháp bao gồm Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát và Toà án, Hải quan, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy, Biên phòng và Cảnh sát biển sẽ nhận được sự hỗ trợ trong:

- Sửa đổi luật pháp và quy định theo tiêu chuẩn và nguyên tắc quốc tế;
- Xây dựng năng lực hoạch định chính sách và xây dựng chương trình dựa trên bằng chứng thực tiễn;
- Xây dựng kỹ năng cho các cán bộ chủ chốt thông qua xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng;
- Đảm bảo công nghệ và thiết bị cần thiết nhằm tăng cường năng lực hoạt động; và
- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức của công chúng.

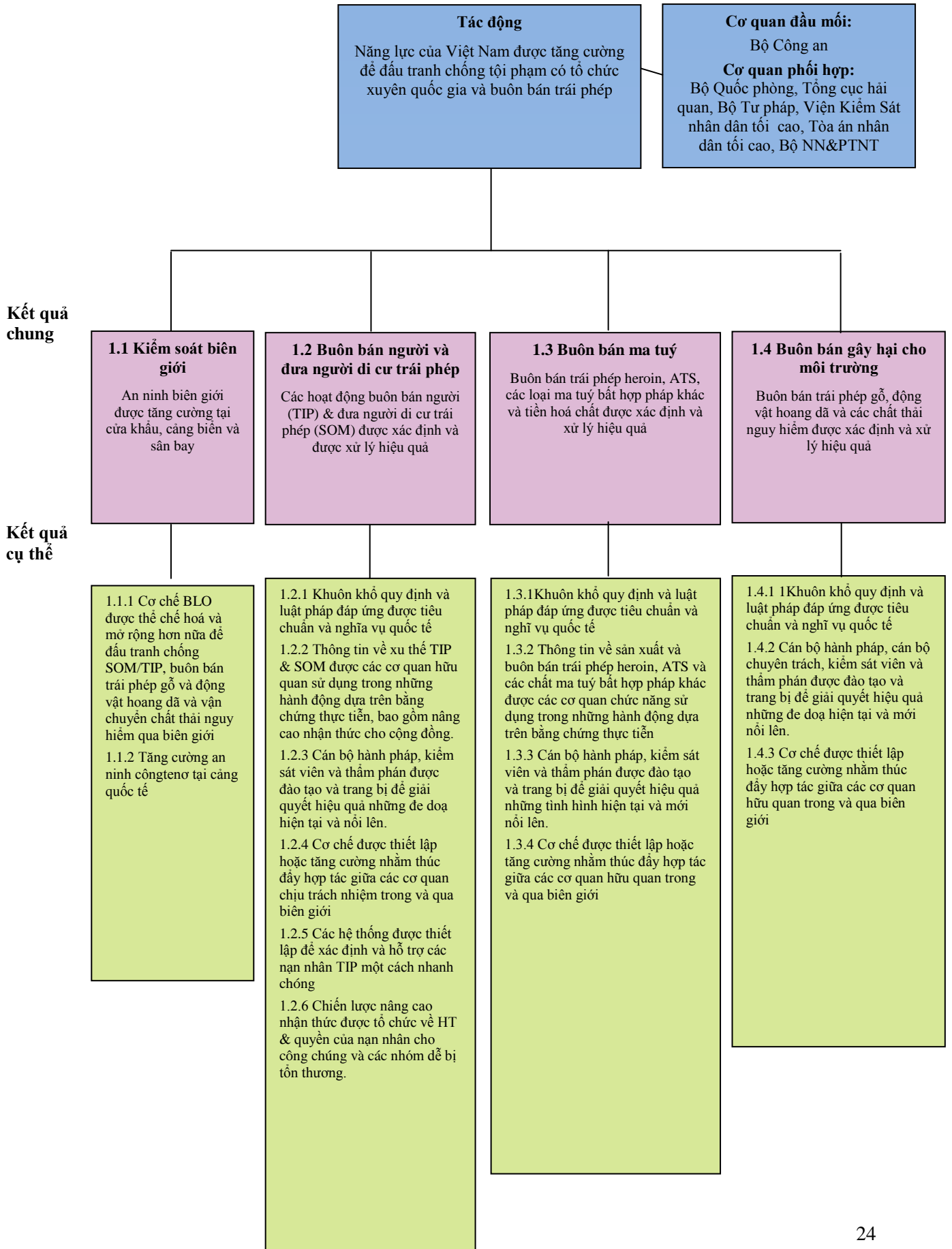
101. Hỗ trợ sẽ tiếp tục được cung cấp và mở rộng nhằm củng cố và tăng cường hợp tác liên và trong các cơ quan nhằm xác định, điều tra và truy tố các vụ án liên quan đến tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép. Việc này sẽ bao gồm phát triển cơ chế phối hợp và hợp tác hiệu quả hơn nữa giữa các bộ ngành, tăng cường năng lực thu thập, phân tích và chia sẻ dữ liệu cũng như năng lực kỹ thuật của các cán bộ hành pháp, kiểm sát và toà án.

102. Cơ chế văn phòng liên lạc qua biên giới sẽ được xem xét hỗ trợ, qua đó mở rộng chức năng của các văn phòng này từ kiểm soát ma túy đến phòng ngừa và ngăn chặn tất cả các loại hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Do đó, sẽ góp phần mở rộng trách nhiệm của những văn phòng này để bao trùm hệ thống tư pháp có tổ chức xuyên quốc gia qua biên giới thông qua tăng cường năng lực cho cán bộ và củng cố các cơ chế hợp tác sẵn có. Mục đích chính là nhằm tăng cường hợp tác tư pháp đối với tất cả các loại tội phạm có tổ chức nguy hiểm.

103. Kết quả mong đợi của tiểu chương trình 1 được nêu trong Biểu đồ 2. Mỗi kết quả cụ thể được mô tả rõ hơn ở dưới, bao gồm cả dự án và hoạt động được thực hiện nhằm hỗ trợ việc đạt được các kết quả này và liên kết với kết quả của Kế hoạch Chung.

Biểu đồ 2: Cơ cấu mục tiêu của tiểu chương trình

1. Phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép



Kết quả và các can thiệp dự kiến

1.1 An ninh biên giới được tăng cường.

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
1.1.1 Cơ chế BLO được thể chế hoá và mở rộng hơn nữa để đấu tranh chống SOM/TIP, buôn bán trái phép gỗ và động vật hoang dã và vận chuyển chất thải nguy hiểm qua biên giới	<ol style="list-style-type: none">1. Tiếp tục tuyên truyền và hỗ trợ kỹ thuật để mở rộng thêm chức năng và hoạt động của BLO ở Việt Nam.2. Mạng lưới và thủ tục hợp tác được thiết lập giữa Cảnh sát, Hải quan, Xuất nhập cảnh và Bộ đội Biên phòng để trao đổi thông tin về tất cả các loại hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia với các quốc gia trọng điểm trong khu vực.3. Thu thập dữ liệu và báo cáo về buôn bán trái phép được tăng cường thông qua nghiên cứu, khảo sát, tư vấn và cung cấp trang thiết bị; xây dựng trên mạng lưới BLO hiện hành, với một kênh liên lạc về xử lý các vụ án được thiết lập giữa các cơ quan chức năng.4. Các cán bộ tiền tuyến được tập huấn thông qua chương trình tập huấn cho giảng viên, và bao gồm các chủ đề liên quan trong chương trình giảng dạy của các học viện như Học viện An ninh và Học viện biên phòng.
1.1.2 Tăng cường an ninh côngtenơ tại cảng quốc tế	<ol style="list-style-type: none">1. Thiết lập một Đơn vị Kiểm soát Côngtenơ chung tại cảng Hải Phòng, bao gồm các cán bộ hành pháp của Cảnh sát, Biên phòng, Hải quan và các cơ quan hữu quan khác.

1.2 Các hoạt động TIP và SOM được xác định và xử lý có hiệu quả.

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
1.2.1 Khuôn khổ quy định và luật pháp đáp ứng được tiêu chuẩn và nghĩa vụ quốc tế	<ol style="list-style-type: none">1. Tư vấn luật pháp về giải quyết các thiếu sót và hỗ trợ nhằm xem xét và dự thảo quy định và luật pháp quốc gia, bao gồm thông qua cung cấp luật mẫu, hỗ trợ trong phê chuẩn và thực hiện các bộ công cụ luật pháp quốc tế liên quan đến buôn người và đưa người di cư trái phép.2. Hợp tác quốc tế được tăng cường thông qua các hiệp định tương trợ tư pháp và Bản Ghi nhớ với các quốc gia liên quan.3. Hỗ trợ kỹ thuật nhằm đảm bảo rằng các khuôn khổ luật pháp hiện hành bao gồm hình sự hoá Du lịch tình dục trẻ em và đáp ứng tiêu chuẩn và nghĩa vụ quốc tế.
1.2.2 Thông tin về xu thế buôn người (TIP) và đưa người di cư trái phép (SOM) được các cơ quan hữu quan sử dụng trong những hành động dựa trên bằng chứng thực tiễn, bao gồm nâng cao nhận thức cho cộng đồng	<ol style="list-style-type: none">1. Xây dựng các mô hình thu thập dữ liệu tiêu chuẩn hoá và Cơ sở dữ liệu về Đưa người di cư trái phép và tổ chức tập huấn về Đưa người di cư trái phép và tổng hợp, thu thập và quản lý dữ liệu liên quan đối với các nhóm mục tiêu thích hợp.2. Tiếp tục đánh giá những nguy cơ và phân tích những thiếu hụt; hướng dẫn tiếp cận và phân bổ thông tin về Đưa người di cư trái phép, buôn bán người, bao gồm thông tin về Du lịch tình dục trẻ em được xây dựng và thực hiện.
1.2.3 Cán bộ hành pháp, kiểm sát viên và thẩm phán được đào tạo và trang bị để giải quyết hiệu quả những	<ol style="list-style-type: none">1. Một chương trình tập huấn toàn diện trên toàn quốc được triển khai về nhận biết, điều tra và truy tố các vụ án Buôn bán người, bao gồm Du lịch tình dục trẻ em, và Đưa người Di cư trái phép, bao gồm thông qua Chương trình Đào tạo trên máy tính (CBT)

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
đe dọa hiện tại và nổi lên	<ol style="list-style-type: none"> 2. Nâng cao kiến thức và kỹ năng chung của cán bộ xuất nhập cảnh và biên phòng, thông qua triển khai “Chương trình tập huấn” tổng thể, xây dựng Chương trình đào tạo mẫu cho các cơ quan kiểm soát biên giới và giới thiệu tại các cơ sở đào tạo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Bộ đội Biên phòng. 3. Thiết bị cơ bản và đào tạo về cách sử dụng được cung cấp cho cán bộ xuất nhập cảnh và biên phòng tại sân bay, cảng biển, cửa khẩu đường bộ nhằm tăng cường năng lực kiểm soát xuất nhập cảnh. 4. Đào tạo và bồi dưỡng cho các đơn vị cảnh sát chuyên trách về các kỹ năng chính như bảo vệ hiện trường phạm tội, khám nghiệm hiện trường, thu thập và chia sẻ thông tin nghiệp vụ tội phạm cơ bản, kỹ năng phỏng vấn, ngoại tuyến, quản lý cộng tác viên, kỹ năng ghi chép thông tin đồng thời, chăm sóc nạn nhân, v.v. được sử dụng trong các vụ án liên quan đến Buôn bán người, bao gồm Du lịch tình dục trẻ em và Đưa người di cư trái phép.
1.2.4 Cơ chế được thiết lập hoặc tăng cường nhằm thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan chịu trách nhiệm trong và qua biên giới	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hỗ trợ cho các quốc gia xuất xứ, trung chuyển và điểm đến để xây dựng các chiến lược và kế hoạch hành động chung nhằm đấu tranh chống Buôn bán người, bao gồm Du lịch tình dục trẻ em và Đưa người di cư trái phép. 2. Các cơ chế được thiết lập nhằm tăng cường hợp tác giữa các cơ quan tư pháp hình sự trong và qua biên giới liên quan đến Buôn bán người, bao gồm Du lịch tình dục trẻ em và Đưa người di cư trái phép. 3. Thiết lập và duy trì hệ thống thông tin hành pháp trên máy tính và theo đó thiết lập các Đội phát triển mục tiêu (TDTs) cung cấp các gói thông tin/tin tức nghiệp vụ cho các đội chuyên trách sử dụng trong điều tra tất cả các dạng tội phạm nghiêm trọng, bao gồm Buôn bán người, trong đó có Du lịch tình dục trẻ em và Đưa người di cư trái phép. Những đội này sẽ chuyên trách trong việc thu thập và phân tích thông tin của các cơ quan mà sẽ giúp họ nâng cao hiệu quả hành động.
1.2.5 Các hệ thống được thiết lập để xác định và hỗ trợ các nạn nhân TIP một cách nhanh chóng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận biết hiệu quả hơn các nạn nhân của Buôn bán người thông qua việc thiết lập một cơ chế chuyên tuyến quốc gia, bao gồm thiết lập và tập huấn đội đa ngành ở cấp trung ương và nâng cao nhận thức trong hầu hết các cán bộ trực tiếp xử lý, nhân viên xã hội và NGOs. 2. Tăng cường khả năng của ‘các cán bộ tiếp cận đầu tiên’ thuộc lực lượng thực thi pháp luật ở Việt Nam nhằm xác định và hỗ trợ nạn nhân của buôn bán, bằng cách xây dựng và thực hiện một chương trình đào tạo tổng thể trên máy tính (CBT) về Buôn bán người trên toàn quốc, bao gồm cung cấp thiết bị CBT và đào tạo những người giám sát chương trình.
1.2.6 Chiến lược nâng cao nhận thức được tổ chức về buôn bán người & quyền của nạn nhân cho công chúng và các nhóm dễ bị tổn thương.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức của cộng đồng và nhóm mục tiêu về nạn buôn người được nâng cao. 2. Tài liệu, chương trình phát thanh, truyền hình tuyên truyền nâng cao nhận thức được thiết kế, sản xuất, chia sẻ và quảng bá.

1.3 Buôn bán trái phép heroin, ATS, các loại ma túy khác và tiền chất được xác định và xử lý hiệu quả.

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
1.3.1 Khuôn khổ quy định và luật pháp đáp ứng được tiêu chuẩn và nghĩa vụ quốc tế	1. Tư vấn luật pháp và hỗ trợ nhằm xem xét và dự thảo các quy định và luật pháp quốc gia, bao gồm thông qua việc cung cấp luật mẫu, hỗ trợ phê chuẩn và thực hiện các công cụ luật pháp quốc tế liên quan đến ma túy và tiền chất.
1.3.2 Thông tin về sản xuất và buôn bán trái phép heroin, ATS và các chất ma túy bất hợp pháp khác được các cơ quan chức năng sử dụng trong những hành động dựa trên bằng chứng thực tiễn	1. Thiết lập và duy trì hệ thống thông tin hành pháp trên máy tính được chia sẻ giữa tất cả các cơ quan chịu trách nhiệm về phòng chống ma túy, củng cố công tác thu thập, phân tích và chia sẻ thông tin và tin tức nghiệp vụ liên quan đến ma túy và tội phạm.
1.3.3 Cán bộ thực thi pháp luật, kiểm sát viên và thẩm phán được đào tạo và trang bị để giải quyết hiệu quả những tình hình hiện tại và nổi lên.	1. Thiết bị cơ bản được cung cấp cho các đơn vị chuyên trách nhằm tăng cường năng lực tiến hành điều tra như ngoại tuyến, phân tích tin tức nghiệp vụ tội phạm, sử dụng dữ liệu liên lạc, quản lý đặc tình, nội tuyến, khám nghiệm hiện trường phạm tội và điều tra tài chính. 2. Đào tạo và bồi dưỡng cho các đơn vị cảnh sát chuyên trách về các kỹ năng chính như bảo vệ hiện trường phạm tội, khám nghiệm hiện trường, thu thập và chia sẻ thông tin nghiệp vụ tội phạm cơ bản, kỹ năng phỏng vấn, ngoại tuyến, quản lý đặc tình, kỹ năng ghi chép thông tin đồng thời, chăm sóc nạn nhân, v.v.
1.3.4 Cơ chế được thiết lập hoặc tăng cường nhằm thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan hữu quan trong và qua biên giới	1. Thiết lập các Đội phát triển mục tiêu (TDTs) cung cấp các gói thông tin/tin tức nghiệp vụ cho các đội chuyên trách sử dụng trong điều tra tất cả các dạng tội phạm liên quan đến ma túy, giúp họ nâng cao hiệu quả hành động. 2. Hỗ trợ quản lý thông tin lồng ghép và hồ sơ vụ án trong các cơ quan hành pháp.

1.4 Buôn bán trái phép gỗ, động vật hoang dã và các chất thải nguy hiểm được xác định và xử lý hiệu quả.

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
1.4.1 Khuôn khổ quy định và luật pháp đáp ứng được tiêu chuẩn và nghĩa vụ quốc tế	1. Xem xét lại khuôn khổ quy định và luật pháp và công tác hành pháp được triển khai về bảo vệ môi trường và tội phạm về rừng.
1.4.2 Cán bộ hành pháp, cán bộ chuyên trách, kiểm sát viên và thẩm phán được đào tạo và trang bị để giải quyết hiệu quả những đe dọa hiện tại và nổi lên.	1. Tài liệu, chương trình đào tạo về công tác phòng chống tội phạm về rừng được xây dựng, bao gồm cả CBT. 2. Nâng cao kiến thức và kỹ năng chung của cán bộ hải quan, biên phòng và các cơ quan hữu quan thông qua CBT, chương trình đào tạo tiêu giáo viên, bao gồm đưa các chuyên đề liên quan đến tội phạm môi trường vào chương trình đào tạo ở các trường, học viện và lồng ghép Chương trình đào tạo mẫu cho các cơ quan kiểm soát biên giới.
1.4.3 Cơ chế được thiết lập hoặc tăng cường nhằm thúc đẩy hợp tác giữa các cơ	1. Cơ chế phối hợp liên ngành và qua biên giới được thiết lập, đặc biệt liên quan đến buôn bán trái phép gỗ, động vật hoang dã và chất thải

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
quan hữu quan trong và qua biên giới	nguy hiểm.

Liên quan đến kết quả của Kế hoạch Chung:

104. Tiểu chương trình này sẽ trực tiếp đóng góp vào việc đạt được các kết quả dưới đây của Kế hoạch Chung:

- 1.3.3: Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chiến lược và hệ thống giảm bức xạ nhiệt do phá rừng (REDD) quốc gia (thông qua UN-REDD);
- 1.4.3: Kiểm soát việc vận chuyển qua biên giới và tiêu huỷ các chất thải nguy hiểm. Hỗ trợ phối hợp và hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực và giữa các bộ ngành trong quản lý và kiểm soát việc vận chuyển qua biên giới và tiêu huỷ những chất thải nguy hiểm, chất thải điện tử và POPs;
- 2.1.4: Năng lực thể chế và nhân sự được tăng cường nhằm xây dựng và cung cấp các dịch vụ bảo trợ xã hội (VD nạn nhân của buôn bán người và bóc lột tình dục trẻ em);
- 3.2.1: Khuôn khổ chính sách, luật pháp và quy định được tăng cường nhằm phản ánh tốt hơn quyền của những nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất và mở rộng khả năng tiếp cận pháp lý của họ (VD nạn nhân của buôn bán người và bóc lột tình dục trẻ em);
- 3.2.2: Cơ quan toà án và thực thi pháp luật được tăng cường để bảo vệ tốt hơn quyền và khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý của mọi người dân, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương nhất; và
- 3.2.3: Cán bộ lập pháp, hành pháp và tư pháp nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hiện nghĩa vụ của họ theo Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam cũng như những công ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn.

Tiểu chương trình 2: Phòng chống tham nhũng và rửa tiền

Tổng quan

105. UNODC sẽ hỗ trợ Chính phủ trong nâng cao khả năng phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo khuôn khổ UNCAC và Luật Phòng, chống tham nhũng. Các hoạt động dự án sẽ tính đến những kết luận và khuyến nghị của báo cáo đánh giá quốc gia trong khuôn khổ Cơ chế đánh giá thực thi UNCAC. Các hoạt động này sẽ nhằm nâng cao năng lực quốc gia để tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế của Công ước nhằm phòng ngừa, giám sát và đấu tranh chống tham nhũng, và xây dựng quan hệ đối tác và tăng sự tham gia của công chúng trong nỗ lực phòng chống tham nhũng.

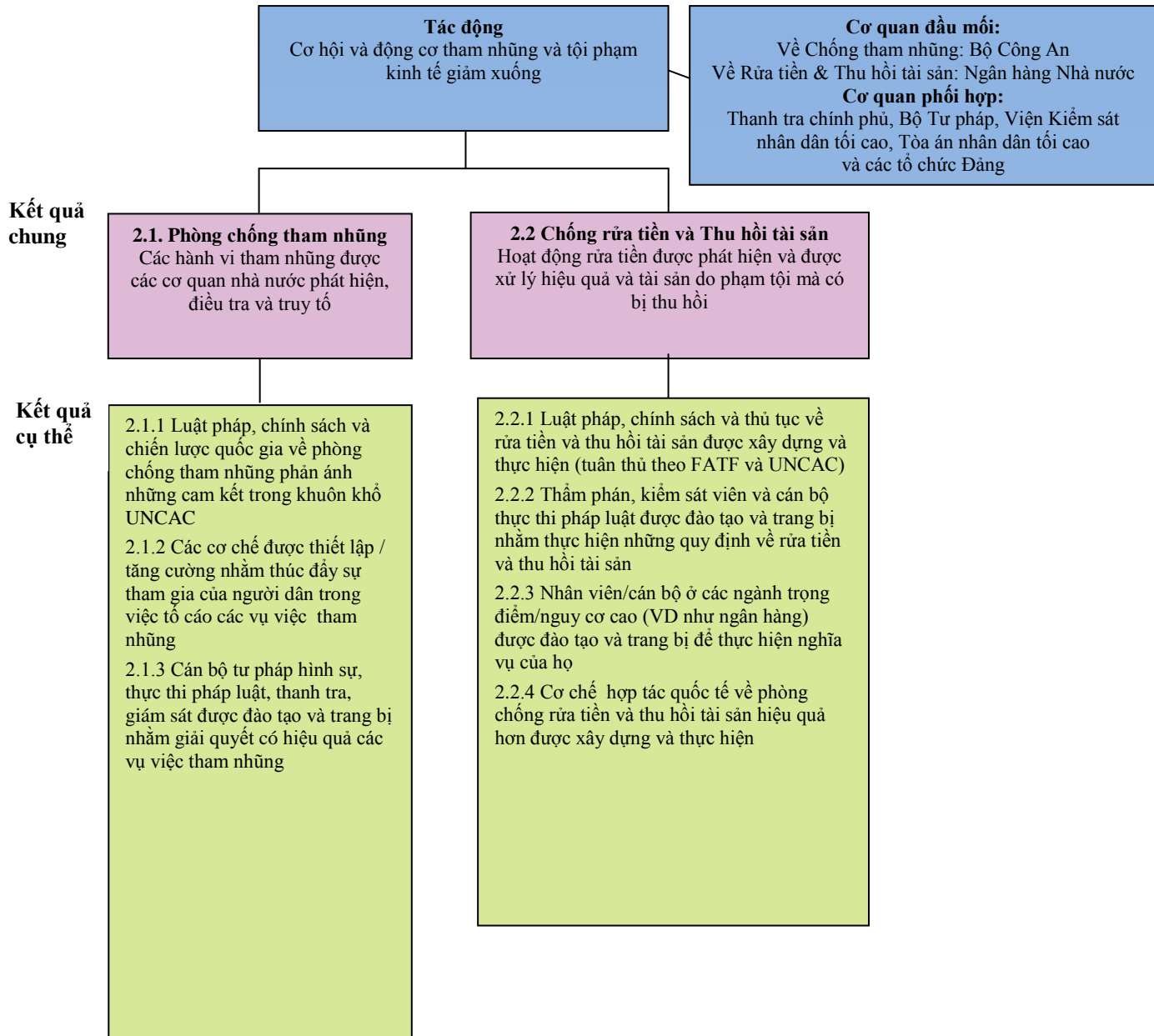
106. Tiểu chương trình này cũng sẽ giải quyết vấn đề tham nhũng thông qua hệ thống tư pháp hình sự bằng cách tăng cường năng lực của các cơ quan hành pháp, kiểm sát và tư pháp hình sự khác. UNODC, trên cơ sở phối hợp với UNDP, sẽ hỗ trợ trong lĩnh vực cải cách hành chính công và xây dựng năng lực pháp lý.

107. UNODC cũng sẽ hoạt động nhằm tăng cường khuôn khổ luật pháp quốc tế và khu vực trong vấn đề tội phạm khi cần thiết. Các cơ chế này sẽ được xây dựng nhằm hợp tác hiệu quả hơn nữa trong điều tra và truy tố các vụ án liên quan đến rửa tiền. Chương trình hỗ trợ của UNODC cho Việt Nam sẽ xây dựng dựa trên những bài học thu được từ công tác của Hướng dẫn Ngân hàng Thế giới/UNODC trong khuôn khổ Chương trình toàn cầu về Chống rửa tiền, Tài sản thu được do phạm tội và Tài trợ khủng bố, cũng như kết quả của một dự án chuyên trách về chống rửa tiền của UNODC tại Việt Nam (VNM/S65).

108. Kết quả mong đợi của tiểu chương trình 2 được nêu trong Biểu đồ 3. Mỗi kết quả cụ thể được mô tả rõ hơn ở dưới, bao gồm cả các can thiệp (được thực hiện nhằm hỗ trợ đạt được các kết quả này, và liên kết với kết quả của Kế hoạch Chung.

Biểu đồ 3: Cơ cấu mục tiêu của tiểu chương trình

2. Phòng chống Tham nhũng và Rửa tiền



Kết quả chung, kết quả chi tiết và can thiệp dự kiến

2.1 Hành vi tham nhũng được các cơ quan nhà nước phát hiện, điều tra và truy tố

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
2.1.1 Luật pháp, chính sách và chiến lược quốc gia về phòng chống tham nhũng phản ánh những cam kết trong khuôn khổ UNCAC	<ol style="list-style-type: none"> Luật pháp và quy định về phòng chống tham nhũng được xây dựng dựa trên kết quả báo cáo quốc gia trong khuôn khổ cơ chế rà soát thực hiện UNCAC. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật được giải quyết
2.1.2 Các cơ chế được thiết lập / tăng cường nhằm thúc đẩy sự tham gia của người dân trong việc tố cáo các vụ việc về tham nhũng	<ol style="list-style-type: none"> Hỗ trợ xây dựng chiến lược tuyên truyền phòng chống tham nhũng trên toàn quốc, bao gồm chiến dịch nâng cao nhận thức đối với cộng đồng rộng hơn thông qua cơ quan truyền thông đại chúng. Xây dựng quan hệ đối tác và tăng sự tham gia của công chúng vào giám sát và tố giác tham nhũng và trong đánh giá nỗ lực phòng chống tham nhũng, bao gồm thông qua việc thiết lập đường dây nóng.
2.1.3 Cán bộ tư pháp hình sự, thực thi pháp luật, thanh tra, giám sát được đào tạo và trang bị xử lý hiệu quả các vụ việc liên quan đến tham nhũng	<ol style="list-style-type: none"> Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan đào tạo hành pháp, kiểm sát và thẩm phán nhằm cập nhật giáo trình giảng dạy liên quan đến điều tra và truy tố các vụ án tham nhũng. Đào tạo các giảng viên và tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực cán bộ hành pháp, kiểm sát viên và thẩm phán.

2.2 Hoạt động rửa tiền được phát hiện và được xử lý hiệu quả và tài sản do phạm tội mà có bị thu hồi

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
2.2.1 Luật pháp, chính sách và thủ tục về rửa tiền và thu hồi tài sản được xây dựng và thực hiện (tuân thủ theo FATF và UNCAC)	<ol style="list-style-type: none"> Phối hợp với các cơ quan Chính phủ nhằm xác định ra những lỗ hổng trong luật pháp và thủ tục hiện hành, cũng như khả năng dễ bị ảnh hưởng của hệ thống kinh tế Việt Nam, để có thể khuyến nghị những thay đổi nhằm tăng cường năng lực lập pháp, hành pháp và tư pháp để phòng ngừa và đấu tranh chống rửa tiền. Tiến hành nghiên cứu để đưa ra khuyến nghị về sửa đổi hoặc bổ sung những điều khoản mới về tịch thu và sung công những tài sản do phạm tội mà có vào Luật Hình sự.
2.2.2 Thẩm phán, kiểm sát viên và cán bộ thực thi pháp luật được đào tạo và trang bị nhằm thực hiện những quy định về rửa tiền và thu hồi tài sản	<ol style="list-style-type: none"> Xác định nhu cầu đào tạo của các các nhóm mục tiêu và hỗ trợ trong việc xây dựng/sửa đổi giáo trình và tài liệu đào tạo. Hỗ trợ đào tạo về kỹ thuật điều tra tài chính và yêu cầu xuyên quốc gia, và đào tạo kiểm sát viên, thẩm phán và cán bộ hải quan liên quan đến điều tra và truy tố rửa tiền và kiểm chế và sung công tài sản do phạm tội từ các cơ quan trong nước và xuyên quốc gia. Thí điểm cung cấp thiết bị và phần mềm cần thiết nhằm hỗ trợ các hoạt động chống rửa tiền và tịch thu tài sản.
2.2.3 Nhân viên/cán bộ ở các ngành trọng điểm/nguy cơ cao (VD như ngân hàng) được đào tạo và trang bị để	<ol style="list-style-type: none"> Đào tạo cho cán bộ về vấn đề AML nhằm nâng cao nhận thức về AML/CFT cho hệ thống ngân hàng thương mại và người quản lý bất động sản, tập huấn Điều tra Tài chính cho hành pháp và toà án, hỗ trợ những người hoạch định chính sách/luật pháp trong sửa đổi luật

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
thực hiện nghĩa vụ của họ	trong nước về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố theo các tiêu chuẩn quốc tế.
2.2.4 Cơ chế hợp tác quốc tế hiệu quả hơn về phòng chống rửa tiền và thu hồi tài sản được xây dựng và thực hiện	1. Khuôn khổ tương trợ tư pháp tương hỗ được tăng cường với việc sử dụng các công cụ của UNODC.

Liên quan đến Kết quả của Kế hoạch Chung:

109. Tiểu chương trình này sẽ trực tiếp đóng góp vào đạt được những kết quả sau đây của Kế hoạch Chung:

- 3.3.3: Các cơ quan quốc gia được lựa chọn tăng cường năng lực nhằm thực hiện và giám sát việc thực hiện luật pháp quốc gia về phòng chống tham nhũng và những điều khoản quan trọng của Công ước của Liên hợp quốc về Chống tham nhũng (UNCAC); và
- 3.3.4: Các cơ quan quốc gia được lựa chọn tăng cường năng lực nhằm thực hiện và giám sát việc thực hiện luật pháp quốc gia về phòng chống rửa tiền. Hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp để hỗ trợ cho việc xây dựng và thực hiện luật pháp, chính sách và thủ tục trong việc xác định, điều tra và truy tố các hoạt động rửa tiền, và nhằm tăng cường năng lực các cơ quan quốc gia trong giám sát việc thực hiện các chính sách quốc gia về phòng chống rửa tiền.

Tiểu chương trình 3: Phòng chống khủng bố

Tổng quan

110. Việt Nam chưa hình sự hoá tài trợ cho hoạt động khủng bố theo như yêu cầu của Công ước về phòng chống tài trợ khủng bố và cũng thiếu những khuôn khổ luật pháp thích hợp để thực hiện Nghị quyết số 1267 và 1373 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Do đó, UNODC sẵn sàng giúp đỡ Việt Nam trong công tác này.

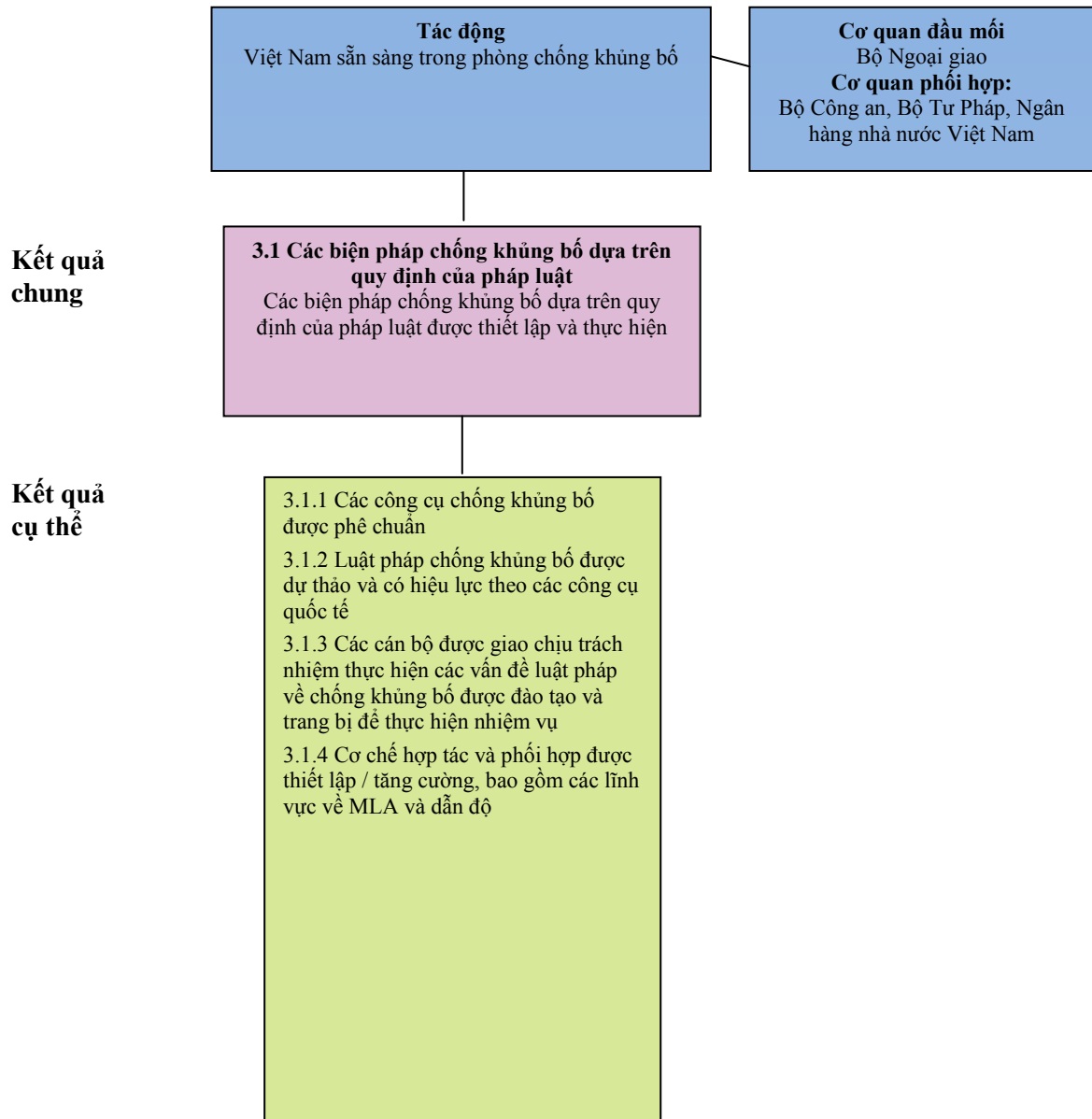
111. Theo tinh thần đó, một số ưu tiên đề xuất cho hợp tác bao gồm:

- Hỗ trợ việc phê chuẩn các bộ công cụ về phòng chống khủng bố;
- Hỗ trợ cho dự thảo / chuẩn bị cho các khuôn khổ luật pháp về phòng chống khủng bố;
- Xây dựng năng lực hoạt động phòng chống khủng bố thông qua các khoá đào tạo chung và chuyên môn;
- Hỗ trợ tăng cường hợp tác quốc tế bao gồm các lĩnh vực chống tài trợ khủng bố và chống rửa tiền.
- Và các vấn đề phòng chống khủng bố khác

112. Biểu đồ 4 bao gồm các kết quả mong đợi từ việc triển khai tiểu chương trình này. Mỗi kết quả cụ thể được mô tả rõ hơn ở dưới, bao gồm cả dự án và hoạt động được thực hiện nhằm hỗ trợ việc đạt được các kết quả này và liên kết với kết quả của Kế hoạch Chung.

Biểu đồ 4 : Cơ cấu mục tiêu của tiểu chương trình

3. Phòng chống khủng bố



Kết quả chung, kết quả cụ thể và can thiệp dự kiến

3.1 Các biện pháp phòng chống khủng bố dựa trên quy định của pháp luật được triển khai

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
3.1.1 Các công cụ phòng chống khủng bố được phê chuẩn	1. Hỗ trợ tiến trình quốc gia dẫn đến việc phê chuẩn tất cả các Công ước về chống khủng bố bằng cách cung cấp thông tin và hướng dẫn về những ưu tiên, quy trình các bước cần thực hiện, tác động và yêu cầu quốc tế.
3.1.2 Luật pháp chống khủng bố được dự thảo và có hiệu lực theo các công cụ quốc tế	1. Hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp trong việc dự thảo và thi hành luật pháp phòng chống khủng bố, theo các công cụ quốc tế và trong việc phê chuẩn những công cụ này.
3.1.3 Các cán bộ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các vấn đề luật pháp về phòng chống khủng bố được đào tạo và trang bị để thực hiện nhiệm vụ	<ol style="list-style-type: none">1. Mở rộng cơ sở hiểu biết luật pháp của các cán bộ tư pháp hình sự trong việc giải quyết các vấn đề chống khủng bố.2. Đào tạo về điều tra và truy tố các vụ án khủng bố và hình sự nghiêm trọng có liên quan; đào tạo về kỹ thuật điều tra đặc biệt; xây dựng tài liệu/hướng dẫn và các công cụ khác về kỹ thuật điều tra đặc biệt; đào tạo về chứng cứ kỹ thuật số thu thập được đối với các vụ án khủng bố.3. Hỗ trợ trong việc thực hiện các biện pháp phòng chống tài trợ khủng bố bao gồm thông qua cung cấp các công cụ nghiên cứu và phân tích luật pháp.4. Đào tạo cho các cán bộ tư pháp hình sự về luật pháp mới, hợp tác quốc tế và quy định của pháp luật trong các vấn đề liên quan đến khủng bố.
3.1.4 Cơ chế hợp tác và phối hợp được thiết lập / tăng cường, bao gồm các lĩnh vực về MLA và dẫn độ	<ol style="list-style-type: none">1. Hỗ trợ nhằm tăng cường phối hợp cấp quốc gia trong việc thực hiện hoạt động của chính phủ đối với chống khủng bố.2. Hỗ trợ nhằm hợp tác xuyên quốc gia có hiệu quả về tư pháp hình sự và các lĩnh vực liên quan đến khủng bố, bao gồm tăng cường cơ chế mạng lưới giữa các chuyên gia và cơ quan trung ương trong khu vực về MLA và dẫn độ.

Liên quan đến Kết quả của Kế hoạch Chung:

113. Tiểu chương trình này sẽ trực tiếp đóng góp vào việc đạt được kết quả sau đây của Kế hoạch Chung:

- 3.2.3: Nhân sự ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp tăng cường kiến thức và kỹ năng để thực hiện nghĩa vụ của họ theo Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam cũng như các Công ước quốc tế được phê chuẩn.

Tiểu chương trình 4: Tư pháp hình sự

Tổng quan

114. Trong tiểu chương trình này, UNODC sẽ hỗ trợ tăng cường hệ thống tư pháp hình sự thông qua việc xây dựng và phê duyệt các khuôn khổ quy định và luật pháp, xây dựng năng lực, và xây dựng và thực hiện các chương trình đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế liên quan. Theo phương pháp Thống Nhất Hành động, sẽ tập trung vào tăng cường năng lực thể chế Việt Nam nhằm thực hiện chính sách và công tác tư pháp hình sự mà bảo vệ lợi ích và quyền của những nhóm được lựa chọn, như phụ nữ và trẻ em, khi họ ở trong những tình huống thiệt thòi và dễ bị tổn thương.

115. Theo Công ước về Xóa bỏ Mọi hình thức Phân biệt đối xử với Phụ nữ mà Việt Nam đã tham gia, UNODC sẽ đóng góp thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ thông qua lồng ghép giới trong lĩnh vực tư pháp. Khuôn khổ chính sách và tiêu chuẩn luật pháp và thực tiễn sẽ được tăng cường nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt giới và bạo lực giới. Đặc biệt, sẽ hỗ trợ nhằm đảm bảo phòng ngừa hiệu quả bạo lực gia đình đối với phụ nữ thông qua các dịch vụ xã hội, tư pháp và hành pháp. Lập chương trình tập trung vào xây dựng năng lực, đặc biệt tăng cường công tác bảo vệ nạn nhân và nhân chứng và giảm khả năng không bị trừng phạt đối với thủ phạm. UNODC cũng nhằm hỗ trợ nghiên cứu và thu thập dữ liệu nhằm tăng cường lập kế hoạch và xây dựng chính sách dựa vào bằng chứng trong đấu tranh phòng chống bạo lực gia đình và thúc đẩy bình đẳng giới cũng như nâng cao nhận thức về những vấn đề này trong xã hội.

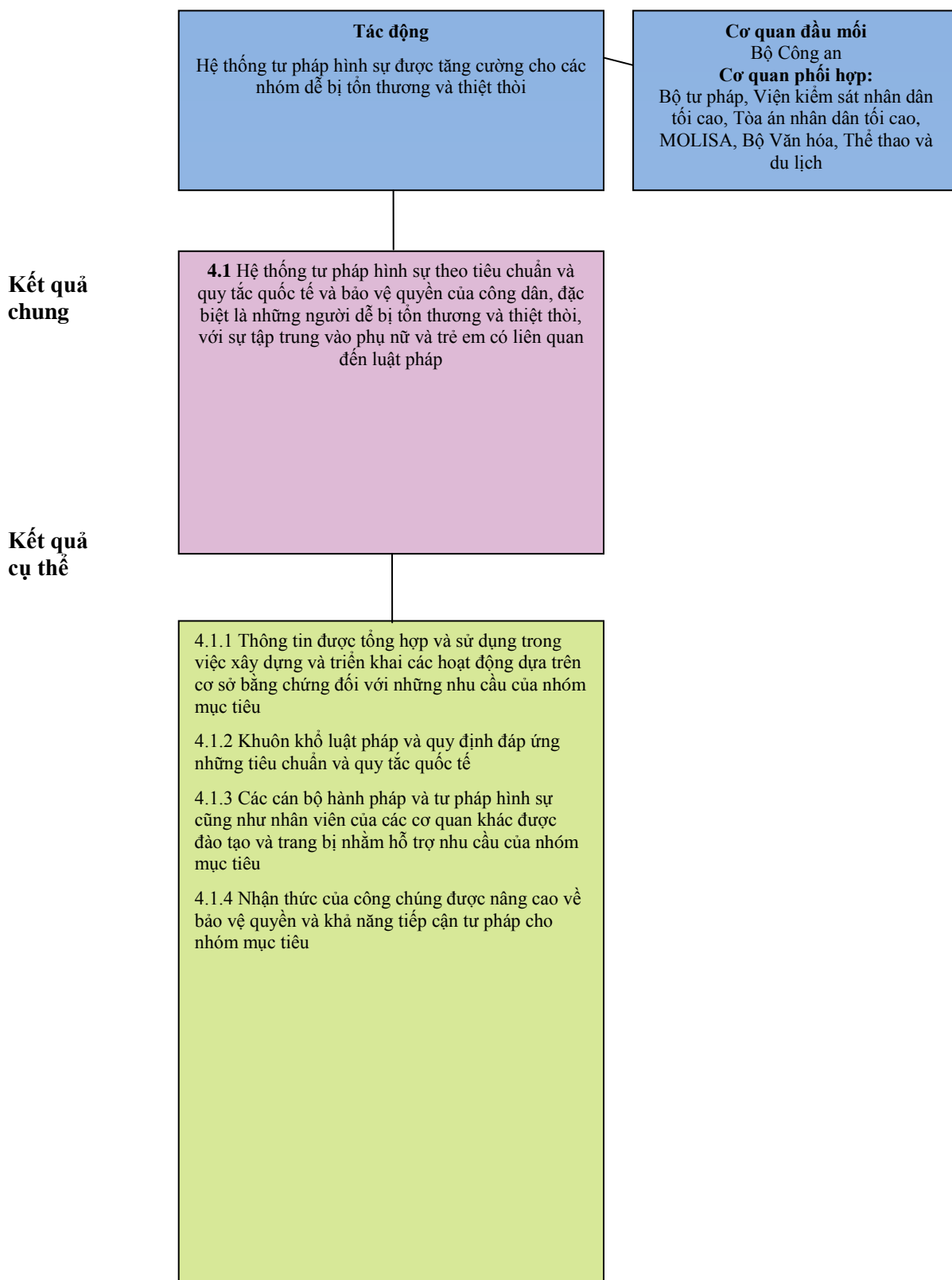
116. Những nhu cầu cơ bản của phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự với tư cách là nạn nhân, người phạm tội hay người đang công tác trong ngành sẽ được đánh giá và chương trình thích hợp sẽ được xây dựng dựa trên kết quả thu được. Các vấn đề cần được giải quyết bao gồm các phản ứng luật pháp đối với bạo lực với phụ nữ, chính sách xử phạt và thủ tục, hỗ trợ và bảo vệ nhân chứng, phụ nữ là tội phạm, trong phạm vi từ quy định cụ thể đối với việc đối xử với phụ nữ trong trại giam đến các chương trình phục hồi và các biện pháp thay thế cho người phạm tội là phụ nữ, hỗ trợ pháp lý cho nạn nhân và người phạm tội là nữ, năng lực của các cơ quan tư pháp hình sự làm việc với nữ nạn nhân và nữ tội phạm, các đơn vị chuyên trách trong lĩnh vực bạo lực với phụ nữ, bảo vệ phụ nữ trong những vụ kiện truyền thống/thông thường, và khuyến khích sự tham gia của nữ giới trong tư pháp hình sự.

117. Xem xét các hoạt động hiện nay trong lĩnh vực tư pháp đối với trẻ em, UNODC sẽ tập trung tăng cường năng lực cho các cơ quan chủ chốt để bảo vệ trẻ em có xung đột với luật pháp. Cụ thể, can thiệp sẽ nhằm cải thiện sự đối xử cho những trẻ em cần giáo dục đặc biệt, và đảm bảo có sự tôn trọng hơn đối với quyền trẻ em, quan tâm đến những lợi ích và có lợi nhất cho sự phục hồi và tái hoà nhập. Can thiệp đề xuất của UNODC sẽ đóng góp cho những nỗ lực hiện hành liên quan đến thu thập và phân tích dữ liệu về điều kiện và điều trị cho những trẻ em cần giáo dục đặc biệt. Việc này bao gồm hỗ trợ xây dựng và thông qua các chính sách, khuôn khổ luật pháp nhằm giải quyết hiệu quả những nhu cầu của trẻ em cần giáo dục đặc biệt; tăng cường năng lực các cơ quan tư pháp hình sự và chính phủ và những người làm việc với những trẻ em cần giáo dục đặc biệt; cũng như các hoạt động tại những cơ sở nơi trẻ em cần giáo dục đặc biệt (VD: trường giáo dưỡng) nhằm cung cấp hỗ trợ thực tiễn hơn cho những trẻ em để chuẩn bị trở về cộng đồng. Lập chương trình sẽ được thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan khác, và đặc biệt với UNICEF.

118. Biểu đồ 5 bao gồm các kết quả mong đợi từ việc triển khai tiểu chương trình này. Mỗi kết quả cụ thể được mô tả rõ hơn ở dưới, bao gồm cả dự án và hoạt động được thực hiện nhằm hỗ trợ việc đạt được các kết quả này và liên kết với kết quả của Kế hoạch Chung.

Biểu đồ 5: Cơ cấu mục tiêu của tiểu chương trình

4. Tư pháp hình sự



Kết quả chung, kết quả cụ thể và can thiệp dự kiến

4.1 Hệ thống tư pháp hình sự được tăng cường và theo tiêu chuẩn và quy tắc quốc tế và bảo vệ quyền của công dân, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương và thiệt thòi với sự tập trung vào phụ nữ và trẻ em

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
4.1.1 Thông tin được tổng hợp và sử dụng trong xây dựng và triển khai các hoạt động dựa trên cơ sở bằng chứng trong hệ thống tư pháp hình sự	1. Hỗ trợ đánh giá, thu thập và phân tích dữ liệu liên quan cho quá trình xây dựng chính sách dựa trên cơ sở bằng chứng và xét xử.
4.1.2 Khuôn khổ luật pháp và quy định đáp ứng những tiêu chuẩn và quy tắc quốc tế	1. Hỗ trợ xây dựng/sửa đổi và thực hiện các luật pháp quan trọng liên quan đến bảo vệ quyền và tiếp cận với tư pháp cho công dân, đặc biệt là nữ nạn nhân của bạo lực gia đình và nữ phạm nhân. 2. Xây dựng khuôn khổ luật pháp, chính sách và quy định về tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với trọng tâm là trẻ em cần giáo dục đặc biệt.
4.1.3 Các cán bộ hành pháp và tư pháp hình sự được đào tạo và trang bị nhằm hỗ trợ nhu cầu của của phụ nữ có liên quan đến luật pháp, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất	1. Hỗ trợ đào tạo cho cán bộ hành pháp, kiểm sát viên và thẩm phán, và những ngành liên quan trong điều tra, truy tố và thủ tục xét xử các trường hợp liên quan đến bạo lực gia đình và các dạng phạm tội về giới khác. 2. Hỗ trợ dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí cho nhóm mục tiêu. 3. Hỗ trợ các cơ quan xã hội liên quan trong việc cung cấp hỗ trợ cho nhóm mục tiêu. 4. Thúc đẩy hợp tác liên ngành giữa các cơ quan tư pháp hình sự để gắn kết hơn nữa và chia sẻ thông tin nhằm giải quyết vấn đề về bạo lực gia đình và các dạng tội phạm về giới khác. 5. Xây dựng/tăng cường năng lực và kỹ năng cho các cán bộ liên quan làm việc trực tiếp với những trẻ em cần giáo dục đặc biệt. 6. Thiết lập cơ chế điều phối và thông tin giữa các cơ quan, cơ quan địa phương và tổ chức cộng đồng nhằm hỗ trợ việc chuyển và tái hoà nhập những trẻ em có liên quan đến pháp luật về gia đình và cộng đồng của họ. 7. Hỗ trợ đối xử được cải thiện cho những trẻ em cần giáo dục đặc biệt để hỗ trợ cho quá trình phục hồi và tái hoà nhập thành công.
4.1.4 Nhận thức của công chúng được nâng cao về bảo vệ quyền và khả năng tiếp cận tư pháp cho phụ nữ và trẻ em có liên quan đến luật pháp, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất	1. Các chiến dịch tuyên truyền và nhận thức của công chúng dựa trên bằng chứng về quyền của nhóm mục tiêu và vai trò của ngành tư pháp hình sự và tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng trong lĩnh vực này.

Liên quan đến các Kết quả của Kế hoạch Chung:

119. Tiểu chương trình này sẽ trực tiếp đóng góp vào việc đạt được kết quả sau đây của Kế hoạch Chung:

- 2.4.3: Các khung chính sách và pháp lý, các chương trình và thông lệ liên quan đến vấn đề giới được tăng cường để giải quyết hiệu quả vấn đề bất bình đẳng và không công bằng về giới, phân biệt đối xử giới và bạo lực trên cơ sở giới.
- 2.4.4: Cơ chế phối hợp đa ngành hướng dẫn hiệu quả việc lập kế hoạch, xây dựng ngân sách, theo dõi và đánh giá dựa trên bằng chứng cho một ứng phó bền vững đối với bất bình đẳng và không công bằng về giới, phân biệt đối xử và bạo lực trên cơ sở giới.
- 3.2.1: Khuôn khổ chính sách, pháp lý và điều hành được tăng cường nhằm phản ánh tốt hơn quyền của các nhóm dễ bị tổn thương nhất và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý của họ.
- 3.2.2: Cơ quan tư pháp và thực thi pháp luật được tăng cường nhằm bảo vệ tốt hơn quyền và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tư pháp của mọi người dân, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương nhất.
- 3.2.3: Cán bộ lập pháp, thực thi pháp luật và tư pháp được tăng cường hiểu biết và kỹ năng nhằm thực hiện nghĩa vụ của họ theo Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam cũng như những Công ước quốc tế được phê chuẩn.
- 3.2.4: Các chương trình nâng cao nhận thức và dịch vụ hỗ trợ luật pháp được xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhằm cho phép tất cả mọi người, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương có thể nhận thức được các quyền của mình và thực hiện được các quyền của họ.

Tiểu chương trình 5: Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS

Tổng quan

120. Tiểu chương trình 5 liên quan đến sức khỏe và phát triển con người trong bối cảnh tội phạm và sử dụng ma túy bất hợp pháp bao gồm các vấn đề sau: phòng ngừa sử dụng ma túy, điều trị lệ thuộc ma túy, phòng ngừa, điều trị chăm sóc và hỗ trợ đối với hậu quả về sức khỏe và xã hội của sử dụng ma túy, như lây nhiễm virus viêm gan, HIV, bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và các bệnh khác có liên quan đến sử dụng ma túy. UNODC cũng góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến sức khỏe trong môi trường trại giam, chủ yếu là phòng ngừa sử dụng ma túy và điều trị lệ thuộc ma túy, phòng ngừa, điều trị và chăm sóc HIV/AIDS, và phòng ngừa, điều trị các bệnh truyền nhiễm trong trại giam. Cuối cùng, UNODC giải quyết vấn đề sức khỏe của những người dễ có nguy cơ bị buôn bán, hiện tại hoặc sẽ là nạn nhân của buôn bán người, cũng như những người tị nạn và di cư trong nước.

121. UNODC sẽ hoạt động trong lĩnh vực về phòng ngừa sử dụng ma túy, điều trị và chăm sóc với thanh niên, gia đình, nơi làm việc và trong cộng đồng (chú trọng cụ thể vào nhóm đồng bào thiểu số) nhằm giảm sử dụng và tiêu thụ ma túy, cung cấp điều trị hiệu quả và tái hoà nhập cho những người sử dụng ma túy vào cộng đồng. UNODC sẽ nỗ lực trong triển khai phòng ngừa bắt đầu sử dụng và giảm mức độ sử dụng các chất gây nghiện bằng cách điều chỉnh, thực hiện và đánh giá các can thiệp, chương trình phòng ngừa sử dụng các chất gây nghiện dựa trên cơ sở bằng chứng và sẽ nâng cao hiệu quả các dịch vụ điều trị lệ thuộc ma túy và tái hoà nhập.

122. UNODC sẽ vận động cho y tế công cộng để trở thành vấn đề trung tâm của các chính sách kiểm soát ma túy và cho sự hợp tác đa ngành trong phát triển hệ thống điều trị lệ thuộc vào ma túy dựa trên cơ sở cộng đồng trong các hệ thống phúc lợi và y tế của Việt Nam. UNODC sẽ tăng cường công tác tuyên truyền hiện nay với các nhà lập pháp ở cấp quốc gia và cấp tỉnh về những vấn đề liên quan đến mở rộng và tính bền vững của chương trình y tế và phòng ngừa ma túy. Văn phòng sẽ phối hợp với các cơ quan kiểm soát ma túy và công an để thông qua cách tiếp cận coi sức khỏe là trọng tâm, dựa vào bằng chứng khoa học và nhân phẩm của người bệnh, đối với xử lý vấn đề sử dụng ma túy và lệ thuộc vào ma túy, và sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam trong lĩnh vực này.

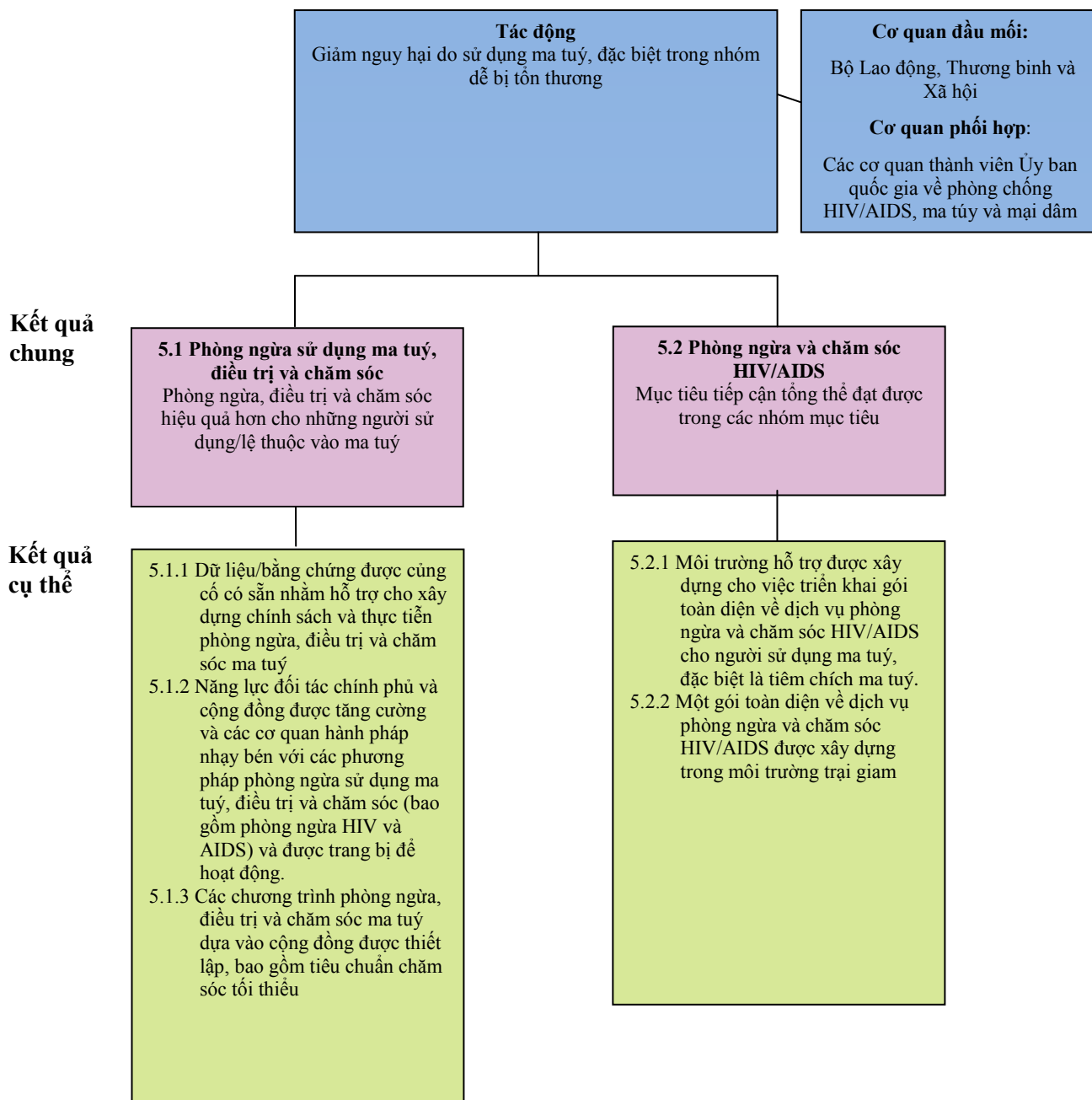
123. Trong chương trình về HIV, UNODC sẽ hỗ trợ tiếp cận tới các dịch vụ phòng ngừa, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ cho các nhóm mục tiêu cụ thể, đặc biệt là những người sử dụng tiêm chích ma túy và phạm nhân. UNODC sẽ hỗ trợ các bước phát triển về cơ cấu, cung cấp một cơ sở đa ngành nhằm ứng phó với vấn đề HIV trong môi trường giáo dục, cải tạo và sử dụng ma túy. UNODC cũng sẽ thiết lập quan hệ đối tác với các bên liên quan nhằm thu thập và chia sẻ thông tin về xu thế phổ biến của HIV và về mức độ bao phủ của các dịch vụ về HIV trong những người tiêm chích ma túy. Hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp đến các chương trình phòng ngừa HIV cấp tỉnh và quốc gia như chương trình bơm kim tiêm, lồng ghép phòng ngừa HIV vào công tác phòng ngừa và điều trị sử dụng ma túy, HIV và các vấn đề sức khỏe rộng hơn trong môi trường giáo dục, cải tạo và đến các tổ chức đại diện cộng đồng.

124. UNODC sẽ hỗ trợ xây dựng năng lực cho các đối tác chính phủ và các tổ chức cộng đồng, nhóm đồng đẳng đặc biệt là mạng lưới những người sử dụng ma túy ở Việt Nam. UNODC cũng sẽ thực hiện nghiên cứu, dịch và chia sẻ các tài liệu quan trọng liên quan đến phòng ngừa sử dụng ma túy, điều trị lệ thuộc ma túy và phòng ngừa và chăm sóc bệnh nhân HIV/AIDS trong cộng đồng và trong môi trường giáo dục, cải tạo.

125. Biểu đồ 6 bao gồm các kết quả mong đợi từ việc triển khai tiểu chương trình này. Mỗi kết quả cụ thể được mô tả rõ hơn ở dưới, bao gồm cả dự án và hoạt động, nhằm hỗ trợ đạt được các kết quả này và liên hệ tới kết quả của Kế hoạch Chung.

Biểu đồ 6: Cơ cấu mục tiêu của tiểu chương trình

5. Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS



Kết quả chung, kết quả cụ thể và can thiệp dự kiến

5.1. Phòng ngừa sử dụng ma túy, điều trị và chăm sóc

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
5.1.1 Dữ liệu/bảng chứng được củng cố có sẵn nhằm hỗ trợ cho xây dựng chính sách và thực tiễn phòng ngừa, điều trị và chăm sóc ma túy	<ol style="list-style-type: none">1. Hỗ trợ thiết lập các hệ thống thông tin quốc gia về sử dụng ma túy để giám sát và đánh giá các chương trình phòng ngừa và điều trị.2. Hỗ trợ nghiên cứu và tổ chức các sự kiện để đảm bảo bằng chứng chất lượng cao có sẵn để hỗ trợ cho việc xây dựng, giám sát và đánh giá luật pháp và chính sách về phòng ngừa và điều trị.3. Hỗ trợ Chính phủ và các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể trong việc đặt ra các ưu tiên, kế hoạch, thực hiện, giám sát, đánh giá và lưu lại các can thiệp dựa vào cộng đồng đối với phòng ngừa sử dụng ma túy và điều trị lệ thuộc.
5.1.2 Năng lực đối tác chính phủ và cộng đồng được tăng cường và các cơ quan hành pháp nhạy bén với các phương pháp phòng ngừa sử dụng ma túy, điều trị và chăm sóc (bao gồm phòng ngừa HIV và AIDS) và được trang bị để hoạt động.	<ol style="list-style-type: none">1. Hỗ trợ điều phối giữa các bên chủ chốt và cùng xây dựng một kế hoạch chiến lược cho phát triển nguồn nhân lực về phòng ngừa sử dụng ma túy và điều trị lệ thuộc ma túy ở Việt Nam.2. Hỗ trợ xây dựng giáo trình quốc gia đã được đồng ý và chương trình và tài liệu tập huấn tiêu chuẩn về phòng ngừa, điều trị sử dụng ma túy dựa vào bằng chứng và phòng ngừa, chăm sóc HIV/AIDS cho các cán bộ chuyên môn (bác sỹ, y tá, nhân viên công tác xã hội, cảnh sát) và đảm bảo rằng các nguyên tắc của phòng ngừa, điều trị sử dụng ma túy dựa vào bằng chứng và phòng ngừa, chăm sóc HIV/AIDS được đưa vào giáo trình tập huấn cho nhân viên y tế, MOLISA, nhân viên công tác xã hội và những nhân viên tiếp cận cộng đồng của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể và cán bộ cảnh sát.3. Cung cấp hỗ trợ để một số lượng đủ nhân viên y tế, MOLISA và cảnh sát được đào tạo để tập huấn lại về phòng ngừa, điều trị sử dụng ma túy dựa vào bằng chứng và phòng ngừa, chăm sóc HIV/AIDS cho đồng nghiệp.4. Hỗ trợ tổ chức tập huấn/xây dựng năng lực để nhân viên y tế và ngành phúc lợi xã hội, cơ quan hành pháp, giáo dục và tư pháp có đủ khả năng để triển khai và hỗ trợ can thiệp dựa trên cơ sở bằng chứng.
5.1.3 Các chương trình phòng ngừa, điều trị và chăm sóc ma túy dựa vào cộng đồng được thiết lập, bao gồm tiêu chuẩn chăm sóc tối thiểu.	<ol style="list-style-type: none">1. Thúc đẩy hiệu quả chức năng của các cơ chế điều phối quốc gia và cơ cấu hợp lý cho việc xây dựng một hệ thống và thực hiện điều trị và chăm sóc sử dụng và lệ thuộc vào ma túy dựa trên cơ sở bằng chứng.2. Hỗ trợ cho việc thực hiện các can thiệp phòng ngừa dựa trên cơ sở bằng chứng như tăng cường vai trò của gia đình, phát triển kỹ năng sống trong trường học và các chương trình phòng ngừa tại nơi làm việc.3. Cung cấp thông tin tuyên truyền về ma túy đến cộng đồng và các nhóm dễ bị tổn thương.4. Hỗ trợ xây dựng các hệ thống điều trị và mở rộng dịch vụ cho những người lệ thuộc vào ma túy.5. Hỗ trợ kỹ thuật cho Chính phủ để xác định và thực hiện các lựa chọn khả thi khác thay thế cho các trung tâm cai nghiện ma túy bắt buộc như điều trị lệ thuộc ma túy dựa vào cộng đồng, tự nguyện dựa trên

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
	bằng chứng khoa học và nhân phẩm của bệnh nhân.

5.2 Phòng ngừa và chăm sóc HIV/AIDS đạt được trong các nhóm mục tiêu

Kết quả cụ thể	Can thiệp dự kiến
5.2.1 Môi trường hỗ trợ được xây dựng cho việc triển khai gói toàn diện về dịch vụ phòng ngừa và chăm sóc HIV/AIDS cho người sử dụng ma túy, đặc biệt là tiêm chích ma túy.	<ol style="list-style-type: none"> Hỗ trợ Chính phủ tổng hợp và chia sẻ dữ liệu chiến lược về HIV/AIDS bao gồm dữ liệu về mức phổ biến và mức bao trùm của dịch vụ cũng như kỳ thị và phân biệt đối xử nhằm hỗ trợ chính sách và chương trình về HIV dựa trên quyền, giới và công bằng cho những người tiêm chích ma túy và trong môi trường khép kín. Xây dựng năng lực cho các ngành hữu quan như tư pháp, hành pháp, y tế, giáo dục, xã hội, lao động và tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng để phát triển, thực hiện, giám sát và đánh giá việc cung cấp các dịch vụ phòng ngừa, điều trị và chăm sóc HIV dựa trên bằng chứng cho những người tiêm chích ma túy và trong cơ sở khép kín. Phối hợp với các đối tác hữu quan quốc gia và quốc tế, bao gồm tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng, hỗ trợ Chính phủ xây dựng những quy định và hướng dẫn quy trình cho việc giới thiệu gói toàn diện về dịch vụ điều trị và chăm sóc HIV/AIDS trong cơ sở khép kín. Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho cơ chế đa ngành nhằm thúc đẩy và đảm bảo hoạt động hiệu quả kinh tế và bền vững trong phòng HIV trong những người sử dụng ma túy, đặc biệt là người tiêm chích ma túy và trong cơ sở khép kín. Nâng cao nhận thức, hoạt động tuyên truyền và các đợt công tác tham quan, nghiên cứu cho những người lập pháp và quyết định chính sách.
5.2.2 Một gói toàn diện về dịch vụ phòng ngừa và chăm sóc HIV/AIDS được xây dựng trong môi trường trại giam	<ol style="list-style-type: none"> Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ cho trại giam về thu thập và đánh giá dữ liệu đối với các nhu cầu chương trình về vấn đề HIV. Tăng cường năng lực trong trại giam nhằm thực hiện, giám sát và đánh giá gói toàn diện về dịch vụ điều trị và chăm sóc HIV. Hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ để thí điểm triển khai gói toàn diện về dịch vụ điều trị và chăm sóc HIV/AIDS. Hỗ trợ xây dựng và thực hiện giám sát hành vi và huyết thanh có liên quan đến HIV/AIDS.

Liên quan đến các Kết quả của Kế hoạch Chung:

126. Tiểu chương trình này sẽ trực tiếp đóng góp vào việc đạt được kết quả sau đây của Kế hoạch Chung:

- 2.2.1: Tư vấn về chính sách và hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp nhằm tăng cường các cấu phần của hệ thống ý tế và thú y ở cấp quốc gia và địa phương.
- 2.4.1: Khung pháp lý và chính sách quốc gia liên quan đến HIV được tăng cường nhằm hướng dẫn cách ứng phó dựa trên bằng chứng để giải quyết hiệu quả tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử, bất bình đẳng và không công bằng.
- 2.4.2: Các cơ chế điều phối đa ngành được tăng cường để đảm bảo trách nhiệm và sự tham gia đầy đủ của những ngành chủ chốt nhằm hỗ trợ ứng phó bền vững với HIV.

GIÁM SÁT VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều phối và quản lý

127. Chương trình quốc gia này sẽ do các đối tác quốc gia và UNODC thực hiện. Tuân theo các nguyên tắc của Tuyên bố Paris về Hiệu quả viện trợ và phiên bản quốc gia - Tuyên bố Hà Nội về Hiệu quả viện trợ, UNODC sẽ phấn đấu nhằm tăng cường vai trò làm chủ của Chính phủ và tăng cường chất lượng cũng như hiệu quả quản lý viện trợ, và để đạt được mục đích này, cần hướng tới đơn giản hóa và hài hòa các thủ tục, tuân thủ các hệ thống và quy trình của Chính phủ ở mức cao nhất có thể.

Phương thức thực hiện chương trình quốc gia này chủ yếu thông qua các tiểu chương trình và các dự án nếu có.

128. Chương trình này sẽ do UNODC Văn phòng tại Việt Nam và các cơ quan Việt Nam phối hợp thực hiện theo các phương thức cần thiết nhằm đạt hiệu quả. Văn phòng sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và đầu tư - cơ quan quốc gia do Chính phủ chỉ định để điều phối chung việc thực hiện Chương trình quốc gia. Về phía UNODC, công tác điều phối chung sẽ là trách nhiệm của Giám đốc Quốc gia (Trưởng Văn phòng). Nhằm hỗ trợ cho hoạt động này và đáp ứng được yêu cầu đối với tất cả các cơ quan Liên hợp quốc tham gia trong việc bố trí nguồn nhân lực để triển khai hiệu quả trong khuôn khổ Kế hoạch Chung, Một phòng Hỗ trợ Chương trình (PSU) sẽ được thiết lập để hỗ trợ việc thực hiện Chương trình một cách có hiệu suất và hiệu quả, ví dụ bằng cách hỗ trợ trong giám sát chất lượng và thời gian, đặc biệt đối với những thời hạn chót của sáng kiến Thống nhất hành động, có những hành động điều chỉnh khi cần, và báo cáo về các hợp phần tiểu chương trình theo yêu cầu của quốc gia, nhà tài trợ và UNODC. Dưới sự hướng dẫn của Trưởng Văn phòng, PSU sẽ đảm bảo sự gắn kết của các hoạt động với Kế hoạch Chung và có thể khởi xướng xây dựng chương trình về sau. Dựa vào sự sẵn có của ngân sách, sẽ có một vị trí mới để phụ trách công tác Giám sát và Đánh giá và tăng cường Quản lý Dựa trên Kết quả để giải quyết tốt hơn nữa những mong đợi của sáng kiến Thống nhất hành động. Phòng này cũng sẽ bao gồm một Cán bộ Chương trình Quốc gia, và một Trợ lý Tài chính Chương trình, và một vị trí Trợ lý Hành chính.

129. Về phía UNODC, mỗi tiểu chương trình sẽ do một điều phối viên tiểu chương trình của UNODC phụ trách và chịu trách nhiệm thực hiện hiệu quả và hiệu suất. Điều phối viên sẽ được tuyển dụng phù hợp với các Quy tắc và Quy định của Liên hợp quốc và chịu trách nhiệm chuẩn bị kế hoạch ngân sách hoạt động hàng năm (AWP), trên cơ sở tham vấn và nhất trí với cơ quan đầu mối, cho từng tiểu chương trình hoặc các dự án (nếu có) và báo cáo tiến độ thực hiện. Điều phối viên sẽ báo cáo lên Trưởng Văn phòng nhằm đảm bảo rằng mỗi tiểu chương trình sẽ được thực hiện như một gói hỗ trợ chính thể, hỗ trợ với các tiểu chương trình khác, trong quan hệ đối tác với các cơ quan quốc gia và trong khuôn khổ của Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016.

130. Mỗi tiểu chương trình và các dự án sẽ được thực hiện thông qua kế hoạch công tác hàng năm được xây dựng cùng với cơ quan đầu mối quốc gia dựa trên đề cương chi tiết tiểu chương trình hoặc dự án đã được thống nhất (được nêu rõ đối với từng tiểu chương trình). Dưới sự hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tiểu chương trình/dự án bao gồm UNODC, đại diện của cơ quan đầu mối quốc gia và các cơ quan hữu quan khác, UNODC và cơ quan đầu mối quốc gia sẽ chuẩn bị và điều hành những kế hoạch công tác này, dựa trên những ưu tiên quốc gia được nêu rõ và mức độ nguồn lực được khẳng định, và cũng báo cáo kế hoạch thực hiện định kỳ lên Ban Chỉ đạo. Hướng dẫn chiến lược và hỗ trợ kỹ thuật cho Chương trình quốc gia sẽ được UNODC khu vực và UNODC Trụ sở chính tại Viên cung cấp. Chương trình này sẽ có thể có các phương thức thực hiện khác nhau, bao gồm quốc gia điều hành, nếu thích hợp, để xây dựng và tận dụng năng lực và chuyên môn quốc gia.

131. Trong bối cảnh của Kế hoạch Chung 2012-2016, Liên hợp quốc tại Việt Nam sẽ điều chỉnh thực tiễn quản lý chương trình được xây dựng trong Kế hoạch hiện tại. Cơ cấu điều phối (các Nhóm điều phối chương trình) sẽ được điều chỉnh hơn nữa theo nội dung của Một Kế hoạch 2012-2016. Các nhóm điều phối, bao gồm Chính phủ và Liên hợp quốc, sẽ làm việc với các bên hữu quan để lập kế hoạch, quản lý, giám sát và báo cáo về việc thực hiện Kế hoạch chung, và cũng sẽ hoạt động như là một diễn đàn về nghiên cứu chung, tuyên truyền chính sách và đối thoại cũng như cùng giám sát và đánh giá.

132. Văn phòng tại Việt Nam sẽ được Trung tâm khu vực tại Bangkok và UNODC Trụ sở chính tại Viên hỗ trợ trong những lĩnh vực sau:

- Cố vấn chính sách và định hướng chiến lược cho Văn phòng tại Việt Nam;
- Cố vấn và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật;
- Đánh giá dựa vào nghiên cứu các thách thức chính trong tương lai trong lĩnh vực tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tham nhũng, ma túy và y tế công cộng;
- Dịch vụ hỗ trợ quản lý nguồn nhân lực và tài chính;
- Hỗ trợ phát triển quan hệ đối tác và tìm kiếm tài trợ;
- Hỗ trợ giám sát, đánh giá và đảm bảo chất lượng.

Nguồn lực cần thiết và tài chính

133. Hỗ trợ của UNODC trong khuôn khổ chương trình này là nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA không hoàn lại, phù hợp với các quy định của chính phủ Việt Nam về quản lý và sử dụng vốn ODA. Tìm kiếm tài trợ cho chương trình UNODC Việt Nam diễn ra ở các cấp độ khác nhau, bao gồm UNODC trụ sở chính ở Viên và phối hợp với các đối tác khác nhau. Tuy nhiên, ngân sách được nhận thông qua nỗ lực cấp quốc gia ngày càng tăng, là nơi mà cơ chế Ngân sách của Quỹ Kế hoạch chung đóng vai trò quan trọng. UNODC Việt Nam cũng đảm bảo hỗ trợ miễn phí hoặc bằng hiện vật, ví dụ như dưới dạng cố vấn về đào tạo và hỗ trợ cho các chuyến nghiên cứu khảo sát, từ các nhà tài trợ trong nước.

134. Cam kết của Chính phủ Việt Nam là rất quan trọng để đạt được những kết quả đã được thống nhất của Chương trình quốc gia. Nguồn lực tài chính dự kiến cần thiết cho việc thực hiện của Chương trình quốc gia giai đoạn 2012-2017 được nêu trong Phụ lục 4 theo các tiểu chương trình của UNODC. Thông số này bao gồm hỗ trợ cho Việt Nam thông qua các dự án khu vực và toàn cầu.

135. Theo lĩnh vực trọng tâm của sáng kiến Thống Nhất Hành Động, phân bổ tài chính như sau:

Lĩnh vực trọng tâm 1: Tăng cường bền vững, công bằng và dành cho tất cả mọi người

1.3 Bảo vệ môi trường, phòng ngừa và kiểm soát buôn bán trái phép động vật hoang dã	800,000	
Tổng phụ		800,000

Lĩnh vực trọng tâm 2: Tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng và an sinh xã hội

2.1 Bảo trợ xã hội bao gồm bảo vệ trẻ em	410.000	
2.2 Bảo vệ sức khoẻ, đảm bảo sự tiếp cận công bằng cho các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất	1.340.700	
2.4 Phòng ngừa ma túy và HIV, và đấu tranh phòng chống bạo lực về giới	3.782.000	
Tổng phụ		5.532.700

Lĩnh vực trọng tâm 3: Quản trị và sự tham gia

3.2 Quản trị, quy định pháp luật, tư pháp hình sự trong đấu tranh phòng chống buôn bán trái phép	6.725.000	
3.3 Phòng chống tham nhũng và rửa tiền	1.400.000	
Tổng phụ		8.125.000

Tổng số cho giai đoạn 2012-2017 **14.457.700**

136. Phân bổ theo các lĩnh vực chuyên đề của UNODC như sau:

Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép	5.009.000
Chống tham nhũng và rửa tiền	1.400.000
Phòng chống khủng bố	818.000
Tư pháp hình sự	2.880.700

Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS

4.350.000

Tổng số cho giai đoạn 2012-2017

14.457.700

137. Ngân sách với khoảng 2.023.700 đô la Mỹ đã được đảm bảo cho giai đoạn 2012-2017. Phần còn lại sẽ được tài trợ thông qua Quỹ Kế hoạch chung và các nguồn khác.

138. Những nguồn mà UNODC mong đợi huy động được ngân sách bao gồm: Quỹ Kế hoạch chung, các dự án/chương trình khu vực và toàn cầu của UNODC; các nhà tài trợ song phương; và các đối tác khu vực/quốc tế liên quan khác.

139. Theo Quy định về quản lý tài chính của Liên hợp quốc, tất cả ngân sách huy động được sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng do UNODC Viên quản lý. UNODC cũng đóng vai trò trong việc hỗ trợ đóng góp tài trợ trực tiếp của các nhà tài trợ cho ngân sách của Chính phủ Việt Nam cho các hoạt động liên quan. UNODC cũng sẽ tìm kiếm xây dựng thoả thuận chia sẻ chi phí với Chính phủ, khi mà Việt Nam đã trở thành quốc gia đạt mức thu nhập trung bình và tài trợ cho một số nước trong khu vực.

140. Mục tiêu huy động tài trợ đã được đặt ra trong ngân sách của Chương trình quốc gia và sẽ được giám sát trên cơ sở thường xuyên để kịp thời ưu tiên hoá và điều chỉnh những hợp phần hỗ trợ kỹ thuật theo ngân sách có sẵn.

Giám sát và báo cáo

141. Chương trình quốc gia sẽ gặp phải nhiều phương thức điều hành khác nhau, bao gồm cả việc sử dụng quốc gia điều hành khi có thể. Việc giám sát điều hành chương trình là trách nhiệm của UNODC Văn phòng quốc gia và các văn phòng UNODC nếu phù hợp, cụ thể trong trường hợp các chương trình toàn cầu và khu vực.

142. Thực hiện các hoạt động của chương trình và các kế hoạch công tác liên quan sẽ thường xuyên được giám sát thông qua báo cáo tiến độ 6 tháng và hàng năm. Các chỉ số thực hiện tiểu chương trình sẽ là những tiêu chuẩn so sánh giám sát chính để dữ liệu và các bằng chứng khác có thể được thu thập qua thời gian nhằm sử dụng trong đánh giá độc lập. Báo cáo tiến độ sẽ được trình lên trụ sở chính của UNODC và chia sẻ với các nhà tài trợ, các nhóm công tác khi thích hợp. Báo cáo tiến độ khác có thể phải chuẩn bị theo yêu cầu.

143. Đánh giá tổng thể của chương trình quốc gia sẽ được xem xét tại các cuộc họp định kỳ với các cơ quan đối tác quốc gia. Một đánh giá chính thức sẽ được thực hiện tại cuộc họp ba bên được tổ chức vào thời điểm cuối của mỗi năm. Chính phủ sẽ thực hiện các biện pháp để cung cấp dữ liệu trên cơ sở hàng năm để đánh giá tiến độ thực hiện chương trình ở cấp kết quả chung.

144. Các dự án riêng biệt sẽ được Phòng Kiểm toán Nội bộ của Liên hợp quốc và Ban kiểm toán độc lập của Liên hợp quốc kiểm tra. Theo yêu cầu của họ, kiểm toán viên sẽ tiếp cận các tài liệu và thư từ liên quan. Các bên của dự án sẽ hỗ trợ tiếp cận hồ sơ chi tiêu, tài khoản, mua bán.

145. Hơn nữa, trong bối cảnh của sáng kiến Thống Nhất Hành Động, theo kết quả chung, kết quả cụ thể của Kế hoạch chung, các hoạt động chương trình có liên quan của UNODC sẽ được giám sát bởi các Nhóm điều phối chương trình (PCG) hoặc cơ chế điều phối khác được thiết lập trong Kế hoạch Chung mới.

146. Do những yêu cầu đối với nghĩa vụ báo cáo và lập kế hoạch trong bối cảnh thí điểm sáng kiến Thống nhất Hành động và những yêu cầu khác của UNODC và các cơ quan khác, điều phối và tổ chức thực tiễn sẽ cần thiết để đảm bảo sự cân đối và tránh trùng lặp.

Đánh giá

147. Chương trình quốc gia giai đoạn 2012-2017 sẽ được đánh giá giữa kỳ trong năm 2015. Một đánh giá thứ hai, đánh giá chuyên sâu cuối kỳ sẽ được thực hiện 4 tháng trước khi kết thúc thời gian năm năm, vào năm 2017. Đánh giá giữa kỳ sẽ đánh giá tiến độ đối với mục tiêu nêu rõ trong kế hoạch công tác của tiểu chương trình cũng như bằng chứng thu được thông qua giám sát hiện hành các chỉ số thực hiện. Đánh giá sẽ xây dựng những đề xuất và hành động điều chỉnh cho giai đoạn còn lại của chương

trình. Đánh giá cuối kỳ sẽ đánh giá các hoạt động được thực hiện trong giai đoạn năm năm. Đồng thời sẽ xác định những bài học cần rút ra, đặc biệt với việc xây dựng Chương trình quốc gia trong tương lai. Cả hai đánh giá sẽ xem xét liên kết khái niệm và hoạt động giữa Chương trình quốc gia và các hoạt động chương trình toàn cầu và khu vực của UNODC. Bối cảnh của Sáng kiến Thống Nhất hành Động cũng sẽ được đánh giá về điều phối, hiệu quả và giá trị gia tăng.

148. Đánh giá chương trình quốc gia sẽ do văn phòng quốc gia quản lý, phối hợp với Phòng Đánh giá độc lập. Đánh giá tiểu chương trình, nếu phù hợp, sẽ được thực hiện bởi một chuyên gia đánh giá/nhóm đánh giá độc lập. Phạm vi trách nhiệm cụ thể của đánh giá và thời gian, bao gồm các chuyến công tác đến địa bàn sẽ do UNODC quyết định. Ngân sách cho đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ, tại cấp phù hợp với khối lượng và quy mô chương trình, sẽ được phân bổ trong một dòng ngân sách riêng (5700) theo các quy định của UNODC. Những điều khoản cụ thể sẽ được đưa vào trong ngân sách của một tiểu chương trình hoặc tài liệu hợp phần.

149. Chương trình quốc gia cũng có thể được đánh giá, nếu thích hợp, trong bối cảnh Chương trình UNODC khu vực Đông Á và Thái Bình Dương. Hơn nữa, Văn phòng quốc gia sẽ khai thác khả năng đánh giá các hợp phần liên quan của Chương trình quốc gia trong bối cảnh của Kế hoạch Chung mà UNODC là một phần trong đó.

Quản lý rủi ro

150. UNODC là thành viên của Nhóm các trường đại diện các văn phòng Liên hợp quốc đã xác định ra những rủi ro mà có thể tác động đến việc thực hiện Chương trình quốc gia và các chiến lược giảm nhẹ có liên quan

Rủi ro			Giảm nhẹ
Xác định	Khả năng	Tác động	Chiến lược giảm nhẹ rủi ro
Rủi ro 1: - CHÍNH TRỊ Bất ổn chính trị hoặc thiên tai trong khu vực làm chuyển sự tập trung và nguồn lực thể chế của Chính phủ Việt Nam ngoài việc đạt được những kết quả chung của Chương trình Quốc gia	Thấp	Cao	Chiến lược đối với rủi ro 1: Sử dụng cơ chế quản trị của Chương trình quốc gia và sáng kiến Thống nhất hành động để xác định quy mô và tiến độ của hợp tác một cách phù hợp. Tiếp tục thực hiện nghiên cứu và tuyên truyền mà duy trì chủ đề của Chương trình quốc gia.
Rủi ro 2: - TÀI TRỢ VÀ TÀI CHÍNH Nguồn lực tài trợ huy động được ít hơn so với dự tính, và/hoặc có giảm trong hỗ trợ tài chính đối với Một Kế hoạch 2012-2016	Trung bình	Cao	Chiến lược đối với rủi ro 2: UNODC, Nhóm các trường đại diện các văn phòng Liên hợp quốc, chính phủ và các nhà tài trợ sẽ tiếp tục tuyên truyền cho sự hỗ trợ tài chính được tăng cường, nhất quán và có thể ước đoán trước của Sáng kiến thống nhất hành động ở cả cấp quốc gia và quốc tế. Ưu tiên hoá hơn nữa những kết quả theo ngân sách sẵn có.
Rủi ro 3: - THỰC HIỆN Luân chuyển cán bộ tại các cơ quan chính phủ giảm tính liên tục của thực hiện chương trình	Trung bình	Trung bình	Chiến lược đối với rủi ro 3: Thể chế hoá quan hệ đối tác chương trình quốc gia thông qua tương tác với các cơ quan chính phủ ở các cấp và hỗ trợ thông qua các đơn vị chủ chốt hơn những người đối thoại cá nhân.
Rủi ro 4: - LUẬT PHÁP Quá trình phê duyệt của UNODC /	Trung bình	Cao	Chiến lược đối với rủi ro 4: UNODC sẽ hoàn toàn tuân theo Chương

Chính phủ phức tạp và mất nhiều thời gian để bắt đầu ký kết chương trình quốc gia / phê duyệt và phân bổ tài chính			trình quốc gia và Chiến lược phòng chống tội phạm và ma túy quốc gia cũng như Kế hoạch Chung 2012-2016. Sự phê duyệt hỗ trợ của UNODC theo tiêu chương trình sẽ giúp giảm thời gian để thông qua các hoạt động mà có thể triển khai đối với tài trợ bổ sung.
--	--	--	--

151. Do UNODC trong thực hiện chương trình quốc gia sẽ nằm trong khuôn khổ đánh giá rủi ro liên quan của Kế hoạch Chung và các biện pháp giảm nhẹ sẽ áp dụng.

Cam kết và bối cảnh pháp lý

152. Là một cơ quan cung cấp dịch vụ về hỗ trợ kỹ thuật và chuyên môn, UNODC sẽ hoạt động để đảm bảo rằng các kết quả cụ thể trong Chương trình quốc gia sẽ được hỗ trợ hiệu quả. Kết quả chung và tác động trong chương trình chủ yếu là trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam mà cam kết của họ là then chốt trong việc đạt được những kết quả mong muốn. Ngoài ra, huy động nguồn lực cho việc thực hiện phụ thuộc nhiều vào sự quan tâm của nhà tài trợ và ngân sách sẵn có trong khuôn khổ sáng kiến Thống Nhất Hành Động. Tất cả tác động, kết quả chung và kết quả cụ thể tùy thuộc vào sự sẵn có của nguồn ngân sách cần thiết.

153. Chính phủ sẽ xem xét bố trí đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật. Việc này bao gồm chỉ định nguồn nhân sự, ví dụ như Điều phối viên chương trình quốc gia, để liên lạc và điều phối thực hiện các dự án của chương trình. Chính phủ Việt Nam và UNODC sẽ cùng nỗ lực kêu gọi ngân sách cho chương trình.

154. Chính phủ Việt Nam cũng cam kết tổ chức các cuộc họp thường kỳ định kỳ, lập kế hoạch và chiến lược chung và khi thích hợp, điều phối các nhóm đối tác phát triển chuyên đề và đa ngành để hỗ trợ cho việc tham gia của các nhà tài trợ, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng, bộ phận tư nhân và các cơ quan của Liên hợp quốc. Hơn nữa, Chính phủ sẽ hỗ trợ cho các chuyên công tác của nhân viên UNODC và/hoặc cán bộ được chỉ định nhằm mục đích giám sát, làm việc với các bên hưởng lợi, đánh giá tiến độ và tác động của việc sử dụng nguồn lực chương trình. Chính phủ sẽ cung cấp thông tin sẵn có cho UNODC về thay đổi chính sách và luật pháp diễn ra trong quá trình thực hiện Chương trình quốc gia mà có thể có tác động tới sự hợp tác. Chính phủ sẽ chủ trì và tham gia Ban Chỉ đạo các dự án.

155. Bối cảnh pháp lý dưới đây sẽ áp dụng cho các hỗ trợ của UNODC trong khuôn khổ chương trình này:

- (i) Chính phủ của Việt Nam, là một thành viên tham gia ký kết Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn (SBAA) với UNDP, đồng ý rằng SBAA sẽ áp dụng, với những sửa đổi thích hợp về chi tiết, đối với hỗ trợ của UNODC trong khuôn khổ Chương trình này. Đặc biệt, Chính phủ Việt Nam khẳng định rằng điều IX (Ưu đãi và miễn trừ) và điều X (Tạo thuận lợi cho việc thực hiện viện trợ của UNDP) của SBAA sẽ áp dụng đối với các hoạt động của UNODC trong khuôn khổ chương trình quốc gia.
- (ii) UNODC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sự thiệt hại, thương tật, đau ốm hoặc tử vong trong quá trình làm việc của cán bộ Nhà nước hoặc chuyên gia tư vấn hoặc những nhân viên khác theo hợp đồng hoặc thay mặt Chính phủ liên quan tới việc thực hiện dự án này. Theo đó sẽ không có yêu cầu đòi UNODC bồi thường nào được chấp nhận cho những thiệt hại, thương tật, đau ốm hoặc tử vong, cũng như sẽ không bồi hoàn các khoản chi trả nào từ phía Chính phủ cho những vấn đề này. Chính phủ đảm bảo và khẳng định sẽ bồi thường hợp lý đối với những tình huống nêu trên và áp dụng đối với tất cả những cán bộ nhà nước, những cán bộ có liên quan đến dự án hoặc những cán bộ thay mặt chính phủ tham gia thực hiện dự án.
- (iii) Chính phủ sẽ thanh toán những chi phí hải quan và những chi phí khác liên quan đến việc nhập khẩu thiết bị, vận chuyển, giao nhận, lưu kho và những chi phí khác trong lãnh thổ Việt Nam. Trang thiết bị do UNODC tài trợ sẽ là tài sản của UNODC cho tới khi được chính thức chuyển giao hoặc trong trường hợp không được chuyển giao, không căn cứ vào đơn vị nào mua sắm. Các

trang thiết bị do UNODC tài trợ có thể được chuyển giao, có sự đồng ý của UNODC, cho một cơ quan nào đó, vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện chương trình này với mục đích thực hiện chương trình. Tuy nhiên, quyết định cuối cùng đối với việc chuyển giao trang thiết bị bao gồm chuyển giao quyền sở hữu sẽ thuộc về UNODC và sẽ nỗ lực đưa ra các quyết định có sự tham vấn ý kiến của các bên tham gia và các cơ quan hữu quan.

- (iv) Cơ quan được nhận trang thiết bị do UNODC tài trợ phải chịu trách nhiệm đảm bảo rằng những trang thiết bị đó được sử dụng một cách nghiêm túc vì mục đích thực hiện dự án, như đã thống nhất với UNODC, và phải bố trí và chịu chi phí bảo trì. Cơ quan nhận thiết bị tài trợ cũng phải trả chi phí bảo hiểm theo yêu cầu đối với trang thiết bị đó. Đối với trang thiết bị cố định, thì cơ quan phải duy trì báo cáo kiểm kê chi tiết các trang thiết bị này.
- (v) Tất cả những thoả thuận tài trợ của UNODC sẽ được phát hành theo Quy định và Nội quy Tài chính của Liên hợp quốc.
- (vi) UNODC giữ bản quyền và những quyền sở hữu trí tuệ liên quan khác đối với những tài liệu (văn kiện, các báo cáo, nghiên cứu, ấn phẩm....) là kết quả từ các hoạt động dự án tiến hành trong khuôn khổ chương trình này. Theo yêu cầu bằng văn bản, khi kết thúc, Chính phủ Việt Nam sẽ được chuyển giao quyền sử dụng miễn phí đối với những tài liệu nêu trên.
- (vii) Việc triển khai các hoạt động của UNODC đối với dự án phụ thuộc vào khả năng đáp ứng nguồn ngân sách phù hợp đối với từng năm. Trong trường hợp ngân sách yêu cầu không được đáp ứng, UNODC có quyền đơn phương chấm dứt hoặc giảm sự hỗ trợ của mình trong văn kiện này.
- (viii) Dự án trong khuôn khổ Chương trình quốc gia chịu sự giám sát / kiểm toán của Dịch vụ giám sát nội bộ và Ban Kiểm toán của Liên Hợp Quốc. UNODC sẽ điều phối thực hiện các hoạt động giám sát / kiểm toán này và sẽ thực thi các khuyến nghị được thống nhất của cuộc giám sát / kiểm toán.
- (ix) UNODC sẽ không có bất kỳ trách nhiệm pháp lý trực tiếp nào đối với thoả thuận hợp đồng giữa bên thực hiện và bên thứ ba.
- (x) Chương trình quốc gia này có thể được sửa đổi khi có sự thống nhất bằng văn bản của hai bên.

PHỤ LỤC

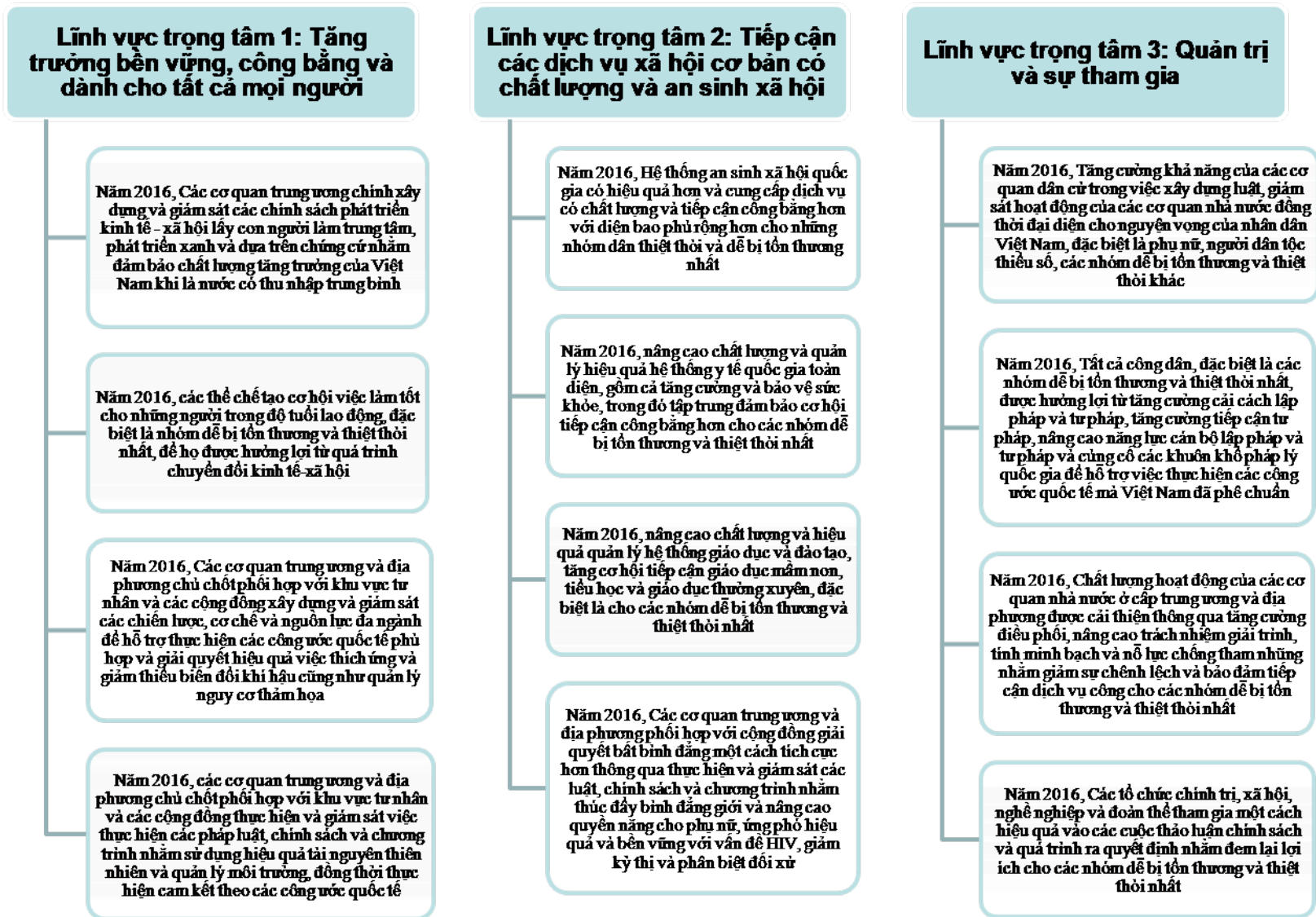
PHỤ LỤC 1 - Tình trạng ký kết, phê chuẩn các Công ước & Nghị định thư của Liên hợp quốc về ma túy, tội phạm & khủng bố của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

<i>Tên Công ước hay Nghị định thư</i>	<i>Có hiệu lực</i>	<i>Ký kết</i>	<i>Phê chuẩn/Gia nhập</i>
<i>MA TUÝ VÀ CHẤT HƯỞNG THẦN</i>			
Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961	16/9/1997	1/9/1997	4/11/1997
Công ước về các chất hướng thần năm 1971	16/9/1997	1/9/1997	4/11/1997
Nghị định thư năm 1972 về sửa đổi Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961	16/9/1997	1/9/1997	4/11/1997
Công ước về chống Buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988	16/9/1997	1/9/1997	4/11/1997
<i>PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM, TƯ PHÁP HÌNH SỰ VÀ THAM NHŨNG</i>			
Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	29/9/2003	13/12/2000	29/12/2011
Nghị định thư về Phòng ngừa, Đấu tranh và Trừng phạt Buôn bán người, đặc biệt là Phụ nữ và Trẻ em, bổ sung Công ước về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	25/12/2003	-	29/12/2011
Nghị định thư về Chống Đưa người Di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung Công ước về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	28/1/2004	-	-
Nghị định thư về Chống sản xuất và Buôn bán trái phép vũ khí, bộ phận và đạn dược, bổ sung Công ước về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	3/7/2005	-	-
Công ước của Liên hợp quốc về Chống tham nhũng	14/12/2005	10/12/2003	30/6/2009

<i>Tên Công ước hay Nghị định thư</i>	<i>Có hiệu lực</i>	<i>Ký kết</i>	<i>Phê chuẩn/Gia nhập</i>
Công ước về các tội phạm và một số hành vi khác thực hiện trên tàu bay năm 1963	4/12/1969	-	10/10/1979
Công ước về trấn áp hành vi chiếm giữ bất hợp pháp tàu bay năm 1970	14/10/1971	-	17/9/1979
Công ước về trấn áp hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn hàng không dân dụng năm 1971	26/1/1973	-	17/9/1979
Công ước về phòng ngừa và trấn áp các tội chống người được hưởng sự bảo hộ quốc tế năm 1973	20/2/1977	-	2/5/2002
Công ước quốc tế về chống bắt cóc con tin năm 1979	3/6/1983	-	-
Công ước về bảo vệ về vật lý vật liệu hạt nhân năm 1980	8/2/1987	-	-
Nghị định thư về trấn áp các hành vi bạo lực bất hợp pháp tại các cảng hàng không phục vụ hàng không dân dụng quốc tế, bổ sung Công ước về trấn áp hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn hàng không dân dụng năm 1988	6/8/1989	-	25/8/1999
Công ước về trấn áp hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn hàng hải năm 1988	1/3/1992	-	12/7/2002
Nghị định thư về trấn áp các hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn các công trình cố định trên thềm lục địa năm 1988	1/3/1992	-	12/7/2002
Công ước về đánh dấu vật liệu nổ dẻo nhằm mục đích phát hiện năm 1991	21/6/1998	-	-
Công ước quốc tế về trấn áp hành vi khủng bố bằng bom năm 1997	23/5/2001	-	-
Công ước quốc tế về trấn áp hành vi khủng bố bằng hạt nhân năm 2005	7/7/2007	-	-
Công ước quốc tế về trấn áp tài trợ khủng bố năm 1999	10/4/2002	-	25/9/2002
Công ước quốc tế về trấn áp các hành vi khủng bố hạt nhân, 2005	7/7/2007	-	-

Sửa đổi đối với Công ước về bảo vệ vật lý đối với vật liệu hạt nhân, 2005	-	-	-
Nghị định thu năm 2005 với Công ước về trấn áp hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn hàng hải năm	28/7/2010	-	-

PHỤ LỤC 2 - Kết quả chung và kết quả chi tiết Kế hoạch Chung



PHỤ LỤC 3 - Kết quả chương trình quốc gia và khuôn khổ giám sát

Tiểu chương trình 1: Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
<p>Kết quả chung 1.1 - Kiểm soát biên giới</p> <p>An ninh biên giới được tăng cường tại cửa khẩu, cảng biển và sân bay, thông qua các biện pháp được tăng cường nhằm chống lại thương mại và buôn bán trái phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Số vụ buôn bán trái phép được xác định và chuyển giao cho cảnh sát / toà án để bắt giữ / truy tố (theo địa điểm / loại hình / quy mô v.v.); 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của cơ quan chính phủ liên quan
<p>Kết quả cụ thể 1.1.1</p> <p>Cơ chế BLO được thể chế hoá và mở rộng hơn nữa để hiệu quả đấu tranh nhiều loại hành vi bất hợp pháp hơn</p>	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng BLOs được thiết lập, địa điểm, cấp độ nhân viên và kỹ năng, ngân sách hoạt động. Số vụ / loại hình / địa điểm của đưa người di cư trái phép, buôn bán người và tội phạm môi trường được chuyển đến cơ quan điều tra từ các cửa khẩu / cảng nơi có BLOs 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của cơ quan chính phủ liên quan Kiểm tra địa bàn định kỳ / khảo sát bởi dự án
<p>Kết quả cụ thể 1.1.2</p> <p>Tăng cường an ninh côngtenơ tại cảng quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tổ Kiểm soát cảng chung được thiết lập, địa điểm, cấp độ nhân viên và kỹ năng, ngân sách hoạt động; 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của cơ quan chính phủ liên quan Kiểm tra địa bàn định kỳ / khảo sát bởi dự án / đại diện văn phòng quốc gia
<p>Kết quả chung 1.2 - Buôn bán người và đưa người di cư trái phép</p> <p>Các hoạt động Buôn bán người & Đưa người di cư trái phép được xác định và được xử lý hiệu quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> Số vụ, loại hình, địa điểm về điều tra, truy tố và kết án tội phạm về Buôn bán người, Đưa người di cư trái phép Số lượng yêu cầu hỗ trợ / hợp tác được gửi và nhận giữa các cơ quan đối tác qua biên giới 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của cơ quan chính phủ có liên quan Phân tích định kỳ đối với dữ liệu sẵn có của UNODC
<p>Kết quả cụ thể 1.2.1</p> <p>Khuôn khổ quy định và luật pháp đáp ứng được tiêu chuẩn và nghĩa vụ quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn về chính sách/luật pháp tuân thủ với UNTOC và Nghị định thư về Buôn bán người và Đưa người di cư trái phép và các công cụ liên quan khác 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo đánh giá luật pháp về sửa đổi luật pháp liên quan của Việt Nam do các cơ quan quốc gia dự thảo với sự hỗ trợ của UNODC
<p>Kết quả cụ thể 1.2.2</p> <p>Thông tin về xu thế Buôn bán người & Đưa người di cư trái phép được các cơ quan hữu quan sử dụng trong những hành động dựa trên bằng chứng, bao gồm nâng cao nhận thức cho cộng đồng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin liên quan đến Buôn bán người, bao gồm Du lịch tình dục trẻ em và Đưa người di cư trái phép, được các cơ quan chính phủ và UNODC thu thập, phân tích và báo cáo 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tình trạng của các cơ quan chính phủ có liên quan và báo cáo của các cơ quan

Tiểu chương trình 1: Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
<p>Kết quả cụ thể 1.2.3 Cán bộ hành pháp, kiểm sát viên và thẩm phán được đào tạo và trang bị để giải quyết hiệu quả những tình hình hiện tại và nổi lên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các chương trình về Buôn bán người, Du lịch tình dục trẻ em và Đưa người di cư trái phép được thể chế hoá vào các chương trình hiện hành về đào tạo hành pháp cơ bản Đào tạo và thiết bị được sử dụng để đạt được kết quả hành động 	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống quản lý đào tạo có điểm trung bình tối thiểu 70% trong bài đánh giá sau tập huấn. Báo cáo/hồ sơ đào tạo của các cơ quan chính phủ tham gia, bao gồm đánh giá kết quả đào tạo Báo cáo dự án của UNODC, bao gồm đánh giá đào tạo Khảo sát định tính các cơ quan tham gia của UNODC, bao gồm liên quan đến những nghiên cứu có sẵn của tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng/cơ quan nghiên cứu, v.v.
<p>Kết quả cụ thể 1.2.4 Cơ chế được thiết lập hoặc tăng cường nhằm thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan hữu quan trong và qua biên giới</p>	<ul style="list-style-type: none"> Số trường hợp điều tra chung mà tận dụng hợp tác chính thức và chia sẻ thông tin 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tình trạng của cơ quan chính phủ Báo cáo đánh giá
<p>Kết quả cụ thể 1.2.5 Các hệ thống được thiết lập để xác định và hỗ trợ các nạn nhân buôn bán người một cách nhanh chóng</p>	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống xác định và hỗ trợ nạn nhân được ghi nhận và thể chế hoá 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của chính phủ Đánh giá định tính thông qua khảo sát với các cơ quan, bao gồm chính phủ, tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng và các nhóm ngành tư nhân
<p>Kết quả cụ thể 1.2.6 Chiến lược nâng cao nhận thức được tổ chức về HT & quyền của nạn nhân cho công chúng và các nhóm dễ bị tổn thương</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tài liệu, chương trình TV và Radio tuyên truyền về Buôn bán người được thiết kế, sản xuất và phát sóng/ phân phát Tác động tích cực của chiến dịch nâng cao nhận thức của công chúng về kiến thức/thái độ/thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của Chính phủ Đánh giá định lượng thông qua khảo sát các cơ quan quốc gia, bao gồm chính phủ, tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng và các nhóm ngành tư nhân.
<p>Kết quả chung 1.3 Ma tuý Buôn bán trái phép heroin, ATS, các loại ma tuý bất hợp pháp khác và tiền hoá chất được xác định và xử lý hiệu quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> Số đối tượng buôn lậu ma tuý bị bắt giữ, truy tố và kết án (tổ chức theo khu vực, loại ma tuý và quy mô) 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo và hồ sơ của cơ quan chính phủ liên quan Dữ liệu hệ thống DAINAP được UNODC phân tích và tóm tắt trên cơ sở hàng năm

Tiểu chương trình 1: Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
Kết quả cụ thể 1.3.1 Khuôn khổ quy định và luật pháp đáp ứng được tiêu chuẩn và nghĩa vụ quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn chính sách/rà soát luật pháp để tuân thủ tốt hơn Nghĩa vụ và Tiêu chuẩn quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tình trạng của cơ quan quốc gia có liên quan Báo cáo thường niên lên các uỷ ban hữu quan của Liên hợp quốc về ma tuý và tội phạm
Kết quả cụ thể 1.3.2 Thông tin về sản xuất và buôn bán trái phép heroin, ATS và các chất ma tuý bất hợp pháp khác được các cơ quan chức năng sử dụng trong những hành động dựa trên bằng chứng thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin về sản xuất và buôn lậu ma tuý được tổng hợp và quản lý bởi các cơ quan hữu quan của chính phủ 	<ul style="list-style-type: none"> DAINAP (hoặc tương đương) Phòng vấn/khảo sát cơ quan hữu quan do UNODC thực hiện, sử dụng công cụ đánh giá định tính cấu trúc.
Kết quả cụ thể 1.3.3 Cán bộ hành pháp, kiểm sát viên và thẩm phán được đào tạo và trang bị để giải quyết hiệu quả những tình hình hiện tại và nổi lên	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo và thiết bị được sử dụng để đạt được kết quả hành động 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của các học viện đào tạo của chính phủ và các hồ sơ, báo cáo của các cơ quan chính phủ khác Khảo sát định tính/phòng vấn cơ quan hữu quan do UNODC thực hiện
Kết quả cụ thể 1.3.4 Cơ chế được thiết lập hoặc tăng cường nhằm thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan hữu quan trong và qua biên giới	<ul style="list-style-type: none"> Số vụ điều tra chung mà sử dụng hợp tác chính thức và chia sẻ thông tin 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tình trạng của chính phủ
Kết quả chung 1.4 Buôn bán gây hại cho môi trường Buôn bán trái phép gỗ, động vật hoang dã và các chất thải nguy hiểm được xác định và xử lý hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng đối tượng buôn lậu bị bắt giữ, truy tố và/hoặc kết án (theo địa điểm, loại tài nguyên và quy mô) 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo cơ quan chính phủ có liên quan Báo cáo từ các cơ quan quốc tế như CITES, FAO, INTERPOL, UNEP và ASEAN
Kết quả cụ thể 1.4.1 Khuôn khổ quy định và luật pháp đáp ứng được tiêu chuẩn và nghĩa vụ quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn chính sách/rà soát luật pháp để tuân thủ tốt hơn Nghĩa vụ và Tiêu chuẩn quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tình trạng của các cơ quan chính phủ liên quan
Kết quả cụ thể 1.4.2 Cán bộ hành pháp, cán bộ chuyên trách, kiểm sát viên và thẩm phán được đào tạo và trang bị để giải quyết hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo và thiết bị được sử dụng để đạt được kết quả hành động 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo dự án của UNODC, bao gồm đánh giá đào tạo Khảo sát định tính/phòng vấn cơ quan hữu

Tiểu chương trình 1: Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
những tình hình hiện tại và nổi lên.		quan do UNODC thực hiện
Kết quả cụ thể 1.4.3 Cơ chế được thiết lập hoặc tăng cường nhằm thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan hữu quan trong và qua biên giới	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng, chất lượng và quy mô của cơ chế và thoả thuận được thiết lập, bao gồm các chính phủ và cơ quan tham gia 	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát định tính/phỏng vấn cơ quan hữu quan do UNODC thực hiện sử dụng công cụ đánh giá cấu trúc

Tiểu chương trình 2: Phòng chống tham nhũng và rửa tiền		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
Kết quả chung 2.1 - Các hành vi tham nhũng được phát hiện, điều tra và truy tố bởi các cơ quan nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Số vụ và loại hình tham nhũng được xác định, điều tra và truy tố bởi các cơ quan chống tham nhũng 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo từ các cơ quan chống tham nhũng có liên quan
Kết quả cụ thể 2.1.1 Luật pháp, chính sách và chiến lược quốc gia về phòng chống tham nhũng phản ánh những cam kết trong khuôn khổ UNCAC	<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn chính sách/rà soát luật pháp để tuân thủ tốt hơn với UNCAC Số lượng luật pháp, chính sách và các chiến lược quốc gia liên quan tuân thủ với UNCAC 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo quốc gia
Kết quả cụ thể 2.1.2 Các cơ chế được thiết lập hoặc tăng cường nhằm thúc đẩy sự tham gia của nhân dân trong việc tố cáo các vụ việc tham nhũng	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng và loại hình cơ chế được thiết lập và triển khai (ví dụ: đường dây nóng, diễn đàn, trạm thu nhận ý kiến, v.v.) 	<ul style="list-style-type: none"> Ấn phẩm, thông tin các thông điệp phòng chống tham nhũng Phản hồi từ các cơ quan phi chính phủ
Kết quả cụ thể 2.1.3 Kiến thức và kỹ năng của cán bộ tư pháp hình sự, thực thi pháp luật, thanh tra, giám sát được tăng cường nhằm giải quyết tham nhũng theo tiêu chuẩn quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá định tính các cán bộ sẵn sàng và có khả năng thế nào, bao gồm tác động ngược lại nơi công tác Số lượng, loại hình và khu vực nơi cán bộ được đào tạo, theo cơ quan (M/F) 	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát định tính / phỏng vấn cơ quan hữu quan do UNODC thực hiện
Kết quả chung 2.2 - Chống rửa tiền và Thu hồi tài sản Hoạt động rửa tiền được xác định và được xử lý hiệu quả và tài sản do phạm tội mà có bị thu hồi	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng, quy mô của các vụ án rửa tiền được bắt đầu, điều tra, truy tố và kết án Số lượng, quy mô của các trường hợp thu hồi tài sản 	<ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ và báo cáo của Chính phủ Báo cáo chương trình / dự án của UNODC
Kết quả cụ thể 2.2.1 Luật pháp, chính sách và chiến lược về rửa tiền và thu hồi tài sản được xây dựng và thực hiện (tuân thủ theo FATF và UNCAC)	<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn chính sách/rà soát luật pháp để tuân thủ tốt hơn với Tiêu chuẩn quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của Chính phủ Việt Nam Báo cáo dự án của UNODC, bao gồm đánh giá đào tạo
Kết quả cụ thể 2.2.2 Thẩm phán, kiểm sát viên và cán bộ thực thi pháp luật đủ khả năng để thực hiện những quy định về rửa tiền và thu hồi tài sản	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng, loại hình và địa điểm cán bộ được đào tạo hiệu quả, bao gồm bằng chứng của việc áp dụng với nơi làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của Chính phủ Việt Nam, bao gồm từ các học viện đào tạo liên quan Báo cáo dự án của UNODC, bao gồm đánh giá đào tạo
Kết quả cụ thể 2.2.3	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng, loại hình và địa điểm cán bộ được 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của Chính phủ Việt Nam, bao

Tiểu chương trình 2: Phòng chống tham nhũng và rửa tiền		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
Nhân viên/cán bộ ở các ngành trọng điểm/nguy cơ cao (ví dụ như ngân hàng) được đào tạo và trang bị để thực hiện nghĩa vụ của họ	đào tạo hiệu quả, bao gồm bằng chứng của việc áp dụng với nơi làm việc (M/F)	gồm từ các học viện đào tạo liên quan <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo dự án của UNODC, bao gồm đánh giá đào tạo • Kết quả trước và sau đào tạo
Kết quả cụ thể 2.2.4 Cơ chế cho hợp tác quốc tế hiệu quả hơn được xây dựng và thực hiện về AML và AR	<ul style="list-style-type: none"> • Số lượng và quy mô của các cơ chế hợp tác quốc tế được xây dựng và triển khai • Cơ quan Trung ương về chống rửa tiền, dẫn độ và tịch thu tài sản được tăng cường 	<ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo của chính phủ về các yêu cầu dẫn độ MLA và thu hồi tài sản

Tiểu chương trình 3: Phòng chống khủng bố		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
Kết quả chung 3.1 Các biện pháp chống khủng bố dựa trên quy định của pháp luật được thiết lập và thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> Chính phủ Việt Nam sửa đổi luật pháp để tuân thủ hoàn toàn các công cụ chống khủng bố và Nghị quyết của Hội đồng Bảo an 	<ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ và báo cáo của Việt Nam Báo cáo và đánh giá CTED Báo cáo đánh giá giữa và cuối kỳ
Kết quả cụ thể 3.1.1 Các công cụ chống khủng bố được phê chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> Số phê chuẩn mới đối với các công cụ chống khủng bố mà Việt Nam đã hoàn thành 	<ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ và báo cáo của Việt Nam
Kết quả cụ thể 3.1.2 Luật pháp chống khủng bố được dự thảo và có hiệu lực theo các công cụ quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> Việt Nam dự thảo luật mới tuân thủ theo công cụ chống khủng bố và các nghĩa vụ luật pháp quốc tế khác 	<ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ và báo cáo của chính phủ Báo cáo và đánh giá CTED
Kết quả cụ thể 3.1.3 Các cán bộ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các vấn đề luật pháp về chống khủng bố được đào tạo và trang bị để thực hiện nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng và loại hình các hoạt động đào tạo chuyên môn hỗ trợ của UNODC cho Việt Nam, bao gồm các bên hưởng lợi của các cơ quan hệ thống tư pháp hình sự (M/F) 	<ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ và báo cáo của Việt Nam Đánh giá định tính về đào tạo, công cụ và sự hài lòng về tổng thể của đối tác về dịch vụ của UNODC sử dụng công cụ đánh giá cấu trúc
Kết quả cụ thể 3.1.4 Cơ chế hợp tác và phối hợp được thiết lập / tăng cường giữa các cơ quan quốc gia liên quan đến thực hiện các biện pháp chống khủng bố	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng, loại hình và chất lượng cơ chế được thiết lập về phối hợp liên ngành 	<ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ và báo cáo của đối tác chính phủ Báo cáo thực hiện chương trình của UNODC

Tiểu chương trình 4: Tư pháp hình sự		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
<p>Kết quả chung 4.1</p> <p>Hệ thống tư pháp hình sự được thiết lập giải quyết các nhu cầu cơ bản của phụ nữ và trẻ em có liên quan đến luật pháp, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương và thiệt thòi</p>	<ul style="list-style-type: none"> Loại hình và quy mô của các hệ thống tư pháp hình sự được tăng cường/mới mà sẽ giải quyết nhu cầu của phụ nữ và trẻ em có liên quan đến luật pháp 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của các cơ quan chính phủ liên quan Báo cáo chương trình/dự án của UNODC
<p>Kết quả cụ thể 4.1.1</p> <p>Thông tin được tổng hợp nhằm hỗ trợ xây dựng và triển khai các hoạt động dựa trên cơ sở bằng chứng đối với những nhu cầu của phụ nữ và trẻ em có liên quan đến luật pháp, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất</p>	<ul style="list-style-type: none"> Dữ liệu và kiến thức được tổng hợp thông qua nghiên cứu và khảo sát được chia sẻ với các cơ quan chính phủ và tuyên truyền để sử dụng trong các chương trình dựa trên bằng chứng/chính sách của chính phủ 	<ul style="list-style-type: none"> Biên bản Hội nghị/Hội thảo/sự kiện tuyên truyền là nơi được chia sẻ với các quan chức chính phủ Sự sẵn có của tài liệu pháp luật và chính sách của chính phủ có liên quan đến dữ liệu/thông tin
<p>Kết quả cụ thể 4.1.2</p> <p>Khuôn khổ luật pháp và quy định đáp ứng những tiêu chuẩn và quy tắc quốc tế về bảo vệ của phụ nữ và trẻ em có liên quan đến luật pháp, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất</p>	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng và chất lượng của pháp luật và quy định được xây dựng bởi các ngành liên quan về bảo vệ phụ nữ và trẻ em có liên quan đến luật pháp 	<ul style="list-style-type: none"> Sự sẵn có của tài liệu pháp lý Phân tích chất lượng của tài liệu sử dụng công cụ đánh giá định tính cấu trúc
<p>Kết quả cụ thể 4.1.3</p> <p>Các cán bộ hành pháp và tư pháp hình sự cũng như nhân viên của các cơ quan khác được đào tạo và trang bị nhằm hỗ trợ nhu cầu của phụ nữ và trẻ em có liên quan đến luật pháp, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất</p>	<ul style="list-style-type: none"> Thu được kiến thức/tăng cường kỹ năng về vấn đề này do đào tạo cung cấp Sử dụng kiến thức/kỹ năng thu thập được qua đào tạo 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo đào tạo Bài tập trước và sau đào tạo Khảo sát định tính và định lượng về sử dụng kiến thức và kỹ năng thu được từ tập huấn đối với học viên cũng như các đối tượng hưởng lợi (phụ nữ và trẻ em)
<p>Kết quả cụ thể 4.1.4</p> <p>Nhận thức của công chúng được nâng cao nhằm bảo vệ quyền và khả năng tiếp cận tư pháp cho phụ nữ và trẻ em có liên quan đến luật pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng các chiến dịch truyền thông được sản xuất và giới thiệu cho công chúng, bao gồm ước tính số lượng người tiếp cận được 	<ul style="list-style-type: none"> Phỏng vấn các nhóm trọng tâm Dữ liệu từ truyền hình / in ấn về số người xem/người đọc Tài liệu về chiến dịch tuyên truyền

Tiểu chương trình 5: Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
Kết quả chung 5.1 - Phòng ngừa sử dụng ma túy, điều trị và chăm sóc Phòng ngừa, điều trị và chăm sóc hiệu quả hơn cho những người sử dụng/lệ thuộc vào ma túy	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng (M/F) tham gia phòng ngừa, điều trị và chương trình lệ thuộc và bằng chứng của duy trì điều trị và kết quả (sức khỏe, công việc, gia đình và quan hệ xã hội) 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của các cơ quan chính phủ liên quan Báo cáo của các tổ chức đối tác chính Báo cáo hội thảo và tập huấn Báo cáo của NGO và WHO
Kết quả cụ thể 5.1.1 Dữ liệu/bằng chứng được củng cố có sẵn nhằm hỗ trợ cho xây dựng chính sách và thực tiễn phòng ngừa, điều trị và chăm sóc ma túy	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin và dữ liệu đáng tin cậy có sẵn cho các đối tác cộng đồng và chính phủ về sử dụng ma túy cũng như các dịch vụ phòng ngừa và điều trị ma túy 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của các cơ quan chính phủ liên quan Báo cáo của các tổ chức đối tác chính Báo cáo hội thảo và tập huấn
Kết quả cụ thể 5.1.2 Năng lực đối tác chính phủ và cộng đồng được tăng cường và các cơ quan hành pháp nhạy bén với các phương pháp phòng ngừa sử dụng ma túy, điều trị và chăm sóc (bao gồm phòng ngừa HIV và AIDS) và được trang bị để hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> Kiến thức và năng lực của những người cung cấp dịch và các cơ quan hành pháp được tăng cường, bao gồm số lượng được đào tạo hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của các cơ quan chính phủ liên quan Báo cáo cuộc họp
Kết quả cụ thể 5.1.3 Các chương trình phòng ngừa, điều trị và chăm sóc ma túy dựa vào cộng đồng được thiết lập, bao gồm tiêu chuẩn chăm sóc tối thiểu	<ul style="list-style-type: none"> Chính sách và luật pháp quốc gia liên quan đến điều trị lệ thuộc ma túy dựa trên bằng chứng khoa học. Tăng về số lượng, chất lượng và quy mô của các chương trình điều trị và phòng ngừa lệ thuộc ma túy dựa vào cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của các cơ quan chính phủ liên quan Báo cáo của các tổ chức đối tác chính Báo cáo hội thảo và tập huấn
Kết quả chung 5.2 - Phòng ngừa và chăm sóc HIV/AIDS Mục tiêu tiếp cận tổng thể đạt được trong các nhóm mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ người tiêm chích ma túy (M/F), bao gồm trong cơ sở khép kín/trại giam, với tiếp cận các dịch vụ phòng ngừa và chăm sóc HIV/AIDS và dịch vụ chăm sóc AIDS 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo toàn cầu về tiến trình ứng phó đại dịch AIDS của Chính phủ Việt Nam Nghiên cứu/khảo sát cụ thể chương trình Báo cáo tiến độ dự án của UNODC
Kết quả cụ thể 5.2.1 Môi trường hỗ trợ được xây dựng cho việc triển khai gói toàn diện về dịch vụ phòng ngừa và chăm sóc HIV/AIDS cho người sử dụng ma túy, đặc biệt là tiêm chích ma túy	<ul style="list-style-type: none"> Năng lực của các cơ quan liên quan (VD tư pháp, hành pháp, y tế, giáo dục...) được tăng cường đối với việc xây dựng, triển khai, giám sát và đánh giá các dịch vụ phòng ngừa, điều trị và chăm sóc HIV dựa vào bằng chứng cho những người tiêm chích ma túy và trong cơ sở khép kín. 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của các cơ quan chính phủ liên quan Ấn phẩm Báo cáo hội thảo và tập huấn Báo cáo đánh giá Báo cáo truyền thông Báo cáo của các tổ chức tổ chức chính trị

Tiểu chương trình 5: Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS		
Hệ thống kết quả	Chỉ số thực hiện	Phương thức đánh giá
		xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể quần chúng
<p>Kết quả cụ thể 5.2.2</p> <p>Một gói toàn diện về dịch vụ phòng ngừa và chăm sóc HIV/AIDS được xây dựng trong môi trường trại giam</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tăng tỷ lệ % phạm nhân với khả năng tiếp cận gọi toàn diện về về dịch vụ phòng ngừa và chăm sóc HIV/AIDS ở các trại giam được lựa chọn 	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá của UNODC • Báo cáo của các cơ quan chính phủ liên quan • Báo cáo hội thảo và tập huấn • Báo cáo đánh giá • Báo cáo truyền thông

PHỤ LỤC 4 - Ngân sách thực hiện

Ngân sách đề xuất và đưa ra cơ sở để huy động nguồn lực

Chương trình quốc gia của Việt Nam 2012-2017 - Ngân sách (bao gồm hoạt động từ dự án khu vực và toàn cầu)

Tiểu chương trình	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Tổng	Đảm bảo	Cần huy động	
									OPF	Không phải OPF
1. Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép	916.739	1.000.000	1.000.000	810.000	710.000	572.261	5.009.000	1.120.700	1.388.000	2.500.300
2. Phòng chống tham nhũng và rửa tiền	218.803	370.000	300.000	250.000	150.000	111.197	1.400.000	173.000	400.000	827.000
3. Phòng chống khủng bố	200.000	218.000	200.000	200.000			818.000	200.000		618.000
4. Tư pháp hình sự	269.579	750.000	750.000	500.000	400.000	211.121	2.880.700	140.000	1.410.000	1.330.700
5. Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS	579.910	850.000	850.000	800.000	700.000	570.090	4.350.000	390.000	1.140.000	2.820.000
Tổng	2.185.031	3.188.000	3.100.000	2.560.000	1.960.000	1.464.669	14.457.700	2.023.700	4.338.000	8.096.000

PHỤ LỤC 5 - Sơ đồ tổ chức văn phòng UNODC

